

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017



Đột Phá Tư Duy

Nâng Tầm Giá Trị

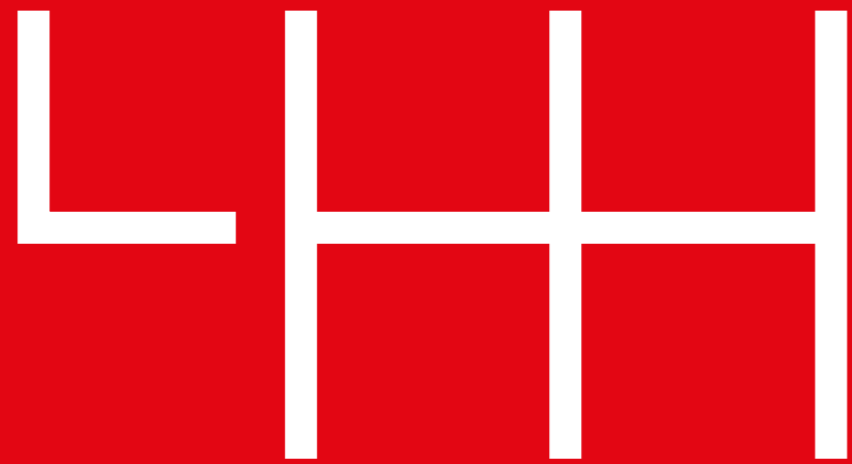
NỘI DUNG

04	Thông điệp Của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị	06	Thông Tin Chung	07	Sứ Mệnh - Tầm Nhìn Giá Trị Cốt Lõi	08	Ngành Nghề Và Địa Bàn Kinh Doanh	10	Quá Trình Hình Thành Và Phát Triển	12	Mô Hình Quản Trị, Tổ Chức Kinh Doanh Và Bộ Máy Quản Lý	13	Sơ Đồ Tổ Chức	14	Các Công Ty Con Và Công Ty Liên Kết	20	Định Hướng Phát Triển	21	Các Rủi Ro	23	Tình Hình Hoạt Động Trong Năm	24	Tổ Chức Và Nhân Sự	26	Hội Đồng Quản Trị	28	Ban Kiểm Soát	29	Ban Điều Hành	30	Tình Hình Đầu Tư, Thực Hiện Các Dự Án	33	Tóm Tắt Tình Hình Hoạt Động Của Các Công Ty Con, Liên Kết	35	Tình Hình Tài Chính
----	-------------------------------------------	----	-----------------	----	------------------------------------	----	----------------------------------	----	------------------------------------	----	--------------------------------------------------------	----	---------------	----	-------------------------------------	----	-----------------------	----	------------	----	-------------------------------	----	--------------------	----	-------------------	----	---------------	----	---------------	----	---------------------------------------	----	-----------------------------------------------------------	----	---------------------

Đột Phá Tư Duy

Nâng Tầm Giá Trị

04 20 24 30



40 48 78

40	Báo Cáo Tác Động Liên Quan Đến Môi Trường Và Xã Hội	44	Các Giải Thưởng Trong Năm Của Hệ Thống Savico	48	Đánh Giá Của Hội Đồng Quản Trị Về Hoạt Động Của Công Ty	54	Báo Cáo Của Ban Tổng Giám Đốc	66	Quản Trị Công Ty	78	Báo Cáo Tài Chính
----	-----------------------------------------------------	----	-----------------------------------------------	----	---------------------------------------------------------	----	-------------------------------	----	------------------	----	-------------------

THÔNG DIỆP CỦA CHỦ TỊCH



Đột Phá Tư Duy Nâng Tầm Giá Trị

Kính gửi: Quý khách hàng, đối tác, nhà đầu tư, cổ đông và toàn thể cán bộ, nhân viên Savico và các doanh nghiệp thuộc hệ thống Savico.

Bước vào năm 2017 nền kinh tế Việt Nam được dự báo là tăng tốc trên nền tảng kinh tế vĩ mô ngày càng vững chắc hơn và thị trường ô tô được kỳ vọng sẽ là một năm khởi sắc so với những tăng trưởng khả quan của năm 2016. Tuy nhiên, trái ngược với kết quả tăng trưởng kinh tế chung đạt 6,81%, vượt chỉ tiêu do Quốc hội đề ra và là mức tăng trưởng cao nhất trong 10 năm qua, thị trường ô tô 2017 hoàn toàn đi ngược lại với dự đoán. Kết thúc 2017, doanh

số bán hàng toàn thị trường đã giảm 10% so với năm 2016, trong đó xe du lịch giảm 12%, xe thương mại giảm 5% và xe chuyên dụng giảm 15%.

Lộ trình giảm thuế nhập khẩu ô tô trong khu vực ASEAN về 0% vào đầu 2018 đã ảnh hưởng đến tâm lý người tiêu dùng với hy vọng giá xe sẽ giảm sâu. Từ quý II/2017, hầu hết các nhà sản xuất đã liên tục thực hiện các chương trình giảm giá để kích cầu và việc giá xe liên tục được điều chỉnh giảm đã tạo nên sự cạnh tranh gay gắt giữa các đại lý, ảnh hưởng lớn đến hiệu quả bán hàng.

Trong bối cảnh ảm đạm của thị trường ô tô Việt Nam, các doanh nghiệp trong toàn hệ thống đã chuyển mình, quyết tâm thực hiện chỉ tiêu kinh doanh 2017 với những nỗ lực cao nhất để **KHẲNG ĐỊNH NIỀM TIN SAVICO** sau 35 năm hình thành và phát triển. Từ sự phối hợp chặt chẽ trong chỉ đạo điều hành giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và cán bộ đại diện vốn cùng với những nỗ lực vượt bậc của cán bộ nhân viên trong toàn hệ thống đã giúp SAVICO thực hiện kế hoạch 2017 với kết quả đáng ghi nhận:

Tổng lượng xe ô tô tiêu thụ toàn hệ thống đạt 27.067 xe, đạt 95% kế hoạch, tăng 3% so với cùng kỳ, chiếm 9,9% thị phần ô tô cả nước (cùng kỳ 2016 đạt 8,6%).

Doanh thu hợp nhất thực hiện 13.795 tỷ đồng, đạt 95% kế hoạch, tăng 1% so với cùng kỳ.

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất thực hiện 174 tỷ đồng, đạt 69,6% kế hoạch, giảm 18% so với cùng kỳ.

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất thực hiện 139 tỷ đồng đạt 69,5% kế hoạch, giảm 20% so với cùng kỳ.

Thu nhập cổ đông Công ty mẹ SAVICO thực hiện 81,6 tỷ đồng đạt 62,5% kế hoạch, giảm 33,6% so với cùng kỳ.

Mặc dù các chỉ tiêu về hiệu quả chưa đạt kỳ vọng, trong năm 2017 hệ thống SAVICO đã đầu tư phát triển và đưa vào hoạt động thêm 6 đại lý, nâng tổng số lên 41 đại lý ô tô trên cả nước. Bên cạnh đó, các mục tiêu về quản trị, cổ tức, văn hóa doanh nghiệp, môi trường và xã hội cũng có những bước phát triển tương ứng nhằm đảm bảo sự phát triển cân bằng của doanh nghiệp, đảm bảo sự hài hòa về lợi ích giữa doanh nghiệp, cổ đông, khách hàng, người lao động và xã hội.

Năm 2017, lần thứ hai Savico vinh dự đón nhận Huân chương Lao động Hạng Nhất do Chủ tịch nước trao tặng, là doanh nghiệp 10 năm liên tiếp nằm trong danh sách 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam và được Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh khen thưởng danh hiệu Doanh nghiệp phát triển bền vững trên 30 năm. **SAVICO ĐÃ VƯỢT TẦM CAO MỚI** khi khép lại một năm 2017 thật nhiều khó khăn với những kết quả đáng khích lệ.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin cảm ơn sự tin tưởng, hỗ trợ và đồng hành của quý khách hàng, đối tác, nhà đầu tư và cổ đông trong năm qua. Tôi cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành đến các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, cán bộ đại diện vốn và cán bộ nhân viên toàn hệ thống đã nỗ lực để thực hiện nhiệm vụ 2017.

Kinh tế Việt Nam năm 2018 được dự báo là sẽ tiếp tục ổn định và tăng trưởng bền vững nhưng cũng còn đối mặt với nhiều thách thức. Thị trường ô tô được dự báo sẽ tiếp tục khó khăn hơn với quy định về điều kiện và thủ tục nhập khẩu ô tô, linh kiện và phụ tùng... Thị trường bất động sản có thể vẫn tiếp tục giữ được sự phát triển ổn định, tuy nhiên cũng sẽ phải đối mặt với khó khăn thiếu vốn, nhiều thách thức về quan hệ cung - cầu, việc tiếp cận quỹ đất đầu tư và các thủ tục hành chính.

Trước những thách thức này, Hội đồng quản trị sẽ luôn sát cánh với Ban Tổng giám đốc và cán bộ đại diện vốn tại các doanh nghiệp thành viên sẽ tiếp tục nỗ lực, đột phá trong kinh doanh. Hội đồng quản trị xác định đây là thời điểm "**Đột Phá Tư Duy – Nâng Tầm Giá Trị**" - thời điểm mà từng thành viên lãnh đạo, quản lý SAVICO cần mạnh dạn có những đổi mới trong tư duy và suy nghĩ, có những hành động quyết liệt và phù hợp với tình hình thị trường nhằm tạo động lực mạnh mẽ cho cán bộ, nhân viên toàn hệ thống vượt qua những khó khăn và thách thức, tăng khả năng sáng tạo và hiệu suất trong công việc để đưa SAVICO và hệ thống tăng tốc, tiếp tục dẫn đầu cũng như nâng giá trị của SAVICO và hệ thống lên tầm cao hơn. Từ đó, thỏa mãn nhu cầu, gia tăng giá trị và quyền lợi cho cổ đông, khách hàng, người lao động và các bên có liên quan, góp phần vào tăng trưởng kinh tế của Thành phố và cả nước.

Thay mặt Hội đồng quản trị
Chủ tịch

Nguyễn Bình Minh

THÔNG TIN CHUNG

Đến nay, hệ thống SAVICO bao gồm 13 Công ty con, 7 Công ty liên kết và 17 Công ty trực thuộc các Công ty con, Công ty liên kết.

Tên Công ty:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN
Tên giao dịch: SAVICO
Mã chứng khoán: SVC (HSX)

Trụ sở chính:

68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-28) 3821 3913
Fax: (84-28) 3821 3553 / 3821 5992
Email: savico@savico.com.vn

Website: www.savico.com.vn

TÂM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI



TÂM NHÌN

Trở thành Công ty đầu tư chuyên ngành dịch vụ hàng đầu tại Việt Nam, hội nhập Khu vực và Quốc tế.



SỨ MỆNH

Mang đến cho người tiêu dùng những sản phẩm, dịch vụ uy tín, nâng cao chất lượng và giá trị cuộc sống.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI



MINH BẠCH

Trong các giao dịch, ứng xử và kinh doanh



TÔN TRỌNG

Cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng, đối tác...



TRÁCH NHIỆM

Tuân thủ luật pháp, tham gia đóng góp cộng đồng, xã hội.



SÁNG TẠO

Luôn tìm kiếm cơ hội, tự đổi mới để gia tăng uy tín và hiệu quả doanh nghiệp



ĐOÀN KẾT

Đồng thuận, vượt qua thách thức; Tự đổi mới, đón đầu cơ hội, gạt hải thành công.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH



DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI

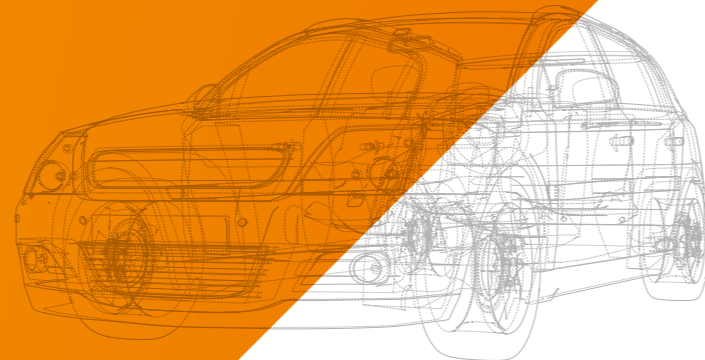
Tổ chức hệ thống đại lý trực tiếp phân phối ô tô, xe gắn máy từ nhà sản xuất trong và ngoài nước; sửa chữa; bảo trì ô tô, xe gắn máy và các dịch vụ kèm theo cho các thương hiệu Toyota, Ford, Volvo, Chevrolet, Hyundai, Honda, Hino, Fuso, Yamaha ...

DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN

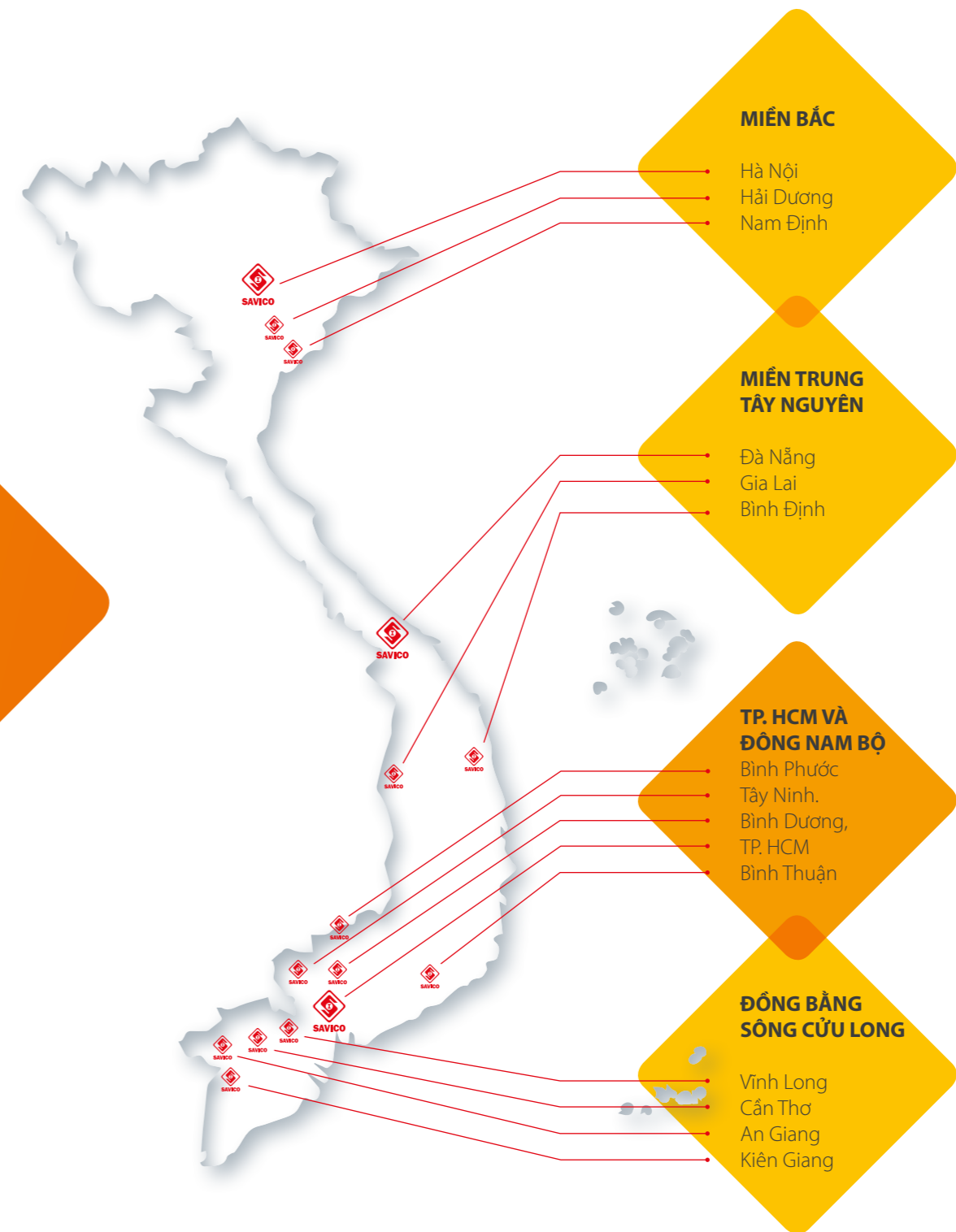
Đầu tư, phát triển kinh doanh bất động sản theo định hướng cao ốc văn phòng, trung tâm thương mại...; Đầu tư cơ sở vật chất hỗ trợ cho hoạt động của lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại.

DỊCH VỤ TÀI CHÍNH

Hỗ trợ hoạt động kinh doanh của lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại và Dịch vụ Bất động sản.



Địa bàn kinh doanh của Công ty trải rộng từ Bắc vào Nam



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

XÂY DỰNG NỀN MÓNG 1982 - 2004

Giai đoạn hoạt động theo hình thức Doanh nghiệp Nhà nước

1982

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (Savico) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập vào ngày 01/09/1982 với tên gọi là Công ty Dịch vụ Quận 1.



1986

Đổi tên từ Công ty Dịch vụ Quận 1 thành Công ty Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn với tên giao dịch là Savico.

1990

Đơn vị tiên phong của thành phố Hồ Chí Minh tổ chức khai thác kinh doanh dịch vụ ngành ô tô, xe gắn máy, du lịch, dịch vụ vận chuyển - taxi... tạo nền tảng cho việc phát triển hệ thống Dịch vụ - Thương mại sau này.



1998 -2004

Bên cạnh việc phát triển các dự án bất động sản và đầu tư vào những ngành then chốt, bổ trợ và củng cố hoạt động; Công ty đã từng bước chuyển hướng hoạt động sang mô hình Công ty đầu tư, xây dựng và phát triển hệ thống đại lý phân phối xe ô tô, xe gắn máy của các nhãn hiệu có uy tín như: Toyota, Ford, Suzuki, Chevrolet,...



HỘI NHẬP 2004 - 2014

Giai đoạn hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần (2004 đến nay)

2005

Công ty thực hiện cổ phần hóa và chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 04/01/2005. Hoạt động của Công ty tập trung vào 3 lĩnh vực: Dịch vụ Thương mại, Dịch vụ Bất động sản và Dịch vụ Tài chính; địa bàn hoạt động trải rộng trong cả nước.



2006

Ngày 21 tháng 12 năm 2006, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là SVC.

2009

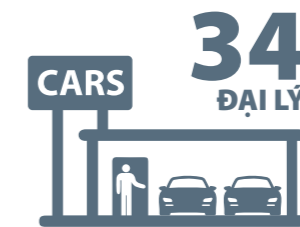
Ngày 01 tháng 06 năm 2009, Cổ phiếu của Công ty chuyển sang giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là SVC.



PHÁT TRIỂN 2014 - NAY

2015

Đã mở thêm 15 đại lý ô tô trong 2 năm 2015, 2016; nâng tổng số đại lý ô tô trong hệ thống Savico lên con số 34 đại lý vào cuối năm 2016.



2016

Trong năm 2016, Savico đã mở rộng sang kinh doanh xe thương mại với các thương hiệu Fuso, Hino và kinh doanh xe cao cấp với thương hiệu Volvo.

Ký hợp đồng hợp tác chiến lược toàn diện giai đoạn 2016 - 2021 với Vietinbank.

2017 ...

Tổng số đại lý ô tô của hệ thống Savico hiện nay là 41 đại lý, mục tiêu đến cuối 2018 sẽ có ít nhất 46 đại lý.

Tập trung vào các giá trị hệ thống; ký hợp đồng hợp tác chiến lược với Vietcombank; tập trung nâng cao năng lực tài chính, năng lực quản trị toàn hệ thống.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Savico phát triển theo mô hình Công ty đầu tư (Công ty mẹ), đầu tư vào các dự án dịch vụ thương mại, bất động sản, tài chính; góp vốn và tham gia quản trị song hành với các Công ty con, liên kết để phát triển kinh doanh.

Mô hình quản trị theo ngành dọc “chuyên biệt để tạo lợi thế” và quản lý theo khu vực “kết hợp để tạo hiệu quả”. Giao chỉ tiêu kế hoạch cho các đơn vị thành viên, kiểm soát hoạt động đảm bảo hiệu quả đầu tư, đồng thời hỗ trợ các đơn vị thành viên mở rộng thị trường, đào tạo phát triển nhân lực, tăng cường liên kết, phối hợp các hoạt động giữa các đơn vị thành viên, nâng cao năng lực cạnh tranh của toàn hệ thống Savico.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



THÔNG TIN CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	VĐL (31/12/2017) TRĐ	PHẦN TRĂM VỐN SỞ HỮU CỦA SAVICO
CÔNG TY CON					
1	Công ty CP Savico Hà Nội	7 - 9 Nguyễn Văn Linh, tổ 17, P. Gia Thụy, Q. Long Biên, TP. Hà Nội	Điều hành trung tâm thương mại, dịch vụ khách sạn; xây dựng dân dụng và công nghiệp; đại lý thương mại và ủy thác; hoạt động xuất nhập khẩu; kinh doanh phương tiện vận tải và bảo trì xe ô tô; cho thuê máy; dịch vụ vận chuyển và đậu xe.	80.000	70,00%
	Trung Tâm Thương Mại Savico Mega Mall	7 - 9 Nguyễn Văn Linh, P. Gia Thụy, Q. Long Biên, TP. Hà Nội. ĐT: (84 24) 62 668 855, www.savicomegamall.com			
	Công Ty TNHH Toyota Long Biên	7 - 9 Nguyễn Văn Linh, P. Gia Thụy, Q. Long Biên, TP. Hà Nội. ĐT: (84 24) 62 777 999 - Fax: (84 24) 62 777 998 Hotline: 0973.778.669, Email: toyotalongbien.hn@gmail.vn, www.toyotalongbien.org			
	Công Ty TNHH Toyota Hải Dương	Số 1 đường Ngô Quyền, P. Cẩm Thượng, TP. Hải Dương ĐT: (84 220) 3555 999 - Fax: (84 220) 3555 997 Hotline: 090.345.9775			
	Công ty TNHH Đầu tư và Dịch vụ Ô tô Hải Dương (Ford Hải Dương)	Khu 14, đường Ngô Quyền, P. Bình Hàn, Tp. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương Hotline: 0906 931 555 www.haiduongford.vn			
2	Công ty CP Savico Đà Nẵng	66 Võ Văn Tần, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng	Kinh doanh bất động sản; cho thuê văn phòng và nhà xưởng; tư vấn, môi giới bất động sản; kinh doanh xe ô tô, xe có động cơ khác và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và sửa chữa; cung cấp dịch vụ vận chuyển.	42.900	70,00%
	Công ty CP Dana (Danaford)	56 Điện Biên Phủ, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng ĐT: (84 236). 364 6555 - Fax: (84 236) 364 6746 Hotline cứu hộ: 0905 444 888 Email: danaford@danaford.com.vn Web: www.danaford.com.vn Hotline bán hàng: 0905 105 888 Hotline dịch vụ: 0914 061 731 Chăm sóc khách hàng: 0905 444 838			
	Chi nhánh Dana Ford Bình Định	73 Tây Sơn, TP. Qui Nhơn, Tỉnh Bình Định ĐT: (84 256) 3546 555 - Fax: (84 256) 3546 488 Hotline : 0905 631 666 Email: dongpq@danaford.com.vn			
	Chi nhánh Dana Ford Gia Lai	284 Lê Duẩn, P. Thắng Lợi, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai ĐT: (84 269) 3535555 - Fax: (84 269) 3551777			

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	VĐL (31/12/2017) TRĐ	PHẦN TRĂM VỐN SỞ HỮU CỦA SAVICO
	Công ty CP Ô tô Sông Hàn (Hyundai Sông Hàn)	86 Duy Tân, P. Hòa Thuận Tây, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng ĐT: (84 236) 378 3555 - Fax: (84 236) 378 3883 Hotline: 0914 303 555 / 0511 3 783 888 www.hyundaisonghan.com.vn			
	Chi nhánh Hyundai Sơn Trà	286 Phạm Hùng, Xã Hoà Phước, Huyện Hoà Vang, TP. Đà Nẵng			
	Công ty TNHH Hyundai Gia Lai	278 Lê Duẩn, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai ĐT: (84 269) 386 2255 - Fax: (84 269) 386 2266 Hotline: (84 069) 373 5888			
	Công ty CP Ô tô Bình Định - Hyundai Bình Định	359 Tây Sơn, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn, T. Bình Định ĐT: (84 256) 353 5255 - Fax: (84 256) 353 5166 Hotline: (84 256) 364 7888 Website: www.hyundaibinhdinhh.com.vn			
	Công ty TNHH Ô tô Đà Nẵng - Mitsubishi Savico Đà Nẵng	Số 02 Nguyễn Hữu Thọ, P. Hòa Thuận Tây, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng. ĐT: (84 236) 377 8555 - Fax: (84 236) 389 3789. Website: www.mitsubishisavico.com.vn			
3	Công ty CP Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà	Bãi Trẹm, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng	Phát triển dự án du lịch nghỉ dưỡng Mercure Sơn Trà Resort.	84.000	98,00%
4	Công ty liên doanh Toyota Giải Phóng	Số 807 Giải phóng, Hoàng Mai - Hà Nội Tel: (84 24) 3664 0124 Fax: (84 24) 36640127 Hotline: 0903.259.295 www.toyotagialiphong.com.vn www.toyotagialiphong.vn	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	18.088	51,00%
	Toyota Giải Phóng Chi nhánh Pháp Vân	P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội ĐT: (84 24) 3642 5588 - Fax: (84 24) 3642 5599 Hotline: 098 999 7879 - www.toyota-phapvan.com			
	Toyota Giải Phóng Chi nhánh Nam Định	Đường Nam Định - Phủ Lý, xã Lộc Hòa, TP. Nam Định, Tỉnh Nam Định			
5	Công ty CP Dịch vụ Sài Gòn Ô tô (Sài Gòn Ford)	61A Cao Thắng, P.3, Q. 3, TP. HCM	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	86.000	52,05%
	Saigon Ford Cao Thắng	61A Cao Thắng, P. 3, Q. 3, TP. HCM ĐT: (84 28) 3818 1458 - Fax: (84 28) 3818 1466 Hotline dịch vụ: 090 746 8686, Hotline bán hàng: 093.878.3139 Email: saigonford@saigonford.com.vn, www.saigonford.com.vn			

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	VĐL (31/12/2017) TRĐ	PHẦN TRĂM VỐN SỞ HỮU CỦA SAVICO
	Saigon Ford Phổ Quang	TT kinh doanh xe cũ & xưởng DV sửa chữa đồng sơn 104 Phố Quang, P. 2, Q. Tân Bình, TP. HCM ĐT: (84 28) 3844.2947/ 3844.2948 - Fax: (84 28) 3844 2896 Hotline: 093 811 0139 - Email: phoquang@saigonford.com.vn			
	Sài Gòn Automax - Trần Đình Xu	72 Trần Đình Xu, Q. 1, TP. HCM ĐT: (84 28) 3838 9508 - Fax: (84 28) 3838 9521 www.mazdabenthanh.com.vn			
	Sài Gòn Automax - An Dương Vương	56A An Dương Vương, P.16, Q.8, TP. HCM ĐT: (84) 0933129839, www.saigonautomax.bonbanh.com			
	Sài Gòn Automax - Trần Hưng Đạo	Tel: (84 28) 3915 3244 - Fax: (84 28) 3915 3243 Hotline: 093 898 0139, Email: saigonford@saigonford.com.vn			
	Công ty CP Đầu tư TMDV Sài Gòn Ôtô Cần Thơ	Lô 11C Võ Nguyên Giáp, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ ĐT: (84 292) 3730 720 / 3730 719 - Fax: (84 292) 3.730.716 Hotline: 0902 357 558, Email: cantho@saigonford.com.vn Website: www.canthoford.vn			
	Công ty CP Bến Thành Ôtô	831 Trường Chinh, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. HCM ĐT: (8428) 3815.7979 - Fax: (84 28) 3815.8989 Hotline Dịch vụ: 0908 061 061 - Bán hàng: 0938 191 191 Email: info@benthanhford.com.vn Website: www.benthanhford.com.vn			
	• Bến Thành Ford Assured	69-71 Chế Lan Viên P. Tây Thạnh Q. Tân Phú, TP. HCM ĐT: 0908 008 998 - Fax: (84 28) 38155886, Hotline: 0931.248.248			
	• Công ty CP Bến Thành Tây Ninh	226 Quốc lộ 22B, ấp Hiệp Trường, xã Hiệp Tân, Huyện Hòa Thành, Tỉnh Tây Ninh ĐT: (84.276) 3622 711 - Fax: (84.276) 3622 911 Hotline: 0936 824 879, Email: info@tayninhford.com.vn http://www.tayninhford.com.vn			
	Công ty CP Dịch vụ Ô tô Bình Thuận	Quốc lộ 1A - Lô 4/3 đường số 4 Khu Công Nghiệp Phan Thiết 1, xã Phong Nẫm, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận ĐT: (84.252) 3535 010 - Fax: (84.252) 3535 020 Hotline bán hàng: 0919 828 121, Hotline dịch vụ: 0903 618 250 www.binhthuanford.com.vn			
	Công ty CP Đầu Tư TMDV Ôtô Nam Sài Gòn (Chevrolet Phú Mỹ Hưng)	1489 Đường Nguyễn Văn Linh, P. Tân Phong, Q. 7, TP. HCM ĐT: (84 28) 3771 8888 - Fax: (84 28) 3771 8895 Hotline Bán hàng: 0902743783, Hotline Dịch vụ: 0938453645. Email: info@chevroletphumyhung.com.vn. Website: chevroletphumyhung.com.vn			
6	Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	K2-0, Võ Nguyên Giáp, Khu vực Thanh Thuận, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	49.626	51,00%
7	Công ty CP Ôtô Nam Sông Hậu (Honda Cần Thơ)	Lô E1-1 Đường Võ Nguyên Giáp, khu vực Thạnh Lợi, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu HONDA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì	50.000	51,00%

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	VĐL (31/12/2017) TRĐ	PHẦN TRĂM VỐN SỞ HỮU CỦA SAVICO
8	Công ty CP Ôtô Vĩnh Thịnh (Hino Vĩnh Thịnh)	55/5 Khu phố Bình Giao, P. Thuận Giao, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương	Kinh doanh xe ô tô tải nhãn hiệu HINO và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa và vận tải.	20.000	90,00%
	Chi nhánh Bình Phước	Quốc lộ 14, Thị trấn Đồng Xoài, Huyện Đồng Phú, Bình Phước			
9	Công ty CP Ôtô Tây Bắc Sài Gòn	3/7A, QL. 22, xã Xuân Thới Đông, H. Hóc Môn, TP. HCM	Kinh doanh xe ô tô tải nhãn hiệu Fuso và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và vận tải.	20.000	80,00%
	Chi nhánh Bình Dương	1/126 Khu phố Hòa Lân 2, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An, Bình Dương Hotline Kinh Doanh: 01267 000 333 Hotline Dịch Vụ: 01268 000 333 Email: info@binhduongfuso.com www. http://binhduongfuso.com			
10	Công ty CP Sài Gòn Ngôi Sao	510 Quốc Lộ 13, P. Hiệp Bình Phước, Q.Thủ Đức, TP. HCM	Kinh doanh xe ô tô và xe gắn máy mang nhãn hiệu SUZUKI, HONDA và VEAM và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	15.000	59,62%
	Xưởng đóng thùng Đồng Nai	Đường số 4 Khu công nghiệp Quốc phòng Long Bình, P. Long Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.			
	Chi nhánh Bình Dương	184C/1 Đường ĐT 743, P. An Phú, Thị Xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương. Hotline : 0916 467 674 - Fax: (84 274)37273133			
	Công ty TNHH MTV Sài Gòn Phương Nam	510 Quốc Lộ 13, P. Hiệp Bình Phước, Q. Thủ Đức. ĐT: (84 28) 3727 3438 - Fax: (84 28) 37273133			
	Công ty TNHH TMDV Sài Gòn Viễn Đông	673 Huỳnh Tấn Phát, P. Tân Thuận Đông, Q. 7, TP. HCM ĐT: (84 28) 37733893 - Fax: (84 28) 37733902			
11	Công ty CP Ôtô Sài Gòn Cửu Long (Chevrolet Cần Thơ)	274 đường 30/4 P. Hưng Lợi, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu CHEVROLET và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	12.000	84,17%
12	Công ty TNHH TMDV Sài Gòn (Yamaha Sài Gòn)	164-166C Đường 3/2, P. Hưng Lợi, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ ĐT: (84 292) 3780 164 Fax: (84 292) 3780 166	Kinh doanh xe gắn máy mang nhãn hiệu YAMAHA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	7.660	88,12%
	Cửa hàng Yamaha Sài Gòn 2	Kiốt 15-17-19-21 Công viên Văn Hóa Miền Tây, Số 45 Đường CMT8, P. An Thới, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ ĐT: (84 292) 3783 979 - (84 292) 3783 839			
	Cửa hàng Yamaha Sài Gòn 3	291 Ấp An Nhơn, xã Trung Thành, Huyện Vũng Liêm, Tỉnh Vĩnh Long. ĐT: (84 270) 3976 888 - Fax: (84 270) 3976 777			
	Trạm dịch vụ và phụ tùng	164/1B, Đường 3/2 P. Hưng Lợi, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ ĐT: (84 292) 3782 982			

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	VĐL (31/12/2017) TRĐ	PHẦN TRĂM VỐN SỞ HỮU CỦA SAVICO
13	Công ty CP OtoS (OtoS)	66 - 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP. HCM	Cung cấp dịch vụ thương mại điện tử; dịch vụ quảng cáo; kinh doanh xe ô tô và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và sửa chữa; cung cấp phần mềm và các dịch vụ liên quan đến công nghệ thông tin.	12.495,6	80,35%
CÔNG TY LIÊN KẾT					
1	Công ty CP Đầu tư Savico	66-68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP. HCM	Kinh doanh bất động sản; tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, cung cấp các dịch vụ về nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; cung cấp dịch vụ tư vấn kiến trúc và kỹ thuật có liên quan; thiết kế và xây dựng công trình dân dụng; kinh doanh xe ô tô và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và sửa chữa; cung cấp dịch vụ giáo dục mầm non.	160.000	40%
2	Công ty CP Toyota Đông Sài Gòn	507 Xa lộ Hà Nội, P. An Phú, Q. 2, TP. HCM ĐT: (84 28) 3898 9242 Fax: (84 28) 3898 9243 Hotline: 19006428 Email: tesc@toyotasaigon.com	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	108.500	30,3%
	Chi Nhánh Gò Vấp	18 Phan Văn Trị, P.7, Q. Gò Vấp, TP. HCM ĐT: (84 28) 3989 6636 - Fax: (84 28) 3989 6637 Hotline: 19006438, Email: tesc@toyotasaigon.com			
	Chi Nhánh Nguyễn Văn Lượng	63A Nguyễn Văn Lượng, P. 10, Q. Gò Vấp, TP. HCM ĐT: (84 28) 3921 2808 - Fax: (08) 3921 2809 Hotline: 0918335050, Email: tesc@toyotasaigon.com			
	Công Ty TNHH Toyota Bình Thuận	Địa chỉ: Khu dân cư Bến Lội - Lại An, thôn Thắng Thuận, xã Hàm Thắng, H. Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận ĐT: (84 252) 3739 212 - Fax: (84 252) 3739 210 Hotline: 0901662828, Email: tesc@toyotasaigon.com			
	Chi nhánh Quận 9	850 Xa Lộ Hà Nội, P. Hiệp Phú, Q. 9, TP. HCM ĐT: (84 28) 37361689 - Fax: (84 28) 37361690 Hotline: 0901 830 833, Email: tesc@toyotasaigon.com			
3	Công ty TNHH Comfort Delgro Savico Taxi	384A/2 Kha Vạn Cân, P. Hiệp Bình Chánh, Q. Thủ Đức, TP. HCM	Điều hành dịch vụ vận tải bằng taxi và các dịch vụ khác có liên quan tại Việt Nam.	79.315	40,03%

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	VĐL (31/12/2017) TRĐ	PHẦN TRĂM VỐN SỞ HỮU CỦA SAVICO
4	Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	188 Lê Trọng Tấn, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. HCM ĐT: (84 28) 3816 3636 Fax: (84 28) 3816 3366	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì	60.000	35%
	Chi nhánh 1	151A Lý Thường Kiệt, P. 6, Q. Tân Bình, TP. HCM ĐT: (84 28) 3971 3838 - Fax: (84 28) 3971 3209			
	Chi nhánh Tây Ninh (Toyota Tây Ninh)	Số 50 Hoàng Lê Kha, P. 3, TP. Tây Ninh Hotline: 1800 6565			
5	Công ty CP Ô tô Bắc Âu (Volvo Cars)	340 Nguyễn Văn Linh, P. Bình Thuận, Q. 7, TP. HCM	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu Volvo và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	60.000	32%
	Công ty TNHH Ô tô Bắc Âu Hà Nội (Volvo Cars Hanoi)	7-9 Nguyễn Văn Linh, Long Biên, TP. Hà Nội Hotline: 097.111.7799			
6	Công ty CP Ô tô Sao Tây Nam (Hyundai Tây Đô)	91 đường CMT 8, P. An Thới, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu HYUNDAI và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì	40.000	43,8%
7	Công ty CP DV Ô tô Thành Phố Mới Bình Dương (Bình Dương Ford)	Lô C13 đường Hùng Vương, khu liên hợp, P. Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	50.000	27,5%



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu năm 2018:

Khai trương và đưa vào hoạt động 7 đại lý ô tô 2S - 3S. Khai thác hiệu quả nguồn thu ổn định của lĩnh vực bất động sản; tiếp tục đẩy mạnh hoạt động kinh doanh sau bán hàng để đảm bảo nguồn thu bền vững.

Tiếp tục tăng cường vai trò quản trị hệ thống của Công ty mẹ; quản trị tài chính hiệu quả, kiểm soát rủi ro, phát triển nguồn nhân lực.

Mục tiêu trung và dài hạn:

Giữ vững vị thế là nhà phân phối ô tô số 1 tại Việt Nam với thị phần toàn hệ thống đạt tối thiểu 10% tổng thị trường xe ô tô Việt Nam đến năm 2020.

Lĩnh vực dịch vụ thương mại là lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, lĩnh vực bất động sản đóng góp quan trọng cho lợi nhuận ổn định của Công ty.

Mục tiêu phát triển bền vững

Thực hiện chiến lược phát triển doanh nghiệp xuyên suốt theo hướng gắn hiệu quả kinh tế của doanh nghiệp, lợi ích của cổ đông, đối tác với việc cam kết tuân thủ, sử dụng hợp lý, bảo vệ, duy trì và tăng cường các nguồn lực về con người, môi trường tự nhiên cũng như tham gia chia sẻ, đóng góp cho cộng đồng, xã hội.



CÁC RỦI RO



Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà hệ thống gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của hệ thống Công ty. Công ty sẽ thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, Bộ phận Kiểm soát nội bộ và hệ thống Kiểm soát viên trong toàn hệ thống thực hiện định kỳ hoạt động kiểm soát nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Savico xác định các rủi ro quan trọng và các biện pháp quản lý, kiểm soát rủi ro như sau:

Rủi ro về kế hoạch chiến lược: rủi ro này xảy ra khi kế hoạch triển khai chiến lược hoạt động của Công ty được xây dựng không đầy đủ, thiếu tính đồng bộ và thống nhất khi triển khai cho các bộ phận, các Công ty trong hệ thống dẫn đến các mục tiêu chiến lược dài hạn không thể thực hiện được. Biện pháp kiểm soát rủi ro là kế hoạch chiến lược được truyền tải rõ ràng trong các cuộc họp triển khai kế hoạch, sơ kết, tổng kết của hệ thống và các cuộc họp tại văn phòng Công ty mẹ; được đánh giá định kỳ bởi Bộ phận kiểm soát nội bộ và các bộ phận chức năng có liên quan và được báo cáo lại Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong các cuộc họp định kỳ.

Rủi ro về chính sách: rủi ro này xảy ra khi các chính sách liên quan đến các lĩnh vực hoạt động chính của Công ty có

sự thay đổi đột ngột, thiếu sự ổn định và nhất quán dẫn đến các tình huống ngoài kiểm soát trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Ví dụ: các chính sách liên quan đến bất động sản có thể làm các dự án đang triển khai của Công ty tạm dừng, không thể thực hiện hoàn tất dẫn đến ảnh hưởng doanh thu, lợi nhuận kế hoạch, tăng chi phí, ảnh hưởng đến nguồn vốn hoạt động kinh doanh, ảnh hưởng đến vai trò đầu tư hỗ trợ cơ sở vật chất cho các dự án dịch vụ - thương mại; chính sách liên quan đến ngành ô tô có thể tác động làm gia tăng mạnh nguồn cung hàng trên thị trường hoặc có thể làm cắt đứt đột ngột nguồn cung ảnh hưởng đến hàng hóa tồn kho, lãi gộp của các đơn vị kinh doanh ô tô thuộc hệ thống Savico. Biện pháp làm giảm thiểu ảnh hưởng của rủi ro này là tập trung cho công tác đánh giá, dự báo và tăng cường chia sẻ thông tin quản trị nội bộ trong hệ thống, tập trung phát triển hoạt động dịch vụ.

Rủi ro thị trường

Đối với hoạt động phân phối ô tô – xe gắn máy:

Với đặc thù hoạt động kinh doanh của Savico là đại lý phân phối cho nhiều nhà cung cấp nên chịu sự tác động lớn từ nguồn cung thị trường, chủ yếu từ các nhà cung cấp như: chiến lược phát triển đại lý; chiến lược sản phẩm; chính sách bán hàng; và giá cả sản phẩm...

Đối với hoạt động liên quan đến bất động sản:

Rủi ro chính yếu liên quan đến hoạt động bất động sản của Savico đến từ các đối thủ cạnh tranh kinh doanh trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê; và sự khó khăn trong việc hoàn tất thủ tục pháp lý liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản sẽ ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch kinh doanh do Công ty đề ra.

Biện pháp kiểm soát rủi ro là tăng cường các nguồn thu ổn định, tăng cường hoạt động kinh doanh sau bán hàng; tăng cường kết nối hệ thống và chia sẻ thông tin quản trị nội bộ.

Rủi ro tín dụng: là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một bên khách hàng hoặc bên đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ tài chính theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng. Biện pháp kiểm soát rủi ro là Công ty đã ban hành Quy chế quản lý tài chính áp dụng tại Công ty mẹ cũng như triển khai xây dựng đồng bộ Quy chế quản lý tài chính ở tất cả các đơn vị trong hệ thống, quy chế có các nội dung quy định chi tiết liên quan đến quản lý tiền, quản lý các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác. Việc đánh giá, giám sát thực hiện và hoàn thiện quy chế được thực hiện định kỳ thông qua Bộ phận Kiểm soát Nội bộ và hệ thống Kiểm soát viên của Công ty trong toàn hệ thống.

Rủi ro thanh khoản: là rủi ro trong đó Công ty hoặc các đơn vị trong hệ thống không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản

của hệ thống Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng hệ thống luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến uy tín của hệ thống Công ty.

Rủi ro nhân sự và nhân sự kế thừa: rủi ro này xảy ra khi nhân sự không thích ứng được với môi trường văn hóa doanh nghiệp của Công ty; một/ một số vị trí quan trọng bị trống hoặc không tìm đủ các vị trí quan trọng cho các dự án kinh doanh của Công ty và các đơn vị trong hệ thống trong một khoảng thời gian nhất định. Biện pháp kiểm soát là hoàn thiện quy trình quy hoạch, đào tạo, luân chuyển, đánh giá nhân sự, hoàn thiện chính sách thu nhập đối với người lao động; sử dụng tốt quỹ phát triển tài năng trẻ, các chương trình thực tập sinh, đồng thời tìm kiếm và thu hút nhân sự có kinh nghiệm từ bên ngoài để cộng tác cùng phát triển hệ thống Savico.



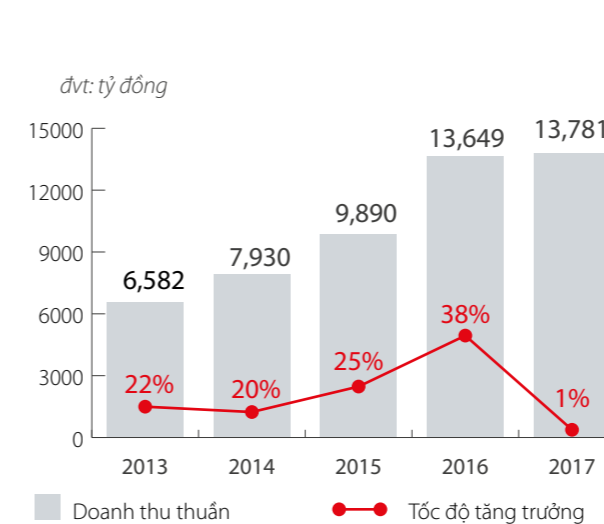
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tổng hợp về tình hình hoạt động kinh doanh trong năm 2017 của Công ty:

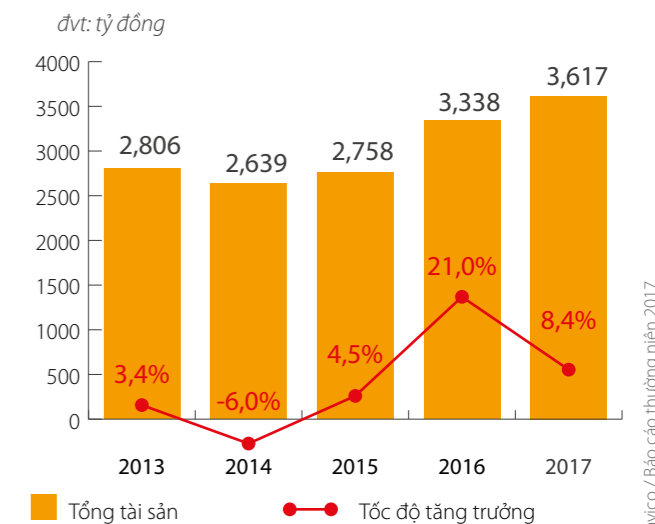
	2016	2017	2017 so với 2016
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	13.649.122.600.417	13.781.306.755.734	1,0%
Giá vốn hàng bán	12.936.368.205.494	13.060.916.977.057	1,0%
Lợi nhuận gộp	712.754.394.923	720.389.778.677	1,1%
Doanh thu hoạt động tài chính	15.593.139.225	21.270.975.508	36,4%
Chi phí tài chính	70.892.623.612	107.874.217.499	52,2%
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>66.862.508.991</i>	<i>90.915.434.287</i>	<i>36,0%</i>
Phần lãi trong Công ty liên kết	19.693.440.554	14.315.723.152	-27,3%
Chi phí bán hàng	326.615.666.168	415.117.754.690	27,1%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	210.203.789.026	242.352.462.253	15,3%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	140.328.895.896	-9.367.957.105	-106,7%
Thu nhập khác	75.031.951.241	186.202.902.608	148,2%
Chi phí khác	3.206.877.113	2.848.330.374	-11,2%
Kết quả từ hoạt động khác	71.825.074.128	183.354.572.234	155,3%
Lợi nhuận kế toán trước thuế	212.153.970.024	173.986.615.129	-18,0%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	173.819.802.500	139.055.626.798	-20,0%
LNST của Công ty mẹ	122.992.852.474	81.633.249.712	-33,6%
LNST của cổ đông không kiểm soát	50.826.950.026	57.422.377.086	13,0%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2016, 2017 đã kiểm toán của Công ty, đvt: VNĐ

Doanh thu thuần và tốc độ tăng trưởng



Tổng tài sản và tốc độ tăng trưởng



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Những thay đổi trong Ban điều hành:

- không có

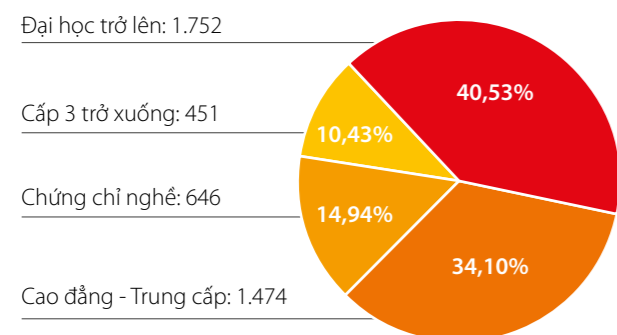
Tình hình nhân sự:

Nhân sự toàn hệ thống Savico đến cuối năm 2017 có tổng cộng 4.323 người (trong đó có 197 lao động lái xe taxi thời vụ), lao động tăng 17,2% cùng kỳ năm 2016.

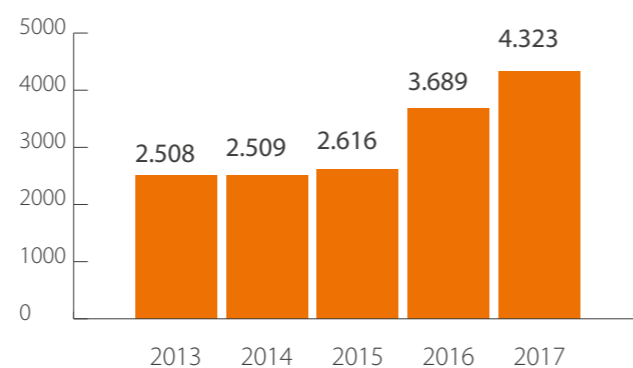
- Hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 1.722 lao động
- HĐLĐ xác định thời hạn từ 01- 03 năm: 2.130 lao động
- HĐLĐ thời vụ và thử việc: 274 lao động
- HĐLĐ xác định thời hạn là tài xế taxi: 145 lao động
- HĐLĐ dân sự là tài xế taxi: 52 lao động

Năm	2013	2014	2015	2016	2017
Tổng số lao động	2.508	2.509	2.616	3.689	4.323
Độ tuổi của CB-CNV					
Từ 18 tuổi đến 30 tuổi	1.231	1.251	1.308	2.299	2.320
Từ 31 tuổi đến 45 tuổi	1.013	1.008	1.059	1.222	1.833
Từ 46 tuổi đến 60 tuổi	264	250	249	168	170
Giới tính					
Nữ	503	515	581	732	889
Nam	2.005	1.994	2.035	2.957	3.434
Tổng lao động	2.508	2.509	2.616	3.689	4.323
Trình độ chuyên môn của CB-CNV toàn Công ty					
Đại học trở lên	786	820	1.053	1.617	1.752
Cao đẳng - Trung cấp	610	636	789	1.063	1.474
Chứng chỉ nghề	1011	962	522	747	646
Cấp 3 trở xuống	101	91	252	262	451
Cộng	2.508	2.509	2.616	3.689	4.323

Cơ cấu nhân sự năm 2017 theo trình độ



Số lượng nhân sự giai đoạn 2013-2017



Trong năm 2017 các đơn vị đã tuyển dụng bổ sung 634 lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật, kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu công việc do Công ty mở rộng mạng lưới kinh doanh. Khai trương và hoạt động 06 đại lý kinh doanh ô tô 3S và 2S: Toyota Tây Ninh, Volvo Hà Nội, Fuso Tây Bắc Sài Gòn - Chi nhánh Bình Dương, Bình Thuận Ford, Sài Gòn Ngôi Sao - CN An Phú Bình Dương, Volvo Bắc Âu.

Lao động mới bố trí làm việc trực tiếp kinh doanh và dịch vụ kỹ thuật chiếm tỷ lệ 75%. Mục tiêu tuyển dụng tập trung cho nhân sự khối kinh doanh và dịch vụ để gia tăng doanh thu và phát triển mở rộng dịch vụ.

Chính sách nhân sự:

Công ty chú trọng xây dựng đội ngũ nhân sự có thái độ làm việc tích cực, tuân thủ kỷ luật, có ý thức làm việc tập thể, luôn nỗ lực và tận tâm để tạo ra giá trị, cống hiến cao nhất trong công việc. Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh, theo đặc thù ngành nghề và chiến lược của Công ty, liên tục nâng cấp nhân sự theo xu thế và yêu cầu phát triển mới.

Công ty tạo môi trường làm việc thân thiện và hợp tác để mỗi cá nhân phát huy tốt nhất năng lực của mình, phát huy trí tuệ tập thể, định hướng nhân sự phát triển nghề nghiệp dài hạn và gắn bó với Công ty.

Các đơn vị trong hệ thống tích cực thay đổi cơ chế quản lý thúc đẩy nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và xây dựng tinh thần đoàn kết gắn bó trong đội ngũ nhân viên, tạo điều kiện cho nhân viên đóng góp giá trị cho sự nghiệp phát triển của đơn vị.

Công ty khuyến khích tất cả CBNV thi đua sáng kiến cải tiến, từng nhân sự đổi mới để phát triển liên tục theo chiều hướng tốt hơn, nâng cao năng lực chuyên môn nghề nghiệp, khả năng quản trị và năng lực lãnh đạo, đáp ứng yêu cầu công việc hiện tại và năng tầm theo yêu cầu phát triển của Công ty.

Mỗi nhân viên phải tự giác phấn đấu rèn luyện, không ngừng hoàn thiện bản thân, chia sẻ giúp đỡ đồng nghiệp cùng phát triển, phát huy vai trò cá nhân đồng thời tôn trọng và gắn kết với định hướng phát triển của tập thể, gia tăng giá trị cho Công ty, khách hàng, đối tác và cộng đồng xã hội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Nguyễn Bình Minh

Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị



Ông Mai Việt Hà

Thành Viên Hội Đồng Quản Trị,
Tổng Giám Đốc



Bà Nguyễn Việt Hoà

Thành Viên Hội Đồng Quản Trị



Ông Đoàn Văn Quang

Thành Viên Hội Đồng Quản Trị,
Phó Tổng Giám Đốc



Ông Nguyễn Công Bình

Thành Viên Hội Đồng Quản Trị,
Phó Tổng Giám Đốc



Ông Lương Quang Hiến

Thành Viên Hội Đồng Quản Trị



Ông Nguyễn Đức Trọng

Thành Viên Hội Đồng Quản Trị

BAN KIỂM SOÁT

Bà Nguyễn Như Anh

Trưởng Ban



Ông Nguyễn Thái Hòa

Thành Viên



Bà Phan Phương Nga

Thành Viên



BAN ĐIỀU HÀNH

Ông Ông Mai Việt Hà

Tổng Giám Đốc



Ông Nguyễn Công Bình

Phó Tổng Giám Đốc



Ông Đoàn Văn Quang

Phó Tổng Giám Đốc



Bà Nguyễn Thu Nga

Phó Tổng Giám Đốc



Ông Ngô Văn Danh

Kế Toán Trưởng



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Tình hình đầu tư của Công ty mẹ vào các Công ty con, Công ty liên kết:

Bảng tổng hợp số liệu về tình hình đầu tư của Công ty mẹ vào các Công ty con, Công ty liên kết trong năm 2017:

Tên Công ty	01/01/2017		31/12/2017		Thay đổi giá trị ghi sổ của khoản đầu tư
	% vốn sở hữu	Giá trị ghi sổ	% vốn sở hữu	Giá trị ghi sổ	
Công ty con		353.332.771.814		341.327.031.814	(12.005.740.000)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô (SAIGON FORD)	52,05%	44.763.000.000	52,05%	44.763.000.000	-
Công ty Liên doanh Toyota Giải Phóng (TGP)	51%	9.248.504.000	51%	9.248.504.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn (YAMAHA Cần Thơ)	88,12%	7.102.684.814	88,12%	7.102.684.814	-
Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	59,62%	9.012.515.000	59,62%	9.012.515.000	-
Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	70%	56.000.000.000	70%	56.000.000.000	-
Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	51%	25.309.668.000	51%	25.309.668.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà	98%	82.320.000.000	98%	82.320.000.000	-
Công ty Cổ phần OtoS	77,07%	7.976.400.000	80,35%	10.040.660.000	2.064.260.000
Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng	70%	21.000.000.000	70%	27.930.000.000	6.930.000.000
Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn Cửu Long	84,17%	10.100.000.000	84,17%	10.100.000.000	-
Công ty Cổ phần Ô tô Tây Bắc Sài Gòn	80%	16.000.000.000	80%	16.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Ô tô Vĩnh Thịnh	90%	18.000.000.000	90%	18.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Ô tô Nam Sông Hậu	93%	46.500.000.000	51%	25.500.000.000	(21.000.000.000)
Công ty liên kết		218.348.709.000		192.251.178.945	(26.097.530.055)
Công ty Liên doanh ComfortDelgro Savico Taxi	40,03%	31.750.000.000	40,03%	31.750.000.000	-
Công ty Cổ phần Toyota Đồng Sài Gòn (TESC)	35,16%	16.798.709.000	30,30%	29.106.059.000	12.307.350.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương	27,50%	8.250.000.000	27,50%	13.750.000.000	5.500.000.000
Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam	43,80%	10.950.000.000	43,80%	17.520.000.000	6.570.000.000
Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	20%	12.000.000.000	35%	16.925.119.945	4.925.119.945
Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu	32%	19.200.000.000	32%	19.200.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Savico	99,50%	119.400.000.000	40,00%	64.000.000.000	(55.400.000.000)
Tổng cộng		571.681.480.814		533.578.210.759	(38.103.270.055)

(Nguồn: BCTC riêng năm 2017 đã kiểm toán của Công ty)

Tình hình triển khai các dự án đầu tư:

Lĩnh vực Dịch vụ Thương mại:

Các dự án khai trương/ hoạt động trong năm 2017:

Các đơn vị	Tình hình triển khai
Các đơn vị Toyota	
Toyota Tây Ninh - Chi nhánh của Toyota Lý Thường Kiệt	Khai trương và hoạt động chính thức từ ngày 18/2/2017.
Các đơn vị Ford	
Bình Thuận Ford - Công ty liên kết của Sài Gòn Ford	Khai trương và hoạt động chính thức từ ngày 11/10/2017.
Các đơn vị khác	
Volvo Hà Nội - Công ty liên kết của Volvo Bắc Âu	Khai trương và hoạt động chính thức từ ngày 28/2/2017.
Bình Dương Fuso - Chi nhánh của Fuso Tây Bắc Sài Gòn	Hoạt động chính thức từ tháng 09/2017.
Trung tâm ô tô An Phú, Bình Dương - Chi nhánh của Sài Gòn Ngôi Sao	Khai trương và hoạt động chính thức từ ngày 17/10/2017.
Volvo Bắc Âu	Hoạt động chính thức từ ngày 07/12/2017.

Các dự án khai trương/ hoạt động trong năm 2018:

Các đơn vị	Tình hình triển khai
Các đơn vị Toyota	
Toyota Đồng Sài Gòn - Trụ sở chính	Hoạt động chính thức từ ngày 21/02/2018.
Toyota Nam Định - Chi nhánh của Toyota Giải Phóng	Đã khởi công xây dựng trong tháng 10/2017, dự kiến khai trương vào tháng 6/2018.
Các đơn vị Ford	
Ford Tây Ninh - Công ty liên kết của Bến Thành Ford	Khai trương và hoạt động chính thức từ ngày 05/02/2018.
Ford Hải Dương - Công ty con của Savico Hà Nội	Đã khởi công vào tháng 11/2017; Dự kiến khai trương vào tháng 7/2018.
Các đơn vị Hyundai	
Hyundai Kiên Giang - Chi nhánh của Hyundai Tây Đô	Khởi công vào tháng 8/2017; Dự kiến khai trương vào tháng 7/2018.
Hyundai Sơn Trà - Chi nhánh của Hyundai Sông Hàn	Đã khởi công vào tháng 11/2017. Dự kiến khai trương vào tháng 5/2018.

Lĩnh vực Dịch vụ Bất động sản:



Dự án 104 Phở Quang
 Đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính với Nhà nước.
 Đang thực hiện các hồ sơ để chuyển nhượng một phần dự án cho Novaland.



Dự án KDC Hiệp Bình Phước - Tam Bình

Đang thi công bờ kè, cảnh quan theo đúng tiến độ và sẽ bàn giao cho địa phương quản lý.



Dự án 66-68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Savico Invest

Đã nhận được giấy phép xây dựng, Khởi công xây dựng từ ngày 21/02/2018, Đang thực hiện thi công móng hầm.



TÓM TẮT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG TY CON, LIÊN KẾT

Báo cáo tình hình tài sản, nguồn vốn và lợi nhuận của các Công ty con, Công ty liên kết năm 2016, 2017:

Stt	Tên Công ty	Năm thành lập/ tham gia góp vốn	Tổng tài sản (31/12/2017)	Tổng nợ	Vốn chủ sở hữu (31/12/2017)	LN sau thuế 2017
CÔNG TY CON			5.294.199	3.066.811	2.155.846	175.285
1	Công ty LD Toyota Giải Phóng	1998	155.295	59.914	95.381	4.807
2	Công ty CP DV Sài Gòn Ô tô	2000	650.109	493.590	137.599	21.210
3	Công ty TNHH TMDV Sài Gòn	2006	35.315	22.801	12.514	2.645
4	Công ty TNHH Ô tô Toyota Cần Thơ	2007	192.876	88.112	104.764	20.403
5	Công ty CP Savico Hà Nội	2007	739.603	559.339	154.230	35.172
6	Công ty CP Sài Gòn Ngôi Sao	2007	139.685	111.862	27.823	7.553
7	Công ty CP Savico Đà Nẵng	2014	242.792	139.796	76.408	28.377
8	Công ty CP OtoS	2014	810	1.217	-406	-4.221
9	Công ty CP Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà	2014	84.745	4.215	80.529	-996
10	Công ty CP Ô tô Sài Gòn Cửu Long	2014	69.770	55.323	14.448	1.442
11	Công ty CP Ô tô Nam Sông Hậu	2015	78.260	32.744	45.516	-2.856
12	Công ty CP Ô tô Vĩnh Thịnh	2015	207.640	184.191	23.449	3.207
13	Công ty CP Ô tô Tây Bắc Sài Gòn	2015	83.235	72.216	11.019	-1.965
CÔNG LIÊN KẾT			1.307.031	620.745	686.286	30.253
1	Công ty CP Toyota Đông Sài Gòn	2003	482.681	247.932	234.750	16.313
2	Công ty TNHH Comfortdelgro Savico Taxi	2005	92.606	5.521	87.086	235
3	Công ty CP DV Ô Tô Thành Phố Mới Bình Dương	2014	90.548	56.084	34.464	4.416
4	Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	2015	213.655	153.633	60.022	22
5	Công ty CP Ô tô Sao Tây Nam	2015	67.217	17.624	49.592	3.468
6	Công ty CP Ô tô Bắc Âu	2015	194.110	133.558	60.552	5.963
7	Công ty CP Đầu tư Savico	2016	166.214	6.393	159.821	-164

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: triệu VNĐ

Stt	Tên Công ty	Năm thành lập/ tham gia góp vốn	Tổng tài sản (31/12/2016)	Tổng nợ (31/12/2016)	Vốn chủ sở hữu (31/12/2016)	LN sau thuế 2016
CÔNG TY CON			2.631.795	1.854.445	777.349	105.123
1	Công ty LD Toyota Giải Phóng	1998	256.545	165.971	90.574	6.773
2	Công ty CP DV Sài Gòn Ô tô	2000	662.095	511.000	151.095	28.984
3	Công ty TNHH TMDV Sài Gòn	2006	25.525	14.124	11.401	2.489
4	Công ty TNHH Ô tô Toyota Cần Thơ	2007	190.994	81.468	109.525	25.164
5	Công ty CP Savico Hà Nội	2007	712.432	567.598	144.834	27.513
6	Công ty CP Sài Gòn Ngôi Sao	2007	103.526	79.688	23.838	7.380
7	Công ty CP Savico Đà Nẵng	2014	288.084	221.565	66.519	16.296
8	Công ty CP OtoS	2014	1.810	339	1.471	-3.785
9	Công ty CP Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà	2014	84.633	3.108	81.525	-1.099
10	Công ty CP Ô tô Sài Gòn Cửu Long	2014	44.915	29.948	14.967	2.820
11	Công ty CP Ô tô Nam Sông Hậu	2015	107.191	58.819	48.372	-1.628
12	Công ty CP Ô tô Vĩnh Thịnh	2015	109.793	89.552	20.242	1.021
13	Công ty CP Ô tô Tây Bắc Sài Gòn	2015	44.251	31.267	12.984	-6.806
CÔNG LIÊN KẾT			1.165.533	583.939	581.593	49.917
1	Công ty CP Toyota Đông Sài Gòn	2003	386.672	212.660	174.012	34.911
2	Công ty TNHH Comfortdelgro Savico Taxi	2005	94.308	7.457	86.850	3.289
3	Công ty CP DV Ô Tô Thành Phố Mới Bình Dương	2014	108.126	76.429	31.697	3.638
4	Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	2015	212.891	129.557	83.335	8.364
5	Công ty CP Ô tô Sao Tây Nam	2015	126.000	94.876	31.124	5.141
6	Công ty CP Ô tô Bắc Âu	2015	117.550	62.961	54.590	-5.410
7	CTCP Đầu tư Savico	2016	119.985	0	119.985	-15

Nguồn: Thông tin trích lược từ bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty theo BCTC năm 2017 đã kiểm toán của Công ty.

Tình hình tài chính:

ĐVT: triệu VNĐ

CHỈ TIÊU	NĂM 2016	NĂM 2017	% TĂNG GIẢM
Tổng giá trị tài sản	3.337.818	3.617.037	8,4%
Doanh thu thuần	13.649.123	13.781.307	1,0%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	140.329	-9.368	-106,7%
Lợi nhuận khác	71.825	183.355	155,3%
Lợi nhuận trước thuế	212.154	173.987	-18,0%
Lợi nhuận sau thuế	173.820	139.056	-20,0%
Lợi nhuận thuộc cổ đông Công ty mẹ	122.993	81.633	-33,6%
Tỷ lệ cổ tức	12%	dự kiến 12%	

Các chỉ tiêu tài chính:

ĐVT: triệu VNĐ

CHỈ TIÊU	NĂM 2016	NĂM 2017
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,08	0,91
+ Hệ số thanh toán nhanh	0,56	0,51
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,65	0,65
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,85	1,83
+ Hệ số nợ vay/ Tổng tài sản	0,39	0,34
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	4,09	3,81
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ LNST /Doanh thu thuần	1,27%	1,01%
+ LNST /Vốn chủ sở hữu	15,56%	11,35%
+ LNST /Tổng tài sản	5,70%	4,00%
+ LN từ HĐKD /Doanh thu thuần	1,03%	-0,07%
+ LN khác từ HĐKD /Doanh thu thuần	0,53%	1,33%

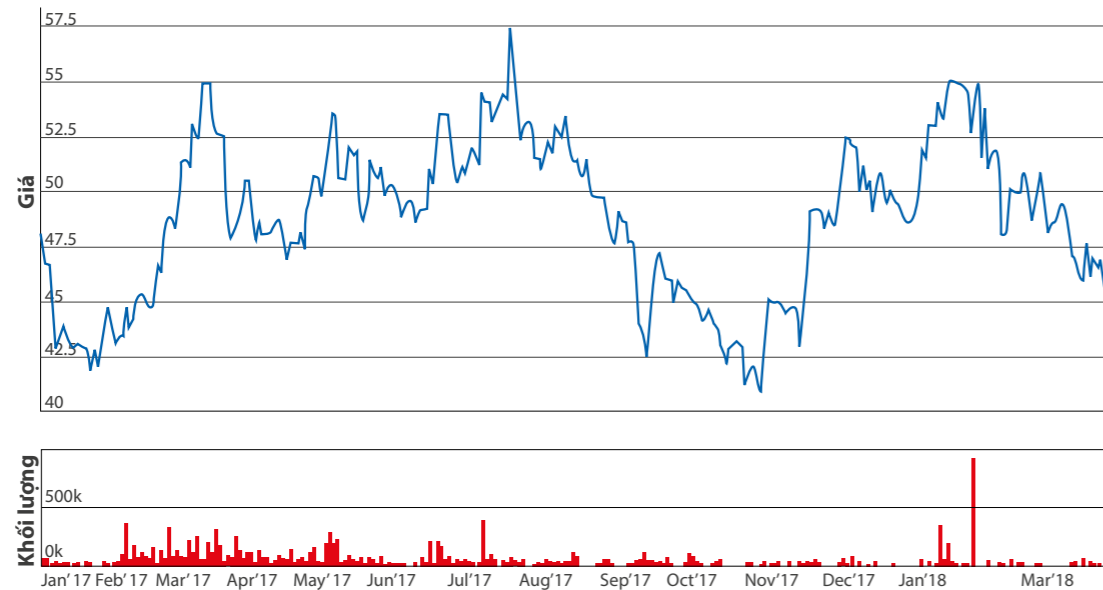
Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 của Công ty

Thông tin cổ phiếu và cổ đông

Thống kê cổ phiếu trong năm 2017	Đvt	Số liệu
Giá ngày 30/12/2016	đồng/ CP	48.000
Giá ngày 29/12/2017	đồng/ CP	49.800
Giá cao nhất trong năm	đồng/ CP	59.500
Giá thấp nhất trong năm	đồng/ CP	39.000
Tổng khối lượng giao dịch	CP	12.899.450
Khối lượng giao dịch bình quân/ phiên	CP/ phiên	57.485
Khối lượng CP niêm yết	CP	24.995.573
Khối lượng CP lưu hành	CP	24.975.507
Tổng giá trị vốn hoá thị trường (ngày 31/12/17)	tỷ đồng	1.243,8
Tổng giá trị sổ sách của Công ty (ngày 31/12/17)	tỷ đồng	926,5
EPS (2017)	đồng/ CP	3.183
P/E (31/12/2017)	lần	15,6
P/B (31/12/2017)	lần	1,3
Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài (31/12/17)	%	41,29%
Tỷ lệ sở hữu của cổ đông Nhà nước (31/12/17)	%	40,78%

- Cổ phần**
 - + Tổng số cổ phần phát hành: 24.995.573 cổ phiếu
 - + Loại cổ phần: cổ phần phổ thông
 - + Tổng số cổ phần đang lưu hành: 24.975.507 cổ phiếu.
 - + Số cổ phần bị hạn chế tự do chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty hay cam kết của người sở hữu: không có.

Biểu đồ giá đóng cửa và khối lượng giao dịch của cổ phiếu Savico:



Cơ cấu cổ đông (theo danh sách đăng ký cuối cùng ngày 15/09/2017)

Stt	Phân loại cổ đông	Khối lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà Nước	10.192.823	40,78%	1	1	0
2	HĐQT, BGD, BKS, KTT	108.484	0,43%	5	0	5
3	Cổ đông trong nước	4.478.855	17,92%	1.281	53	1.228
4	Cổ đông nước ngoài	10.195.345	40,79%	90	25	65
5	Cổ phiếu quỹ	20.066	0,08%	1	1	0
Tổng cộng		24.995.573	100%	1.378	80	1.298

Danh sách cổ đông lớn và cổ đông chiến lược

(theo danh sách đăng ký cuối cùng ngày 15/09/2017 và công bố thông tin của các cổ đông lớn đến thời điểm lập báo cáo thường niên)

Stt	Cổ đông	Địa chỉ	Số lượng CP sở hữu (cp)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty Bến Thành	27 Nguyễn Trung Trực, Q.1, TP.HCM	10.192.823	40,78%
2	Finansia Syrus Securities Public Company Limited	999/9 The Offices@Central World, 18th Floor, Rama I Road, Pathumwan Sub-District, Pathumwan District, Bangkok Metropolis	2.702.590	10,81%
3	Jom Silkkitie Investment Fund	Puna Vuorenkatu 2A A 00120 Helsinki, Finland.	1.274.890	5,10%
4	Probus Opportunities	106, route d'Arlon, L-8210 Mamer, Luxembourg	2.192.250	8,77%
5	Pyn Elite Fund (Non-Ucits)	PL 139, 00101 Helsinki, Finland	1.940.710	7,76%
6	Tundra Fonder AB	Birger Jarlsgatan 33, 111 45 Stockholm, Sweden	1.253.020	5,01%
Tổng cộng			19.556.283	78,23%

Cơ cấu cổ đông (theo danh sách đăng ký cuối cùng ngày 15/09/2017 và công bố thông tin của các cổ đông lớn đến thời điểm lập báo cáo thường niên

9,71%
Cổ đông
trong nước

0,43%
HDQT, BGD,
BKS, KTT

0,08%
Cổ phiếu quỹ

40,78%
Cổ đông nhà nước

49,00%
Cổ đông nước ngoài

• Thống kê sở hữu của cổ đông nội bộ:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (cp)	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Bình Minh	Chủ tịch HĐQT	67.900	0,27%
2	Mai Việt Hà	Thành Viên HĐQT, Tổng Giám Đốc	7.800	0,03%
3	Nguyễn Việt Hòa	Thành Viên HĐQT	-	0,00%
4	Nguyễn Công Bình	Thành Viên HĐQT, Phó Tổng Giám Đốc	156	0,00%
5	Đoàn Văn Quang	Thành Viên HĐQT, Phó Tổng Giám Đốc, Người được UQ CBTT	30.023	0,12%
6	Lương Quang Hiến	Thành Viên HĐQT	-	0,00%
7	Nguyễn Đức Trọng	Thành Viên HĐQT	-	0,00%
8	Nguyễn Thái Hòa	Thành Viên BKS	-	0,00%
9	Phan Phương Nga	Thành Viên BKS	-	0,00%
10	Nguyễn Thu Nga	Phó Tổng Giám Đốc	2.605	0,01%
11	Ngô Văn Danh	Kế Toán Trưởng	-	0,00%

- Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: trong năm 2017, Công ty không thực hiện tăng/ giảm vốn điều lệ.
- Giao dịch cổ phiếu quỹ: trong năm 2017, Công ty không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ.
- Các chứng khoán khác: không có.
- Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không có.

Hoạt động IR năm 2017

Nhận thức rõ tầm quan trọng của hoạt động IR trong việc kết nối và chuyển tải thông tin của Công ty đến với cổ đông, nhà đầu tư, các đối tác, khách hàng... Công ty luôn đảm bảo các thông tin được công bố ra công chúng kịp thời, chính xác và tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật.

Trong năm 2017, Ban quan hệ Cổ đông đã thường xuyên gặp gỡ, chia sẻ thông tin, lắng nghe ý kiến đóng góp của các cổ đông, nhà đầu tư, các Công ty chứng khoán... Trong đó, có nhiều tổ chức đầu tư chuyên nghiệp và các quỹ đầu tư có tên tuổi trên thị trường như: JOM, Probus Opportunities, Optis Global Opportunities, các quỹ của Tundra, Hanwha, Endurance... Việc gặp trực tiếp, chia sẻ, đối thoại thể hiện sự minh bạch, cởi mở và cầu thị trong hoạt động công bố thông tin của Công ty.

Bên cạnh các thông tin được công bố theo quy định của các cơ quan quản lý, Công ty đã chủ động công bố thông tin tự nguyện liên quan đến các vấn đề mà cổ đông, nhà đầu tư quan tâm.

Trong năm, Ban quan hệ Cổ đông cũng cử thành viên tham gia các khóa đào tạo, tập huấn về quản trị Công ty, tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Nguồn nguyên vật liệu sử dụng trong hoạt động của Savico và các đơn vị trong hệ thống - chủ yếu là các đơn vị ngành ô tô, xe máy được quản lý, sử dụng một cách hợp lý dựa trên các quy trình quản lý nguyên vật liệu chặt chẽ, các quy định về định mức tiêu thụ nguyên vật liệu.

Do nguyên vật liệu chỉ sử dụng một lần và không thể tái chế nên chúng tôi rất chú trọng trong việc đầu tư hệ thống máy móc thiết bị hiện đại theo quy trình khép kín, hệ thống xử lý nước thải, rác thải ngay tại nguồn. Đa số các đơn vị ngành ô tô đang cam kết áp dụng đồng bộ hệ thống quản lý chất lượng môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001.

Tại Công ty mẹ, nguyên vật liệu được sử dụng chủ yếu để phục vụ nhu cầu tiêu thụ hàng ngày gồm nhiên liệu xe, dụng cụ vệ sinh, văn phòng phẩm. Giải pháp quản lý nguồn nguyên vật liệu là quản lý dựa trên định mức và sử dụng các giải pháp lưu trữ thay thế.

Tiêu thụ điện, nước

Là doanh nghiệp hoạt động trong ngành dịch vụ, chúng tôi đề cao việc sử dụng hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả nguồn điện nước thông qua các tiêu chuẩn định mức riêng.

Tại văn phòng Công ty mẹ, kiểm soát sử dụng điện nước được thực hiện thông qua quản lý chi phí có liên quan.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Savico và các đơn vị trong hệ thống luôn đề cao ý thức tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.

Chính sách bảo vệ môi trường, đặc biệt là các đơn vị kinh doanh dịch vụ Ô tô, xe gắn máy trong hệ thống Savico luôn hướng đến việc giảm gánh nặng ô nhiễm môi trường thông qua việc kiểm soát chặt chẽ ô nhiễm môi trường từ các hoạt động của Công ty:

Cán bộ, nhân viên được phổ biến để tuân thủ các quy định về môi trường áp dụng tại Công ty cũng như nhận thức được tầm quan trọng của phát triển bền vững ngay từ khi bắt đầu vào làm tại Công ty, giảm thiểu các loại chất thải thông qua các định mức sử dụng nguyên vật liệu hợp lý, Phân loại, thu gom triệt để chất thải ngay tại nguồn, lưu giữ chất thải theo quy định của địa phương, Luật môi trường Việt Nam và chỉ chuyển giao cho các Công ty/ đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý có chức năng được pháp luật cho phép. Các đơn vị đã đi vào hoạt động thực hiện các chính sách nhằm nâng cấp, cải thiện hệ thống quản lý môi trường phù hợp với quy định của pháp luật và chính sách theo tiêu chuẩn toàn cầu của nhà cung cấp.

Các đơn vị được thành lập mới phải thực hiện song song quá trình triển khai dự án với việc áp dụng hệ thống quản



lý chất lượng môi trường, chú trọng thực hiện đầu tư hệ thống máy móc thiết bị hiện đại theo quy trình khép kín, hệ thống xử lý nước thải, rác thải ngay tại nguồn.

Chính sách liên quan đến người lao động

a) Mức lương trung bình đối với người lao động

Công ty thực hiện chế độ tiền lương, thưởng và phúc lợi gắn liền với kết quả kinh doanh, năng lực chuyên môn, khối lượng và chất lượng công việc của mỗi nhân viên; tương xứng với công sức, trách nhiệm và hiệu quả lao động; đảm bảo thu nhập của CBNV có tính cạnh tranh với các đơn vị cùng ngành nghề và khu vực. Thu nhập bình quân của người lao động trong hệ thống năm 2017 đạt 10.9 triệu đồng/người/tháng.

Savico và các đơn vị trong hệ thống thực hiện đầy đủ các chính sách chế độ theo Luật lao động và Thỏa ước lao động tập thể như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, trang bị đồng phục và bảo hộ lao động, hỗ trợ ăn trưa, tham quan du lịch, khám sức khỏe định kỳ, bảo hiểm tai nạn con người, trợ cấp ốm đau, quà tặng cưới hỏi... thực hiện chế độ khen thưởng nhân dịp các ngày lễ tết Nguyên đán, Lễ 30/4, 2/9, kỷ niệm Ngày thành lập Công ty tùy theo kết quả kinh doanh.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Trong năm 2017, Savico đã tổ chức chương trình huấn luyện team building tạo điều kiện cho CBNV giao lưu gắn kết giữa các đơn vị. Ngoài bảo hiểm y tế bắt buộc, Công ty thực hiện mua bảo hiểm sức khỏe PVI Care cho CBNV với mức độ chăm sóc sức khỏe cao.

Các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao, ngày hội gia đình, sinh hoạt câu lạc bộ ngành nghề chuyên môn... luôn được duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động, tạo điều kiện cho toàn thể nhân viên trong hệ thống Savico gặp gỡ giao lưu, học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm.

Công ty luôn có chính sách quan tâm, động viên khen



thường, và tôn vinh kịp thời các tập thể, cá nhân đạt thành tích tốt như: tổ chức khen thưởng và tôn vinh 04 CBNV đạt giải thưởng hội thi tay nghề do nhà cung cấp tổ chức năm 2017; đề nghị Tổng Công ty Bến Thành & UBND Thành phố Hồ Chí Minh khen thưởng 04 tập thể đã đạt danh hiệu tập thể lao động xuất sắc năm 2017.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Trong năm 2017, Savico tăng cường qui hoạch phát triển nguồn nhân lực nội bộ và đội ngũ kế thừa, triển khai chương trình phát triển cán bộ tiềm năng và bổ nhiệm vào các vị trí quản lý cấp trung, lãnh đạo cấp cao.

Công ty tổ chức hoạt động Team building định kỳ để tăng cường gắn kết nội bộ, qua đó tìm ra các nhân tố lãnh đạo mới, tích cực.

Savico đã cử CBNV tham gia các khóa học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn như lớp kiểm soát viên dành cho CBNV của Savico cử tham gia Ban kiểm soát tại các đơn vị thành viên trong hệ thống Savico, tổ chức đào tạo và tư vấn thực hiện KPI cho CBNV Văn phòng Công ty, lớp hành nghề kế toán. Các doanh nghiệp trong hệ thống cũng áp dụng chương trình của nhà cung cấp chiếm tỷ lệ 87% trên tổng số lượt CBNV được cử đi đào tạo, bao gồm các khóa học về kỹ năng bán hàng và kỹ thuật (sửa chữa chung, đồng, sơn, cố vấn dịch vụ).

Savico và các đơn vị trong hệ thống tiếp tục tập trung đầu

tư vào công tác phát triển nguồn nhân lực giỏi, đào tạo đội ngũ quản trị viên cấp cao và cấp trung đáp ứng cho nhu cầu phát triển chiến lược kinh doanh của Công ty và các đơn vị trong hệ thống.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trách nhiệm đối với xã hội và cộng đồng trước hết phải kể đến chính là trách nhiệm và nghĩa vụ với đội ngũ lao động trong hệ thống Công ty.

Song song đó, các hoạt động hướng đến cộng đồng của SAVICO không chỉ đơn thuần là hoạt động quảng bá thương hiệu mà đó được xem là một trong những trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

Ý thức chung tay, góp sức cùng với cộng đồng, gắn nhiệm vụ xã hội trong các hoạt động kinh doanh cũng đã nhận được sự hưởng ứng tích cực của từng CBNV. Hằng năm CBNV toàn hệ thống đã đóng góp ủng hộ 2 ngày lương vào quỹ xã hội của Tổng Công ty Bến Thành để chăm lo cho người lao động có hoàn cảnh khó khăn, thực hiện xóa nhà dột nát, hỗ trợ người lao động bệnh nan y, chăm lo cho con em người lao động đến trường và đồng bào vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn...

Trong năm 2017, toàn hệ thống SAVICO đã tạo dấu ấn sâu đậm trong cộng đồng thông qua hoạt động xã hội thông qua Hành trình Caravan xuyên Việt chào mừng Kỷ niệm 35 năm thành lập Công ty với nhiều hoạt động thiết thực như: trao tặng sổ tiết kiệm cho gia đình có công với Cách mạng,

trao tặng nhà Đại đoàn kết tại Tp. Hà Nội; xây và trao tặng bếp ăn Tình thương cho bệnh nhân nghèo tại huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định; xây và trao tặng cầu bê tông cho người dân tại Quận Cái Răng, Tp. Cần Thơ...

Các đơn vị trong hệ thống cũng tích cực tham gia các hoạt động xã hội như thăm và tặng quà tại các trung tâm bảo trợ xã hội, trẻ mồ côi; ủng hộ xây nhà tình thương, ủng hộ mổ mắt cho người khiếm thị, ủng hộ xây cầu, ủng hộ quỹ xây nhà cho người nghèo.

Tổng số tiền mà hệ thống Savico đã đóng góp cho các hoạt động thiện nguyện năm 2017 là hơn 1,15 tỷ đồng.

Những hoạt động này được xem là hết sức thiết thực và ý nghĩa, không chỉ góp phần cùng xã hội hướng đến mục tiêu chung là xây dựng một xã hội phồn vinh, một đất nước Việt Nam giàu đẹp và vững mạnh; mà còn là động lực để tập thể Savico không ngừng phấn đấu và hoàn thiện, hướng đến sự phát triển ổn định và bền vững.



Khánh thành Bếp ăn tình thương tại huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định



Khánh thành cầu bê tông Ngọn Rạch Chiết tại P. Ba Láng, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ



Tặng nhà tình thương 2017



Thanh thiếu niên tham gia các trò chơi lớn tại Ngày hội gia đình, văn hóa SAVICO lần thứ 15

CÁC GIẢI THƯỞNG ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2017 CỦA HỆ THỐNG SAVICO

Trong năm 2017, Savico và các doanh nghiệp thành viên trong hệ thống đã đạt các giải thưởng do Nhà nước và các tổ chức uy tín trao tặng:



Huân chương Lao động hạng Nhất lần thứ 2 do Bà Đặng Thị Ngọc Thịnh - Phó Chủ tịch nước trao tặng.



Doanh nghiệp phát triển bền vững trên 30 năm - Hiệp hội doanh nghiệp Tp. HCM trao tặng.



10 năm liên tiếp nằm trong danh sách 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam - VNR500.

Các giải thưởng khác do các tập đoàn, ngành nghề trao tặng:



Ông Phan Dương Cửu Long – TGD Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô: Giải thưởng Sao Đỏ - 100 Doanh nhân tiêu biểu 2017.



Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt: Giải Ba - Phần thi Sửa chữa Sơn - Toyota Việt Nam tổ chức.



Công ty CP Ô tô Nam Sông Hậu: Giải Nhì - Hội thi hướng dẫn viên lái xe an toàn xuất sắc năm 2017 – Honda Việt Nam tổ chức.



Công ty Liên doanh Toyota Giải phóng: Cúp Đồng - Phần thi Kỹ năng sửa chữa thân xe do Toyota Việt Nam tổ chức.

HÀNH TRÌNH ĐẾN MỤC TIÊU

“
Thể hiện vai trò định hướng, kết nối; tập trung vào giá trị cốt lõi của hệ thống để phát triển bền vững
”

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



1. Đối với hoạt động của Công ty:

Về chiến lược phát triển:

Trên cơ sở bám sát chiến lược 2015 – 2020, Công ty đã thoái vốn ở một số khoản đầu tư không hiệu quả để thu hồi vốn bổ sung cho hoạt động kinh doanh chính, đồng thời sắp xếp và cơ cấu lại hoạt động của một số doanh nghiệp nhằm gia tăng hiệu quả, khuyến khích người lao động đóng góp và gắn bó với doanh nghiệp. Công ty cũng đã mở rộng mạng lưới phân phối ô tô (Toyota Tây Ninh, Bình Thuận Ford, Volvo Hà Nội, Volvo Bắc Âu, Fuso Tây Bắc Sài Gòn, Trung tâm Ô Tô An Phú - Bình Dương hoạt động trong năm 2017 và Toyota Đông Sài Gòn (trụ sở tại Quận 2) và Tây Ninh Ford hoạt động trong tháng 2/2018) và chú trọng đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ nhằm tăng tính bền vững của chuỗi giá trị.

Mặc dù các chỉ tiêu về kinh doanh chưa đạt được như kỳ vọng, tuy nhiên với việc đầu tư và phát triển thành công 06 đại lý ô tô trong năm 2017, SAVICO đã mở rộng và vươn xa hệ thống phân phối của mình đến nhiều tỉnh thành, vùng miền khắp cả nước với 41 đại lý và đã nâng thị phần phân phối ô tô đến cuối năm 2017 lên 9,9% khi cùng kỳ 2016 đạt 8,6%.

Về kinh doanh:

Tổng lượng xe ô tô tiêu thụ toàn hệ thống đạt 27.067 xe, đạt 95% kế hoạch, tăng 3% so với cùng kỳ.

Doanh thu thực hiện năm 2017 là 13.795 tỷ đồng, đạt 95% kế hoạch, tăng 1% so với cùng kỳ.

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất năm 2017 thực hiện là 174 tỷ đồng, đạt 69,6% kế hoạch, giảm 18% so với cùng kỳ.

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2017 thực hiện là 139 tỷ đồng đạt 69,5% kế hoạch, giảm 20% so với cùng kỳ.

Thu nhập cổ đông năm 2017 thực hiện là 81,6 tỷ đồng đạt 62,5% kế hoạch, giảm 33,6% so với cùng kỳ.

Thị phần ô tô năm 2017 chiếm 9,9% thị phần trong toàn thị trường (cùng kỳ là 8,6%).

Về đầu tư:

Trong năm, Công ty đã tăng vốn góp vào một số doanh nghiệp thành viên trong hệ thống như Savico Đà Nẵng, OtoS, Bình Dương Ford, Hyundai Tây Đô, Toyota Đông Sài Gòn.

Về quản trị:

- Tiếp tục tăng cường kết nối, hỗ trợ các doanh nghiệp trong hệ thống qua các báo cáo chia sẻ thông tin, cập nhật tình hình thị trường được tổ chức định kỳ; tổ chức các hội thảo chuyên đề để chia sẻ kinh nghiệm và tháo gỡ khó khăn; đánh giá và củng cố hoạt động tại một số doanh nghiệp chưa hiệu quả; hỗ trợ các doanh nghiệp phát triển đại lý theo định hướng và theo kế hoạch phát triển tại các khu vực.- Tập trung định hướng, hỗ trợ Ban điều hành và cán bộ đại diện vốn tại các doanh nghiệp giải quyết dứt điểm việc thanh lý các danh mục đầu tư không hiệu quả, thu hồi vốn và thu các cổ tức từ các doanh nghiệp để bổ sung và phát triển hoạt động kinh doanh chính.

- Mở rộng quan hệ hợp tác chiến lược với Vietinbank, có thêm quan hệ hợp tác chiến lược với Vietcombank nhằm tạo thêm tạo liên kết tài chính, hỗ trợ các doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn của các tổ chức tín dụng với số lượng vốn hỗ trợ ngày càng tăng, thủ tục nhanh gọn, lãi suất ưu đãi nhằm đáp ứng kịp nhu cầu kinh doanh tại các doanh nghiệp thành viên.

- Tiếp tục định hướng cho các doanh nghiệp trong hệ thống xây dựng, triển khai và thực hiện việc đánh giá rủi ro trong hoạt động kinh doanh, quản lý tài chính, kiểm soát chi phí để nâng cao hiệu quả kinh doanh tại từng doanh nghiệp.

Về cổ tức:

- Cổ tức năm 2016 bằng tiền mặt đã được chi trả cho các cổ đông vào tháng 9/2017 với tỷ lệ 12%/Vốn điều lệ tương ứng gần 30.000.000.000 đồng đúng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 2017.

- Cổ tức năm 2017 dự kiến với tỷ lệ 12%/Vốn điều lệ và sẽ được chi bằng tiền mặt sau khi được Đại hội đồng cổ đông 2018 thông qua.

Về trách nhiệm môi trường và xã hội:

- Các doanh nghiệp trong hệ thống được tiếp tục triển khai và đã luôn tuân thủ các quy định, chính sách về an toàn, bảo vệ môi trường thông qua việc kiểm soát chặt chẽ ô nhiễm môi trường từ ý thức cho đến thực tế của sử dụng các tài nguyên, phân loại, lưu trữ và chuyển giao chất thải; các công trình xây dựng mới đều được thiết kế và được cơ quan có chức năng thẩm duyệt, nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy; công tác phòng cháy chữa cháy được tuyên truyền và thường xuyên kiểm tra đến từng địa điểm hoạt động kinh doanh, dịch vụ của tất

cả các doanh nghiệp trong hệ thống.

- Trách nhiệm đối với cộng đồng, xã hội tiếp tục được định hướng, mở rộng và triển khai đến các doanh nghiệp trong hệ thống thông qua các chương trình đóng góp ngày lương vào quỹ chăm sóc cho các đối tượng neo đơn, khó khăn và cơ nhỡ; các chương trình chăm sóc, hỗ trợ cho các đối tượng chính sách; các chương trình thiện nguyện khác cho cộng đồng tại các địa phương thường xuyên trong năm và trong hành trình Caravan xuyên Việt - 35 năm SAVICO.

2. Đối với hoạt động của Ban điều hành

- Năm 2017, Hội đồng quản trị đã thường xuyên chỉ đạo và giám sát hoạt động của Tổng giám đốc và Ban điều hành ở các công việc:

- + Lập kế hoạch và triển khai thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- + Triển khai thực hiện các quyết định, thông báo của Hội đồng quản trị.
- + Báo cáo tài chính.
- + Kiểm soát và quản lý rủi ro.
- + Hoàn thiện, triển khai chiến lược phát triển nguồn nhân lực đến năm 2020. Tuyển dụng và tổ chức đào tạo nhân sự đáp ứng yêu cầu phát của Công ty và hệ thống.
- + Hoàn tất chuẩn hóa thương hiệu; nâng cao văn hóa doanh nghiệp; tổ chức các chương trình sự kiện chào mừng lễ kỷ niệm 35 năm ngày thành lập Công ty.

- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo, hỗ trợ và giám sát hoạt động của Tổng giám đốc và Ban điều hành thông qua các chương trình làm việc tại các cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị, các lần trưng cầu ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản, các buổi làm việc trực tiếp tại các doanh nghiệp thành viên, các cuộc trao đổi điện thoại, mail và gặp gỡ. Tổng giám đốc, Ban điều hành và cán bộ đại diện vốn tại các doanh nghiệp đã báo cáo, cập nhật và thông tin về tiến độ thực hiện cũng như các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình hoạt động. Từ đó, Hội đồng quản trị đã cùng với Tổng giám đốc, Ban điều hành và cán bộ đại diện vốn đã thảo luận, bàn bạc để có các chỉ đạo, giải pháp kịp thời và phù hợp.

Kết quả giám sát:

- Năm 2017 là năm có nhiều biến động lớn bởi chính sách liên quan đến thị trường ô tô Việt Nam, kết quả doanh thu và lợi nhuận chưa đạt như kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao nhưng Tổng giám đốc, Ban điều hành, cán bộ



quản lý và cán bộ đại diện vốn các doanh nghiệp trong hệ thống đã nỗ lực làm việc; đã phối hợp triển khai linh hoạt và đồng bộ công tác đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh đến từng doanh nghiệp; đã dự báo thị trường, chia sẻ thông tin kịp thời hàng tháng, quý; đã kiểm soát chi phí và xây dựng các giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh và đã đem lại hiệu quả tốt nhất có thể cho từng doanh nghiệp và cho Công ty.

- Công ty đã mở rộng và tăng sự vững mạnh của mạng lưới phân phối, góp phần gia tăng thị phần ô tô từ 8,6% của 2016 lên 9,9% vào cuối năm 2017.
- Cơ cấu sản phẩm phân phối tiếp tục đa dạng hóa và tăng trưởng dịch vụ được đẩy mạnh.
- Công tác kiểm tra, kiểm tra tính tuân thủ của hệ thống kiểm soát nội bộ tại Savico và các doanh nghiệp trong hệ thống theo chỉ đạo và phân công của Ban điều hành được thực hiện thường xuyên và đột xuất hơn và đã đáp ứng được một số yêu cầu về quản trị, điều hành.
- Hoàn tất chuẩn hóa thương hiệu; tổ chức thành công các chương trình, sự kiện chào mừng lễ kỷ niệm 35 năm ngày thành lập Công ty và tạo được dấu ấn cũng như sự kết nối, gắn bó hơn giữa các doanh nghiệp trong hệ thống.
- Tuy nhiên, Tổng giám đốc và Ban điều hành cần phải hoàn thiện, triển khai chiến lược phát triển nguồn nhân lực đến năm 2020 và xây dựng thêm những chính sách, chương trình nhằm thu hút nguồn nhân sự đáp ứng kịp

nhu cầu phát triển của Công ty cũng như toàn hệ thống.

3. Phương hướng, mục tiêu năm 2018:

- Tập trung mở rộng mạng lưới, đa dạng hóa cơ cấu sản phẩm, đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ nhằm gia tăng thị phần, củng cố vị thế, đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững của Công ty và hệ thống.
- Tập trung triển khai các dự án đúng tiến độ đồng thời mở rộng nguồn tìm kiếm và tích cực tìm kiếm quỹ đất để phát triển dự án.
- Xây dựng kế hoạch tăng vốn cho Công ty và các doanh nghiệp trong hệ thống nhằm tăng cường năng lực và vị thế tài chính.
- Tăng cường quan hệ hợp tác, đầu tư với các đối tác chiến lược, các nhà đầu tư quan tâm tới hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Tăng cường vai trò quản lý của Công ty mẹ tới các doanh nghiệp thành viên. Thúc đẩy văn hóa doanh nghiệp, tăng cường gắn kết nội bộ, đảm bảo sự phát triển của hệ thống cho giai đoạn mới.
- Hoàn thiện và chiến lược phát triển nguồn nhân lực đến năm 2020 và xây dựng thêm những chính sách, chương trình nhằm thu hút nguồn nhân sự đáp ứng kịp nhu cầu phát triển của Công ty cũng như toàn hệ thống.

- Định hướng, tập trung triển khai một cách thiết thực và cụ thể để từng thành viên lãnh đạo, quản lý đổi mới trong tư duy và suy nghĩ, có những hành động quyết liệt và phù hợp với tình hình thị trường nhằm tạo động lực mạnh mẽ cho cán bộ, nhân viên toàn hệ thống vượt qua những khó khăn và thách thức, tăng khả năng sáng tạo và hiệu suất trong công việc.

- Chuẩn bị xây dựng mục tiêu, tầm nhìn và chiến lược cho giai đoạn 2020 – 2025.

Từ những định hướng trên, Hội đồng quản trị thống nhất các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 do Tổng giám đốc và Ban điều hành đề xuất như sau:

Chỉ tiêu kinh doanh (theo BCTC hợp nhất)	TH 2017	KH 2018 (*)	% KH 2018/TH 2017
Doanh thu bán hàng & DV	13.794,7	14.200,0	103%
Lợi nhuận trước thuế	173,9	175,0	101%
Lợi nhuận sau thuế	139,1	140,0	101%
Thu nhập cổ đông Công ty mẹ	81,6	82,0	100%

(*): Kế hoạch trên sẽ được cập nhật và điều chỉnh khi thị trường có sự biến động lớn. Không bao gồm việc hạch toán hiệu quả dự án 104 Phố Quang. Dự kiến lợi nhuận là 56,9 tỷ đồng

3 KHẲNG ĐỊNH VỊ THẾ DẪN ĐẦU



“ Đột phá trong chiến lược, quyết đoán trong quyết sách, nhiệt huyết với công việc, giữ ưu thế tiên phong với thị trường ”

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Thị phần ô tô của Savico chiếm

9,9%

trong toàn thị trường

Tổng số đại lý ô tô của hệ thống Savico hiện nay

41 đại lý

Tổng số công ty thành viên trong hệ thống Savico

37 công ty

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ

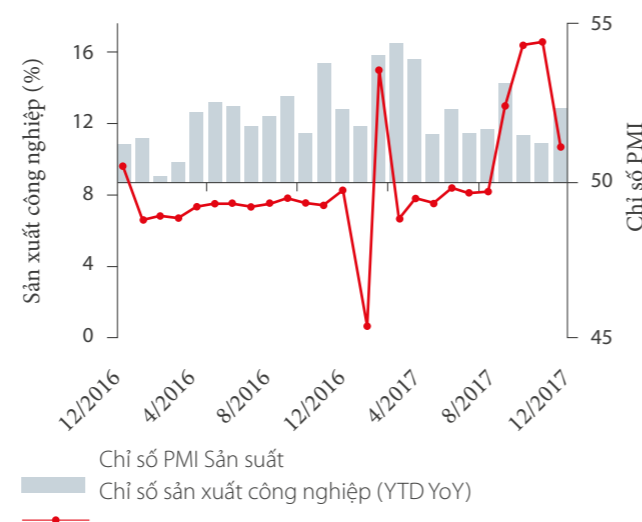
Tăng trưởng kinh tế: tình hình kinh tế xã hội năm 2017 tiếp tục giữ đà tăng trưởng. Các số liệu kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, nhu cầu nội địa tăng mạnh, lạm phát được kiểm soát, lãi suất giảm; Thặng dư thương mại, kiều hối dồi dào và nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ổn định;...

GDP năm 2017 tăng 6,81%, cao hơn so với mức tăng 6,21% của năm 2016. Hoạt động sản xuất tiếp tục cải thiện mạnh mẽ, chỉ số PMI đều duy trì ở mức trên 50 điểm.

Chỉ số CPI tháng 12/2017 tăng 2,6% so với tháng 12/2016, bình quân mỗi tháng tăng 0,21%. CPI bình quân năm 2017 tăng 3,53% so với năm 2016.

FDI năm 2017, tổng vốn đăng ký của các dự án cấp mới và vốn cấp bổ sung đạt 35,88 tỷ USD, tăng 44,4% so với năm 2016.

Đồ thị 1: Chỉ số sản xuất công nghiệp và PMI



Cán cân thương mại năm 2017 xuất siêu 2,7 tỷ USD, trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 26,1 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài xuất siêu 28,8 tỷ USD.

Tổng mức doanh số bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng năm 2017 đạt 3.934 nghìn tỷ đồng, tăng 10,9% so với cùng kỳ. Tín dụng đối với toàn nền kinh tế tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực.

VỀ CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Thị trường Ô tô - xe máy:

Do tâm lý chờ giảm thuế từ 2018 và tác động của Nghị định 116 nên doanh số bán hàng toàn thị trường ô tô năm 2017 đạt 272.743 xe, giảm 10% so với cùng kỳ, trong đó, xe lắp ráp giảm 19%, xe nhập khẩu tăng 9%. Doanh số bán hàng trong VAMA đạt 250.624 xe, giảm 8% so với cùng kỳ. Thị trường xe gắn máy, doanh số toàn thị trường năm 2017 đạt hơn 3,27 triệu xe, tăng 4,8% so với cùng kỳ.

Thị trường bất động sản:

Duy trì mức tăng trưởng ổn định, bền vững. Tồn kho giảm mạnh, tổng giá trị tồn kho cả nước còn 25.700 tỷ đồng, giảm 17% so với cùng kỳ (tương đương 5.300 tỷ đồng). Vốn FDI vào bất động sản tăng 54,8% so với cùng kỳ.

Việc triển khai kết luận của Thủ tướng liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung Quyết định 09 đã tác động đến một số dự án bất động sản của Công ty.

Thị trường tài chính:

Tăng trưởng tín dụng năm 2017 đạt 18,17%. Cơ cấu tín dụng thay đổi theo hướng giảm tỷ trọng trung dài hạn (chiếm 53,8%), tăng tỷ trọng ngắn hạn (chiếm 46,2%). Lãi suất ngắn hạn giảm từ 0,3 – 05%/ năm.

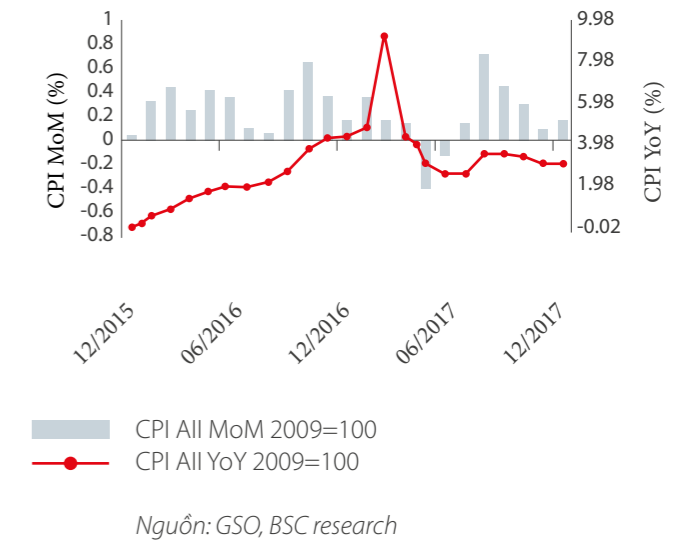
Lãi suất cho vay các kỳ hạn

KỲ HẠN	2016	2017
VND ngắn hạn	6,8 – 9,0	6,0 – 9,0
VND trung, dài hạn	9,3 – 11,0	9,0 – 11,0
USD ngắn hạn	2,8 – 4,7	2,8 – 4,7
USD trung, dài hạn	4,7 – 5,6	4,7 – 6,0

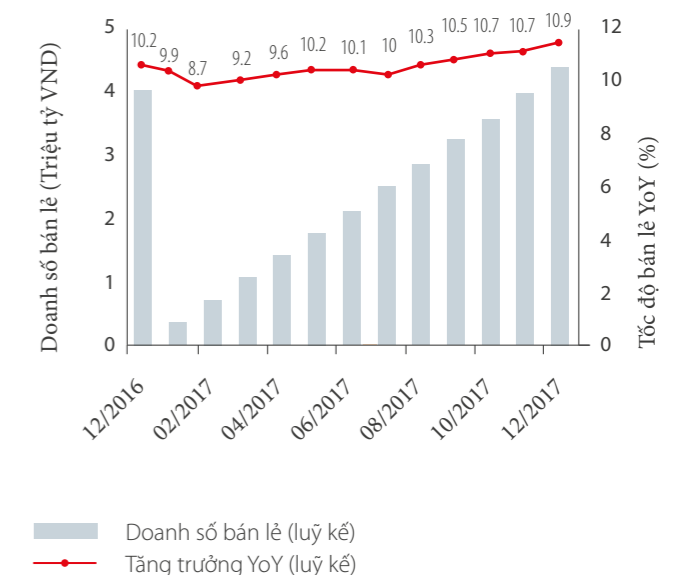
Nguồn tài liệu tham khảo:

- Tổng cục thống kê (GSO)
- Nghị quyết Chính phủ, Báo cáo chỉ số PMI Việt Nam (Nikkei, Markit)
- Tổng hợp các bản tin tài chính: BSC, HSC...

Đồ thị 2: Diễn biến CPI qua các năm



Đồ thị 3: Doanh số bán lẻ



II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KINH DOANH

- **Doanh thu:** Hợp nhất đạt 13.795 tỷ đồng, đạt 95% kế hoạch, tăng 1% so với cùng kỳ.
- **Lợi nhuận trước thuế:** hợp nhất đạt 174 tỷ đồng, đạt 69,6% kế hoạch, giảm 18% so với năm 2016. Nguyên nhân do hiệu quả một số đơn vị ô tô và đơn vị thương mại khác giảm mạnh so với cùng kỳ. Ngoài ra, chưa đủ điều kiện để ghi nhận được hiệu quả từ dự án bất động sản.
- Thu nhập cổ đông Công ty mẹ đạt 81,6 tỷ đồng, giảm

33,6% so với cùng kỳ.

- **LNTT báo cáo riêng:** đạt 57,4 tỷ đồng, đạt 67,5% kế hoạch, giảm 23,6% so với cùng kỳ. Bao gồm cổ tức từ các đơn vị 31,6 tỷ đồng; lợi nhuận từ khối các mặt bằng, văn phòng cho thuê 33,4 tỷ đồng; danh mục tài chính và thanh khoản 1,6 tỷ đồng; thu nhập từ chuyển nhượng một phần dự án 104 Phố Quang 13,3 tỷ đồng, dự án Tam Bình - Hiệp Bình Phước 6,6 tỷ đồng, khoản lỗ 8,4 tỷ đồng từ chuyển nhượng vốn tại dự án 66 - 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, hoàn nhập dự phòng dự án Nam Cẩm Lệ 21,9 tỷ đồng, ...; các khoản chi phí quản lý, chi phí tài chính và trích dự phòng tại Văn phòng Công ty là 46,6 tỷ đồng.

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Thực hiện	So sánh giữa 2017 và 2016	
		2017	2017	2016	KH 2017 (%)	TH 2016 (%)
		(triệu đồng)	(triệu đồng)	(triệu đồng)		
1	Doanh thu bán hàng và dịch vụ	14.500.000	13.794.725	13.661.872	95,1%	101,0%
2	Lợi nhuận trước thuế	250.000	173.987	212.154	69,6%	82,0%
3	Lợi nhuận sau thuế	200.000	139.056	173.820	69,5%	80,0%
4	Thu nhập cổ đông Công ty mẹ	130.000	81.633	122.993	62,8%	66,4%
5	LNTT BC riêng	85.000	57.406	75.101	67,5%	76,4%

2. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỪNG LĨNH VỰC

Công ty và các đơn vị trong hệ thống đã tập trung các giải pháp điều hành nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư đối với từng lĩnh vực kinh doanh, cụ thể như sau:

2.1. Lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại:

Lợi nhuận hợp cộng chưa phân bổ chi phí toàn lĩnh vực đạt 207,92 tỷ đồng, giảm 4% so với năm 2016. Kết quả thực hiện cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Ô tô			Xe máy			Thương mại khác		
	2016	2017	%17/16	2016	2017	%17/16	2016	2017	%17/16
Lượng xe (Xe)	26,337	27,067	103%	9,160	8,681	95%			
Doanh thu hợp cộng (Trđ)	20,266,927	21,743,087	107%	293,914	330,356	112%	283,873	272,018	96%
LNTT hợp cộng (Trđ)	168,509	163,711	97%	7,662	8,312	108%	41,09	35,742	87%

• Ngành hàng ô tô:

Về sản lượng, thị phần:

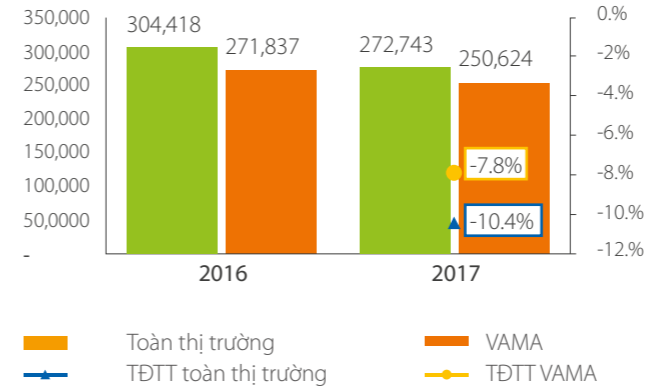
Tổng lượng xe tiêu thụ toàn hệ thống đạt 27.067 xe, đạt 95% kế hoạch, tăng 3% so với cùng kỳ.

Thị phần ô tô của Savico tăng lên 9,9% so với 86% cuối năm 2016.

Hệ thống Savico đã khai trương và đưa vào hoạt động 6 đại lý ô tô 2S-3S trong năm 2017 và 2 đại lý trong tháng 2 năm 2018, nâng tổng số đại lý ô tô thuộc hệ thống Savico lên con số 41 đại lý – vượt mục tiêu có từ 35 đến 40 đại lý trong Báo cáo Ban Tổng Giám đốc trình Đại hội đồng cổ đông năm 2015. Mặc dù vậy, Công ty vẫn khai trương và đưa vào hoạt động chậm 2 đại lý so với số kế hoạch trong Báo cáo của Ban Tổng giám đốc trình Đại hội đồng cổ đông năm 2017. Tiến độ phát triển một số dự án chậm

so với kế hoạch, một số dự án không đạt được mục tiêu đề ra, nguyên nhân chủ yếu do khó khăn về mặt bằng, pháp lý, và sự chủ động giãn tiến độ do thị trường ô tô gặp khó khăn.

Sản lượng VAMA và toàn thị trường 2017



Về doanh thu:

Doanh thu bán hàng và dịch vụ hợp cộng toàn ngành ô tô đạt 21.743 tỷ đồng, tăng 7,3% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu bán xe là 19.235 tỷ đồng, tăng 6,7%; và doanh thu dịch vụ - phụ tùng đạt 1.586 tỷ đồng, tăng 27,5% so với cùng kỳ.

Xét về cơ cấu doanh thu năm 2017 tương đối ổn định so với cùng kỳ. Trong đó, Toyota chiếm 53%, Ford chiếm 27%, Hyundai dai chiếm 7%, các thương hiệu còn lại chiếm 12% tổng doanh thu bán hàng và dịch vụ hợp cộng.

Sản lượng bán xe toàn hệ thống trong năm 2017 đạt 27.067 xe, chiếm 9,9% thị phần xe toàn thị trường; trong đó:

- Sản lượng bán xe thương hiệu Toyota của toàn hệ thống tăng 3% so với năm 2016, chiếm 23,2% thị phần của Toyota Việt Nam.
- Sản lượng bán xe thương hiệu Ford của toàn hệ thống giảm nhẹ 1% so với năm 2016, chiếm 24,1% thị phần của Ford Việt Nam.
- Sản lượng bán xe du lịch thương hiệu Hyundai của toàn hệ thống tăng 10% so với năm 2016, chiếm 9,1% thị phần của Hyundai du lịch cả nước.
- Sản lượng bán xe các thương hiệu khác của toàn hệ thống tăng 22% so với năm 2016, chiếm 2,3% thị phần các thương hiệu còn lại.

Về chi phí:

Tổng chi phí toàn ngành ô tô thực hiện 1.459 tỷ đồng, tăng 29,5% so với cùng kỳ, chiếm 6,7% trên tổng doanh thu, cùng kỳ 5,7%. Trong đó:

Chi phí bán hàng thực hiện 1.004 tỷ đồng, chiếm 68,8% tổng chi phí và tăng 27,9% so với cùng kỳ, chủ yếu từ các chương trình khuyến mãi, chương trình kích thích bán hàng của hoạt động bán xe.

Chi phí quản lý thực hiện 311 tỷ đồng, chiếm 21,3% tổng chi phí, tăng 17,6% so với cùng kỳ, chủ yếu là do mở rộng quy mô kinh doanh của các đơn vị. Chi phí tài chính tăng 52,5% so với cùng kỳ là hệ quả của tình trạng tồn kho cao của các đơn vị trong năm 2017.

Về lãi gộp:

Lãi gộp hoạt động bán xe năm 2017 đạt 710 tỷ đồng, tăng 14,3% so với cùng kỳ. Trong đó, nhóm Hyundai tăng 33,2%; nhóm Toyota tăng 6,2%; nhóm Ford giảm 13,8% so với cùng kỳ; riêng nhóm các thương hiệu khác tăng 91,6% do có sự tham gia của các đơn vị mới (Volvo Bắc Âu, Mitsubishi Đà Nẵng) và sự tăng trưởng đáng kể của các đơn vị xe thương mại.

Lãi gộp hoạt động dịch vụ, phụ tùng năm 2017 đạt 637,1 tỷ đồng, tăng 29% so với cùng kỳ. Lợi nhuận từ hoạt động dịch vụ, phụ tùng đạt 226,3 tỷ đồng, tăng 27% so với cùng kỳ.

Lãi gộp từ kinh doanh phụ kiện: đạt 71,7 tỷ đồng, tăng 28% so với cùng kỳ. Lợi nhuận từ kinh doanh phụ kiện đạt 48,0 tỷ đồng, tăng 27% so với cùng kỳ.

Về Lợi nhuận trước thuế:

Tổng lợi nhuận trước thuế hợp cộng ngành ô tô đạt 163,7 tỷ đồng, đạt 61% kế hoạch, giảm 2,8% so với cùng kỳ do tâm lý chờ đợi của khách hàng; bên cạnh đó sự cạnh tranh gay gắt giữa các thương hiệu cũng tác động đáng kể đến hiệu quả các đơn vị ô tô trong toàn hệ thống.

SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ

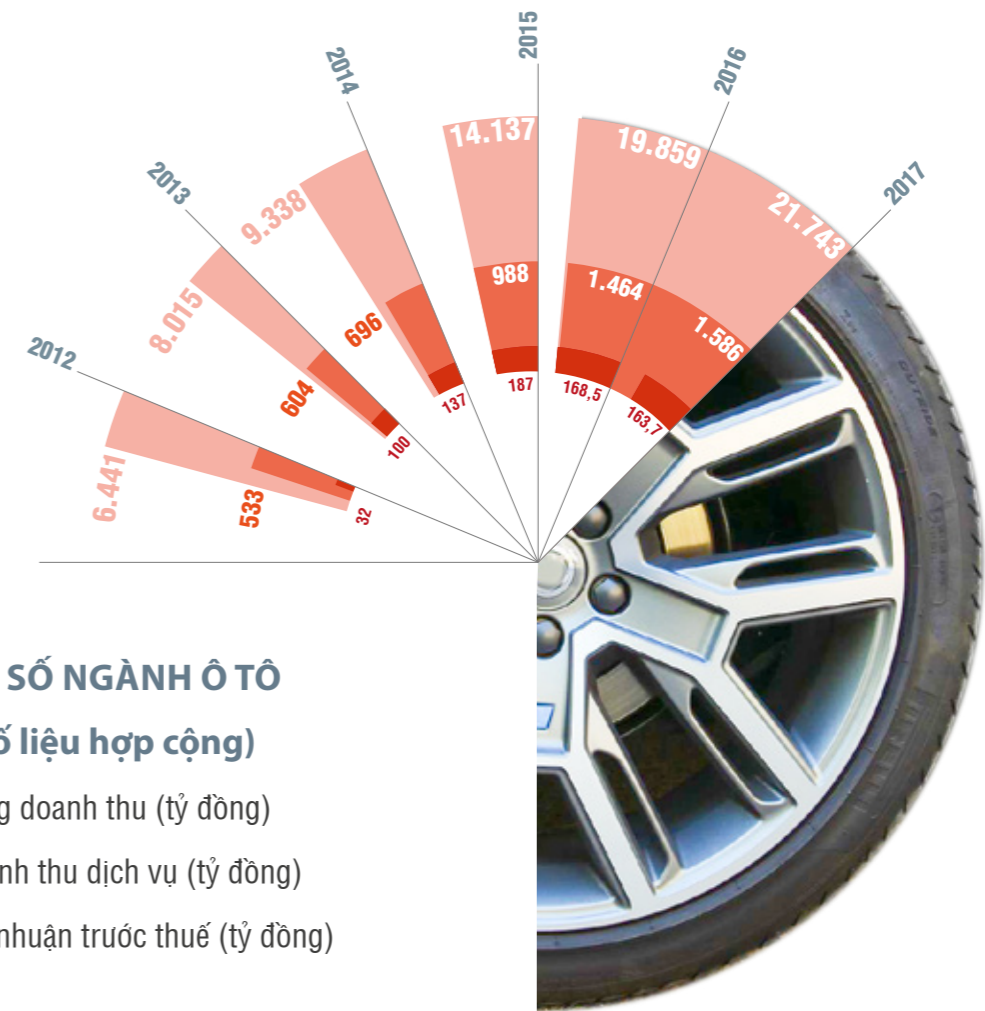
27.067

XE

TỔNG DOANH THU (HỢP CỘNG)

21.743

TỶ VNĐ



Các dự án khai trương/ hoạt động trong năm 2017:

Các đơn vị	Tiến độ thực hiện
Toyota Tây Ninh	Khai trương và hoạt động chính thức từ ngày 18/2/2017.
Volvo Hà Nội	Khai trương và hoạt động chính thức từ ngày 28/2/2017.
Fuso Tây Bắc Sài Gòn – CN Bình Dương	Hoạt động chính thức từ tháng 09/2017.
Bình Thuận Ford	Khai trương và hoạt động chính thức từ ngày 11/10/2017.
Sài Gòn Ngôi Sao – CN An Phú, Bình Dương	Khai trương và hoạt động chính thức từ ngày 17/10/2017.
Volvo Bắc Âu	Hoạt động chính thức từ ngày 07/12/2017.

Tiến độ triển khai các dự án ô tô:

Các đơn vị	Tiến độ thực hiện
1. Ford Tây Ninh	Khai trương và hoạt động chính thức từ ngày 05/02/2018.
2. Toyota Đông Sài Gòn – Trụ sở chính	Hoạt động chính thức từ ngày 21/02/2018.
3. Hyundai Sơn Trà	Đã khởi công vào Tháng 11/2017. Dự kiến khai trương vào tháng 5/2018.
4. Toyota Nam Định	Đã khởi công xây dựng trong tháng 10/2017, dự kiến khai trương vào tháng 6/2018.
5. Hyundai Kiên Giang	Khởi công vào Tháng 8/2017; Dự kiến khai trương vào tháng 7/2018.
6. Ford Hải Dương	Đã khởi công vào tháng 11/2017; Dự kiến khai trương vào tháng 7/2018.
7. Gia Định Ford	Dự kiến khai trương tháng 9/2018.
8. Toyota An Giang	Đang xin phép xây dựng.
9. Honda Lâm Đồng	Đang lập dự án triển khai.

• Ngành hàng xe gắn máy

Lượng xe tiêu thụ, toàn hệ thống Savico đạt 8.681 xe, đạt 102% kế hoạch và giảm 5% so với cùng kỳ (chủ yếu do bán sỉ giảm, nếu chỉ tính bán lẻ thì tổng sản lượng vẫn tăng 5,9%). Trong đó, thương hiệu Yamaha đạt 5.126 xe, giảm 13%, thương hiệu Honda xe máy đạt 3.555 xe, tăng 8% so với cùng kỳ.

Tổng doanh thu bán hàng và dịch vụ, năm 2017 đạt 330,4 tỷ đồng, đạt 103% kế hoạch, tăng 12% so với cùng kỳ.

Về chi phí, Tổng chi phí năm 2017 thực hiện 34,8 tỷ đồng, tăng 18,2% so với cùng kỳ. Trong đó, chi phí bán hàng tăng 25,1%, chi phí tài chính tăng 37,5% và chi phí quản lý tăng 3,5%. Cụ thể, tổng chi phí thương hiệu Yamaha tăng 19,4%, Honda xe máy tăng 16,8%. Tỷ lệ chi phí/ doanh thu các thương hiệu có sự biến động nhẹ so với cùng kỳ: Yamaha 10,7% (cùng kỳ 8,0%), Honda xe máy 10,4% (cùng kỳ 9,7%).

Về hiệu quả hoạt động

Lợi nhuận trước thuế hợp cộng toàn hệ thống xe máy đạt 8,3 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch, tăng 8% so với cùng kỳ do

được tinh gọn và tập trung vào hai thương hiệu xe máy lớn là Honda và Yamaha.

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh bán xe: chiếm tỷ trọng cao 60,5%, nhưng lại giảm 14% cao hơn so với mức giảm doanh thu bán xe là 6%.

Lợi nhuận từ hoạt động phụ tùng - dịch vụ: năm 2017 đạt 6,01 tỷ đồng, tăng nhẹ 1,6% so với năm 2016. Cụ thể, Yamaha giảm 13% (do ảnh hưởng sửa chữa tại Ninh Kiều) và Honda xe máy tăng 32,4% chủ yếu do Head Honda Nhà Bè đã ổn định sau hơn hai năm hoạt động kinh doanh.

Hiệu quả ngành xe gắn máy duy trì tăng trưởng ổn định do:

- Duy trì triển khai các chương trình marketing đẩy mạnh hoạt động bán hàng và dịch vụ, đảm bảo lợi nhuận gộp trên từng đầu xe bình quân ở mức ổn định.
- Doanh thu mảng dịch vụ, phụ tùng toàn ngành tăng 16,35% so với cùng kỳ, góp phần gia tăng hiệu quả tại đơn vị.

• Ngành hàng Dịch vụ khác:

Hiệu quả toàn ngành dịch vụ khác năm 2017 đạt 35,7 tỷ đồng, giảm 13% so với cùng kỳ.

Trung tâm thương mại Savico MegaMall (SMM), doanh thu ổn định, đặc biệt trung tâm đang triển khai xây dựng rạp chiếu phim dự kiến đưa vào hoạt động từ 30/4/2018. Lợi nhuận trước thuế đạt 30,2 tỷ đồng, tăng 20% so với cùng kỳ.

Savico Đà Nẵng, lợi nhuận trước thuế đạt 3,2 tỷ đồng, giảm 19% so với cùng kỳ do khách thuê lớn trả mặt bằng, hạ tầng cũ nên các khoản chi phí phát sinh cao.

Trung tâm Hội nghị tiệc cưới Melisa Center, năm 2017 chịu cạnh tranh lớn trước các đối thủ quanh khu vực, lợi nhuận trước thuế đạt 6,2 tỷ đồng, giảm 47% so với cùng kỳ.

OtoS, đang cơ cấu sắp xếp lại hoạt động kinh doanh, lợi nhuận trước thuế lỗ 4,2 tỷ đồng (cùng kỳ lỗ 3,8 tỷ đồng).

ComfortDelgro Savico Taxi, đã hoàn tất quyết toán thuế, thanh lý toàn bộ đội xe, ngưng kinh doanh taxi và đang làm việc với đối tác để chuyển đổi sang mô hình hoạt động phù hợp.

Tình hình thực hiện các dự án:

Dự án	Tiến độ triển khai
Dự án 104 Phố Quang	Đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính với Nhà Nước. Đang thực hiện các hồ sơ để chuyển nhượng một phần dự án cho Novaland.
Dự án KDC Hiệp Bình Phước - Tam Bình	Tìm đối tác hợp tác trường mầm non. Chuẩn bị mời thầu cho gói thầu thi công bờ kè, dự kiến khởi công trong quý 02/2018.
Dự án 66-68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Savico Invest	Đã hoàn tất thủ tục xin phép xây dựng, đã khởi công dự án vào đầu tháng 2/2018.

Tiến độ triển khai một số dự án bất động sản chậm so với kế hoạch (104 Phố Quang, 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa...) do vướng mắc các thủ tục về pháp lý.

2.3. Công tác tài chính:

CÔNG TÁC QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH, DÒNG TIỀN

Đến thời điểm 31/12/2017, dòng tiền thu được từ các lĩnh vực đạt 129,4 tỷ đồng, trong đó:

- Lĩnh vực Dịch vụ thương mại: thu cổ tức đạt 33,6 tỷ đồng.
- Lĩnh vực Bất động sản: đạt 94,2 tỷ đồng, gồm: Thu chuyển nhượng vốn từ dự án 66-68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa là 43,6 tỷ đồng, thu từ các mặt bằng cho thuê là 49,6 tỷ đồng, thu khác là 1 tỷ đồng.

2.2. Lĩnh vực Dịch vụ Bất động sản: Khối Văn phòng, mặt bằng cho thuê:

Hiệu quả năm 2017

Chỉ tiêu (trđ)	2016	2017	% Ckỳ
Doanh thu	176.583	143.727	81%
DT Khối thu ổn định	56.535	56.610	100%
DT Dự án	120.048	87.117	73%
Lợi nhuận gộp	91.839	66.828	73%
VPCT	14.750	13.026	88%
MBCT/ TM khác	17.298	20.325	118%
Dự án	59.791	33.477	56%

Nhận xét:

- Doanh thu khối văn phòng, mặt bằng cho thuê ổn định năm 2017 đạt 56,6 tỷ đồng, tương đương so với cùng kỳ.
- Tỷ lệ khai thác các mặt bằng duy trì ở mức cao, khu vực HCM và Cần Thơ là 100%, cho thuê kho đạt tỷ lệ 91%, đang tiến hành cải tạo kho để nâng cao hiệu quả khai thác.

Lĩnh vực	Dòng tiền từ	2016	2017	% Cùng kỳ
DVTM	Thu cổ tức	26,0	33,6	122%
DVBĐS	Chuyển nhượng	97,3	94,2	99%
DVTC	Cổ tức và thanh khoản	4,6	1,6	35%
Thu khác	Các khoản hỗ trợ tài chính	78,9		
Tổng cộng (Tỷ đồng)		206,8	129,4	63%

HỢP TÁC CHIẾN LƯỢC VỚI NGÂN HÀNG

- Vietinbank: Đã cấp hạn mức cho 30 đơn vị với tổng hạn mức 2.040 tỷ đồng góp phần ổn định lãi suất chung ngắn hạn tại các đơn vị, tiết kiệm và giảm chi phí tài chính toàn hệ thống khoảng 4,7 tỷ đồng.
- Vietcombank: Đã ký kết hợp đồng hợp tác chiến lược ngày 28/12/2017.

Tình hình tài chính

Tình hình tài chính theo Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty:

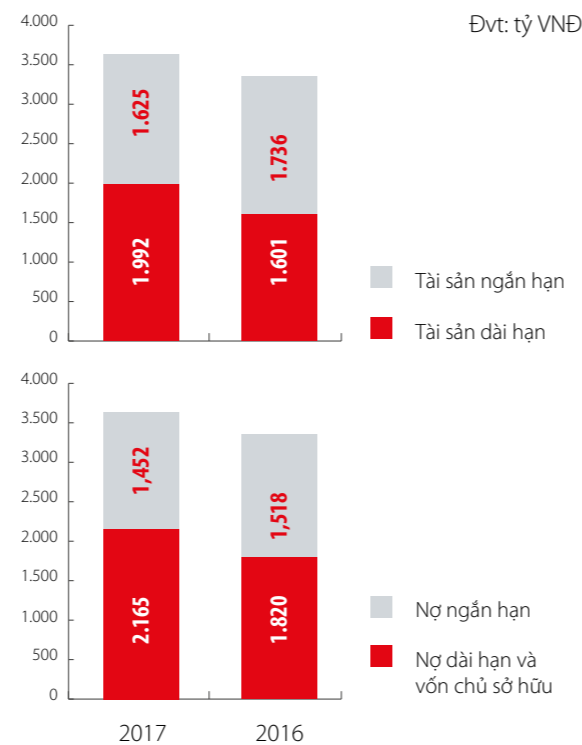
Chỉ tiêu	2017	2016	% tăng/ giảm
Tổng tài sản	3,617,037	3,337,818	8.4%
Hàng tồn kho và các khoản phải thu ngắn hạn	1,318,800	1,390,901	-5.2%
Vốn chủ sở hữu	1,277,348	1,172,485	8.9%
Nợ phải trả	2,339,690	2,165,333	8.1%
Trong đó tổng nợ vay	1,228,772	1,317,569	-6.7%
VCSH/TTS	35.3%	35.1%	0.5%
Tổng nợ vay/TTS	34.0%	39.5%	-13.9%
Tổng nợ vay/ nợ phải trả	52.5%	60.8%	-13.7%

Trong năm 2017, hệ thống Savico đã chủ động kiểm soát hàng tồn kho và các khoản phải thu để thích ứng với những biến động liên quan đến thị trường các ngành hàng tác động chủ yếu đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Đến 31/12/2017, mặc dù tổng tài sản theo Báo cáo tài chính hợp nhất tăng nhưng Công ty đã giữ ổn định và duy trì tỷ lệ VCSH trên TTS ở mức hợp lý, cắt giảm được tỷ lệ nợ vay trên TTS và nợ vay trong cơ cấu nợ phải trả.

Cấu trúc tài sản/ nguồn vốn

Trong Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất của Savico, Công ty ghi nhận một khoản phải trả đối tác theo Thỏa thuận Hợp tác ký ngày 10 tháng 7 năm 2014 cho Dự án 104 Phố Quang ở mục Phải trả ngắn hạn khác tại thời điểm 31/12/2017 và 31/12/2016 lần lượt là 338.409.629.546 đồng và 86.080.042.873 đồng. Tuy nhiên, bản chất của khoản phải trả này là thỏa thuận với đối tác nhằm tài trợ cho khoản đầu tư tài sản dở dang dài hạn và sẽ được tất toán khi hoàn tất dự án. Vì vậy, sau khi điều chỉnh khoản phải trả sang dài hạn cho phù hợp với tính chất, cấu trúc tài sản/ nguồn vốn của Công ty cuối năm 2016 và 2017 thể hiện qua bảng số liệu:



Số liệu cho thấy hệ thống Savico đang đảm bảo được sự an toàn, cân đối giữa tính chất của tài sản và nguồn vốn tài trợ, nợ dài hạn và vốn chủ sở hữu đảm bảo tài trợ cho toàn bộ tài sản dài hạn và cung cấp vốn đối ứng để tài trợ cho tài sản ngắn hạn.

2.4 Những đổi mới trong công tác tổ chức, quản trị điều hành

Đánh giá hiệu quả công việc theo KPIs và áp dụng 5S trong hoạt động kinh doanh:

- Được áp dụng từ năm 2016, hệ thống đánh giá kết quả công việc KPIs đã có tác động tích cực đến hoạt động của văn phòng Công ty. Mỗi thành viên trong Công ty luôn ý thức được trách nhiệm đối với công việc được giao, xây dựng kế hoạch công việc hợp lý và có kế hoạch hành động thiết thực để đảm bảo thực hiện tốt nhất những công việc được giao, qua đó góp phần hoàn thành những mục tiêu mà Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng quản trị đã giao cho Công ty.
- Với các bước cơ bản "Sàng lọc, sắp xếp, sạch sẽ, sẵn sàng", việc áp dụng 5S tại văn phòng Công ty đã góp phần nâng cao ý thức tự nguyện, tự giác trong thực hiện văn hóa doanh nghiệp, cải thiện tinh thần làm việc tích cực, tinh thần trách nhiệm của mỗi cán bộ Công ty, xây dựng môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp.

Nghiên cứu ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động:

- Xây dựng các kênh chia sẻ thông tin online trong nội bộ

thông qua các diễn đàn trực tuyến. Xây dựng các diễn đàn về nhân sự, tài chính kế toán, thương mại... để trao đổi các thông tin một cách nhanh chóng, kịp thời.

- Nghiên cứu, đánh giá việc áp dụng hệ thống quản lý hoạch định tài nguyên doanh nghiệp (ERP) trong hoạt động quản trị điều hành.

III. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

1. NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH NĂM 2018

Về tình hình chung

Tình hình kinh tế vĩ mô năm 2018 kỳ vọng sẽ ổn định, tăng trưởng bền vững, được hỗ trợ bởi các yếu tố: Triển vọng khả quan của kinh tế thế giới cũng như tín hiệu tích cực từ các nền kinh tế chủ chốt, sự tăng giá của một số đồng tiền và triển vọng phục hồi kinh tế tạo cơ hội đẩy mạnh xuất khẩu; những cải thiện về môi trường đầu tư, kinh doanh, triển vọng hội nhập kinh tế quốc tế và hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục khởi sắc. Dù vậy, kinh tế Việt Nam vẫn còn đối mặt nhiều khó khăn: năng lực cạnh tranh yếu, năng suất lao động thấp, nợ công có xu hướng tăng, hạ tầng chưa đồng bộ, nguồn vốn cho đầu tư phát triển khan hiếm, chất lượng nguồn nhân lực và khả năng thích ứng, nắm bắt cơ hội từ cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 vẫn là dấu hỏi lớn.

Đối với các hoạt động kinh doanh của Công ty bảo vệ sẽ gặp rất nhiều thách thức trong năm 2018, đặc biệt là lĩnh vực Dịch vụ Thương mại, chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi các chính sách về ô tô. Cụ thể:

CƠ HỘI

- Kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định.
- Tín dụng tiếp tục tăng trưởng, lãi suất cho vay ổn định ở mức thấp.
- Chính sách hỗ trợ ngành công nghiệp ô tô trong nước:
- Thuế nhập khẩu giảm xuống 0% từ đầu năm 2018, giảm 5% thuế TTĐB đối với các dòng xe dưới 1,5l;
- Nghị định 125/2017/NĐ-CP quy định ưu đãi thuế nhập khẩu linh kiện 0% đối với các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô;
- Đề xuất điều chỉnh thuế thu nhập DN và áp dụng các chính sách khuyến khích về tín dụng đầu tư đối với hoạt động sản xuất, lắp ráp ô tô trong nước.
- Nhu cầu mua xe tăng trong năm 2018.

THÁCH THỨC

- Nghị định 116/2017/NĐ-CP (hiệu lực từ ngày 17/10/2017) quy định:
- Doanh nghiệp nhập khẩu phải cung cấp bản sao Giấy chứng nhận chất lượng, kiểu loại ô tô nhập khẩu, được cấp bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài;
- Ô tô nhập khẩu phải được cơ quan quản lý chất lượng kiểm tra, thử nghiệm đối với từng lô; mỗi lô xe nhập khẩu sẽ phải lấy mẫu đem đi kiểm tra, thử nghiệm về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.
- » Rào cản kỹ thuật đối với xe nhập khẩu.
- Thông tư 03/2018/TT-BGTVT hướng dẫn bộ hồ sơ kiểm định (VTA) gồm 12 loại giấy tờ, bổ sung giấy chứng nhận linh kiện của lốp, gương chiếu hậu, đèn và kính.
- » Xe nhập khẩu sẽ bị hạn chế trong năm 2018.

Lĩnh vực Dịch vụ Bất động sản: Thị trường Bất động sản dự báo tiếp tục phát triển ổn định:

- Bất động sản giá rẻ sẽ là điểm sáng của thị trường và tiếp tục gia tăng nguồn cung trong năm 2018 do nhu cầu thật còn rất lớn;
- Đất nền là kênh đầu tư hấp dẫn trong năm 2018, đặc biệt là những khu vực vùng ven;
- Hoạt động mua bán, sáp nhập doanh nghiệp, chuyển nhượng dự án (M&A) sẽ phát triển mạnh.

Tài chính: Tăng trưởng tín dụng dự báo ở mức cao trong

2. MỤC TIÊU - NHIỆM VỤ HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

Chỉ tiêu kinh doanh (theo BCTC hợp nhất)	TH 2017	KH 2018 (*)	% KH 2018/TH 2017
Doanh thu bán hàng & DV	13.794,7	14.200,0	103%
Lợi nhuận trước thuế	173,9	175,0	101%
Lợi nhuận sau thuế	139,1	140,0	101%
Thu nhập cổ đông Công ty mẹ	81,6	82,0	100%

(*): Kế hoạch trên sẽ được cập nhật và điều chỉnh khi thị trường có sự biến động lớn. Không bao gồm việc hạch toán hiệu quả dự án 104 Phổ Quang. Dự kiến lợi nhuận là 56,9 tỷ đồng

Phương hướng nhiệm vụ năm 2018:

- Bám sát tình hình thị trường, liên tục cập nhật chính sách Chính phủ và Nhà sản xuất để đưa ra giải pháp kịp thời đối với công tác bán hàng. Làm việc với các đơn vị thành viên về việc thống nhất các chỉ tiêu kế hoạch và các giải pháp thực hiện tốt nhất các mục tiêu kế hoạch 2018.
- Tập trung các nguồn lực tiếp tục đẩy mạnh phát triển hệ thống đại lý ô tô, nghiên cứu đầu tư mở rộng vào các dòng xe và thương hiệu có nhiều triển vọng theo kế hoạch phát triển mạng lưới tới năm 2020, từ đó khẳng định vai trò lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại làm nền tảng cốt lõi cho các hoạt động kinh doanh, chú trọng gia tăng hiệu quả hoạt động của Công ty.
- Theo dõi tiến độ triển khai các dự án; đồng thời tìm kiếm các dự án mới.
- Hoàn thiện hệ thống quản trị nhân sự; xây dựng và phát triển hệ thống nhân sự ngành dọc, đảm bảo nguồn lực nhân sự kế thừa.
- Tăng cường quan hệ hợp tác, đầu tư với các đối tác chiến lược, các nhà đầu tư quan tâm tới hoạt động kinh doanh và triển vọng của Công ty. Thúc đẩy văn hóa doanh nghiệp, tăng cường gắn kết nội bộ, đảm bảo sự phát triển bền vững của hệ thống cho giai đoạn mới.
- Tăng cường vai trò quản lý của Công ty mẹ tới các đơn vị thành viên. Tập trung đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ, phụ kiện, bảo hiểm; đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững của ngành ô tô.

Giải pháp hoạt động

Lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại:

Công tác dự báo: Liên tục cập nhật chính sách Chính phủ và Nhà sản xuất để đưa ra giải pháp kịp thời đối với công tác bán hàng;

Quản lý đặt hàng tồn kho: Tăng cường công tác dự báo, kiểm soát việc đặt hàng, tồn kho tối ưu; Tăng cường chia sẻ thông tin, trao đổi hàng tồn kho trong hệ thống thông qua các Hội thảo chuyên đề và diễn đàn chia sẻ thông tin...;

Tập trung kiểm soát giá, tỷ lệ lãi gộp/xe;

Dịch vụ: Tăng cường hiệu quả các hoạt động dịch vụ, chăm sóc khách hàng, đặc biệt tại các đơn vị mới thành lập;

Tăng cường hiệu quả hoạt động bảo hiểm và phụ kiện;

Phát triển mạng lưới: Tập trung kiểm soát, triển khai thực hiện đảm bảo đúng tiến độ các dự án; quyết liệt giải quyết các khó khăn, vướng mắc về thủ tục pháp lý mặt bằng; kiểm soát tiến độ xây dựng; đảm bảo thực hiện tốt nhất theo kế hoạch đặt ra. Kế hoạch phát triển mạng lưới trong năm 2018 là hoàn thành lập đặt, vận hành thử 1 đại lý do Savico trực tiếp đầu tư; hoàn tất, đưa vào khai trương và hoạt động chính thức 7 đại lý do các đơn vị đầu tư.

Lĩnh vực Dịch vụ Bất động sản:

- Duy trì công suất khai thác tối đa các mặt bằng, hoàn tất các thủ tục pháp lý để hạch toán dự án bất động sản.
- Tiếp tục triển khai các dự án:
 - Dự án 104 Phổ Quang:** Hoàn tất chuyển nhượng dự án.
 - Dự án Hiệp Bình Phước - Tam Bình:** Hoàn thành xây dựng bờ kè và cảnh quan công trình, cây xanh, thảm đường để bàn giao cho địa phương. Khai thác các nền nhà liên kế tại dự án Hiệp Bình Phước - Tam Bình để tăng doanh thu. Tìm đối tác hợp tác/cho thuê và xây dựng trường mầm non.
 - Dự án Mercure Sơn Trà:** Theo dõi kết luận của thanh tra Chính phủ và có giải pháp phù hợp.
 - Dự án Nam Cẩm Lệ:** Tìm kiếm đối tác cho thuê phần diện tích đất còn lại.
 - Kho 403 Trần Xuân Soạn:** Hoàn tất xây dựng kho mới.

Lĩnh vực Dịch vụ Tài Chính:

- Theo dõi và đánh giá hiệu quả của chương trình hợp tác chiến lược với Vietinbank, Vietcombank đối với các đơn vị thành viên. Phối hợp các lĩnh vực đánh giá, phân tích hiệu quả đầu tư và xây dựng kế hoạch tài chính dài hạn song song với Kế hoạch đầu tư các lĩnh vực.
- Gia tăng công tác quản trị nguồn vốn, dòng tiền và hiệu quả đầu tư: tập trung thu cổ tức các đơn vị trong danh mục đầu tư chứng khoán và trong hệ thống, đảm bảo việc thu đúng và đủ theo kế hoạch đề ra. Chủ động phân bổ dòng tiền phù hợp với việc phát triển các dự án của Công ty.

Công tác quản trị tham mưu:

- Các bộ phận Dịch vụ Thương mại, Tài chính Kế toán, Kiểm soát nội bộ tăng cường công tác theo dõi, hỗ trợ các đơn vị mới, các đơn vị đang gặp khó khăn trong hoạt động kinh doanh, tham mưu và hỗ trợ nâng cao hiệu quả tại các đơn vị.
- Đẩy mạnh các kênh tuyển dụng nhân sự song song với đào tạo, phát triển nội bộ trong hệ thống.

3. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG TRUNG VÀ DÀI HẠN

- Tiếp tục khẳng định vai trò là nhà đầu tư tiên phong, cung cấp và phân phối những sản phẩm chất lượng tốt nhất cho khách hàng, là địa chỉ tin cậy cho nhà đầu tư
- Đẩy mạnh hệ thống mạng lưới phân phối xe ô tô, củng cố hệ thống phân phối xe hiện tại, tập trung giữ vững thị phần xe trên toàn thị trường. Đảm bảo mục tiêu tăng trưởng doanh thu trong trung và dài hạn. Tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty. Đảm bảo lợi ích cho các cổ đông.
- Nâng cao môi trường, điều kiện làm việc và đảm bảo thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.
- Không ngừng đổi mới, sáng tạo, áp dụng công nghệ trong hoạt động kinh doanh, phát huy các sáng kiến, cải tiến có ý nghĩa thực tiễn.
- Nâng cao hệ thống quản trị chuyên nghiệp về: quản trị tài chính, kinh doanh và chất lượng phục vụ dựa trên công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao và đạo đức nghề nghiệp.

QUẢN TRỊ CÔNG TY



1. Giới thiệu các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát Công ty

Hội đồng Quản trị:

1. Ông NGUYỄN BÌNH MINH

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
 Ngày sinh: 13/02/1972, Nơi sinh: Hà Nội
 Địa chỉ thường trú: 150/1 Ung Văn Khiêm, P. 25, Q. Bình Thạnh, TP. HCM.
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản Trị Kinh Doanh
 Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:
 - Tổng giám đốc Tổng Công ty Bến Thành TNHH MTV
 - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Savico Đà Nẵng
 - Chủ tịch HĐQT CTCP Dịch vụ Sài Gòn Ô tô
 - Thành viên HĐQT Công ty CP Savico Hà Nội
 - Thành viên HĐQT Công ty CP Toyota Đông Sài Gòn

2. Ông MAI VIỆT HÀ

Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc
 Ngày sinh: 18/02/1973 - Nơi sinh: Hưng Yên
 Địa chỉ thường trú: Lô A 4-6 C/c Khánh Hội, 360C Bến Vân Đồn, P. 1, Q. 4, TP. HCM
 Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh
 Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:
 - Chủ tịch HĐQT CTCP Ô tô Nam Sông Hậu
 - Chủ tịch HĐQT CTCP Ô tô Sao Tây Nam
 - Chủ tịch HĐQT CTCP Ô tô Bắc Âu
 - Chủ tịch HĐQT CTLD Toyota Giải Phóng

3. Ông ĐOÀN VĂN QUANG

Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc
 Ngày sinh: 20/10/1971, Nơi sinh: Bình Định
 Địa chỉ thường trú: 326/16 Phan Đình Phùng, Q. Phú Nhuận, TP. HCM
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
 Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:
 - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Sài Gòn Ngôi Sao.
 - Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH TMDV Sài Gòn.
 - Chủ tịch HĐQT Công ty CP ô tô Vĩnh Thịnh.
 - Chủ tịch HĐQT Công ty CP ô tô Tây Bắc Sài Gòn.

4. Ông NGUYỄN CÔNG BÌNH

Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc.
 Ngày sinh: 31/03/1978, Nơi sinh: TP. HCM
 Địa chỉ thường trú: 327 Lô C, C/c Nguyễn Thiện Thuật, P.1, Q. 3, TP. HCM
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
 Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:
 - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà
 - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Ô tô Sài Gòn Cửu Long
 - Thành viên HĐQT CTCP Đầu tư Savico
 - Thành viên HĐQT CTCP Toyota Đông Sài Gòn

5. Bà NGUYỄN VIỆT HOÀ

Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị
 Ngày sinh: 12/05/1975, Nơi sinh: Thanh Hoá
 Địa chỉ thường trú: 32/107 Bùi Đình Túy, P.12, Q. Bình Thạnh, TP. HCM
 Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kế toán Kiểm toán
 Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:
 - Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Bến Thành TNHH MTV

6. Ông LƯƠNG QUANG HIỂN

Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị
 Ngày sinh: 25/11/1967, Nơi sinh: Đà Nẵng
 Địa chỉ thường trú: 93 đường 37, P. Tân Quy, Q. 7, TP. HCM
 Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản Trị Kinh Doanh
 Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:
 - Giám đốc điều hành Công ty CP Hùng Vương
 - Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Tập đoàn KIDO

7. Ông NGUYỄN ĐỨC TRỌNG

Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị
 Ngày sinh: 16/12/1972, Nơi sinh: Đà Lạt, Lâm Đồng
 Địa chỉ thường trú: 28 đường số 5, Khu dân cư Him Lam, Tân Hưng, Q. 7, TP. HCM
 Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Tài chính
 Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:
 - Giám đốc Tư vấn Tài chính tại Công ty CP Chứng khoán TP. HCM

Ban Tổng giám đốc - Kế toán trưởng

1. Ông MAI VIỆT HÀ

2. Ông ĐOÀN VĂN QUANG

3. Ông NGUYỄN CÔNG BÌNH

4. Bà NGUYỄN THU NGÀ

Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc
 Ngày sinh: 02/10/1974, Nơi sinh: Nam Định
 Địa chỉ thường trú: 51 Mỹ Văn, khu phố 6, Q. 7, TP. HCM
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
 Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:
 - Thành viên HĐQT Công ty CP Ô tô Tây Bắc Sài Gòn

5. Ông NGÔ VĂN DANH

Chức vụ: Kế toán trưởng
 Ngày sinh: 27/12/1975, Nơi sinh: Sài Gòn
 Địa chỉ thường trú: 159/74/52 Trần Văn Đang, Q. 3, TP. HCM
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài Chính - Kế Toán
 Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:
 - Trưởng Ban kiểm soát CTCP Toyota Đông Sài Gòn
 - Thành viên HĐQT Công ty CP Ô tô Vĩnh Thịnh

Ban kiểm soát:

1. Bà NGUYỄN NHƯ ÁNH

Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát
 Ngày sinh: 19/04/1976, Nơi sinh: Hà Nội
 Địa chỉ thường trú: Số 6 đường 18, Khu dân cư ven sông

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Tình hình tham dự các cuộc họp của các thành viên Hội đồng quản trị như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1.	Ông Nguyễn Bình Minh	Chủ Tịch	24/4/2015	5/5	100%	
2.	Ông Mai Việt Hà	Thành Viên	24/4/2015	5/5	100%	
3.	Bà Nguyễn Việt Hoà	Thành Viên	24/4/2015	4/5	80%	Bận công tác, có ủy quyền cho thành viên khác dự họp
4.	Ông Nguyễn Công Bình	Thành Viên	24/4/2015	5/5	100%	
5.	Ông Đoàn Văn Quang	Thành Viên	24/4/2015	5/5	100%	
6.	Ông Lương Quang Hiển	Thành Viên	24/4/2015	4/5	80%	Bận công tác, có ủy quyền cho thành viên khác dự họp
7.	Ông Nguyễn Đức Trọng	Thành Viên	24/4/2015	2/5	40%	Bận công tác, có ủy quyền cho thành viên khác dự họp

Phường Tân Phong, Quận 7, TP. HCM
 Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài Chính
 Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:
 - Giám đốc Tài chính Kế hoạch Tổng Công ty Bến Thành TNHH MTV
 - Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Văn Hoá Tổng hợp Bến Thành

2. Ông NGUYỄN THÁI HOÀ

Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm Soát
 Ngày sinh: 08/06/1980, Nơi sinh: TP. HCM
 Địa chỉ thường trú: 10/5 Khu phố 7, Huỳnh Tấn Phát, Thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè, TP. HCM
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Luật - chuyên ngành Kinh tế.
 Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:
 Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty CP Sài Gòn Ô tô
 Trưởng Ban Kiểm Soát Công ty CP Savico Đà Nẵng
 Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Savico Hà Nội

3. Bà PHAN PHƯƠNG NGÀ

Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm Soát
 Ngày sinh: 05/01/1978, Nơi sinh: Nam Định
 Địa chỉ thường trú: 107/4 Duy Tân, P. 15, Quận Phú Nhuận, TP. HCM
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - chuyên ngành Kế hoạch và Đầu tư
 Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:
 - Trưởng Ban Kiểm Soát Công ty CP Sài Gòn Ngôi Sao.
 - Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty CP Đầu tư Savico.

Tình hình tham dự các lần trưng cầu ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số lần tham dự lấy ý kiến	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1.	Ông Nguyễn Bình Minh	Chủ tịch	24/4/2015	52/52	100%	
2.	Ông Mai Việt Hà	Thành viên	24/4/2015	51/52	98%	Bận công tác có ủy quyền cho thành viên khác
3.	Bà Nguyễn Việt Hoà	Thành viên	24/4/2015	52/52	100%	
4.	Ông Nguyễn Công Bình	Thành viên	24/4/2015	52/52	100%	
5.	Ông Đoàn Văn Quang	Thành viên	24/4/2015	52/52	100%	
6.	Ông Lương Quang Hiến	Thành viên	24/4/2015	52/52	100%	
7.	Ông Nguyễn Đức Trọng	Thành viên	24/4/2015	51/52	98%	Bận công tác có ủy quyền cho thành viên khác

- Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã hoạt động phù hợp theo quy định của pháp luật, điều lệ và đã đem lại hiệu quả tốt nhất có thể cho Công ty. Các công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị được giải quyết với tinh thần tập trung, thận trọng, trách nhiệm và bảo vệ quyền lợi của Công ty theo quy định pháp luật và điều lệ.
- Các thành viên Hội đồng quản trị luôn dành thời gian và đảm bảo thời gian để thực hiện các công việc thuộc trách nhiệm của mình tại Công ty một cách tích cực, chuyên nghiệp và với tinh thần trách nhiệm.
- Hội đồng quản trị chỉ đạo, triển khai và giám sát các hoạt động kinh doanh của Công ty và các doanh nghiệp trong hệ thống thông qua 05 cuộc họp trực tiếp được tổ chức định kỳ hàng quý và khi cần thiết và 52 lần trưng cầu ý kiến các thành viên bằng văn bản với 29 quyết định và 68 thông báo được ban hành. Các quyết định thông qua bằng hình thức trưng cầu ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản có hiệu lực và giá trị như các quyết định thông qua bằng hình thức họp trực tiếp.
- Các thành viên Hội đồng quản trị được cung cấp thông tin, tài liệu một cách đầy đủ và kịp thời trước các cuộc họp hay tại các lần trưng cầu ý kiến bằng văn bản để có đủ thời gian xem xét, thảo luận, có ý kiến và đưa ra quyết định của mình. Các chỉ đạo, kết luận được ban hành sớm để Ban Tổng giám đốc và các cán bộ đại diện vốn kịp thời thực hiện.
- Các quyết định của Hội đồng quản trị được công bố công khai theo quy định pháp luật và kể cả công bố tự nguyện, góp phần nâng cao trách nhiệm của Hội đồng quản trị trước cổ đông, tạo điều kiện cho cổ đông giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.
- Hội đồng quản trị cũng đã kết hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát để kiểm tra, giám sát tính tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ và các quy định khác có liên quan trong quá trình quản trị, điều hành Công ty và các doanh nghiệp trong hệ thống.
- Tiểu ban Lương, Thưởng, Nguồn nhân lực do thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phụ trách đã hỗ trợ cho Ban Tổng giám đốc và tham mưu cho Hội đồng quản trị trong việc xây dựng chính sách về thù lao, lương, thưởng cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, cán bộ quản lý và cán bộ đại diện vốn tại các doanh nghiệp trong hệ thống; xây dựng kế hoạch tiền lương hàng năm; xây dựng, rà soát, tu chỉnh quy chế tiền lương và tiền thưởng cho ngày càng phù hợp hơn; xác định tiêu chuẩn và lựa chọn nhân sự phù hợp để bầu, bổ nhiệm vào các chức danh chủ chốt, quan trọng, đại diện vốn của Công ty và tại các doanh nghiệp trong hệ thống.
- Hoạt động của Tiểu ban Lương, Thưởng, Nguồn nhân lực trong năm 2017 gồm:
 - Tháng 3/2017: Xem xét, đánh giá kế hoạch tiền lương năm 2017; rà soát và sắp xếp lại người đại diện vốn của Savico tại các đơn vị trong hệ thống.
 - Tháng 5/2017: Xem xét, đánh giá việc sắp xếp cơ cấu tổ chức văn phòng.

Các quyết định của Hội đồng quản trị:

Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
01/QĐ-HĐQT-SVC	06/02/2017	Quyết định về việc thông qua kế hoạch chốt danh sách cổ đông để tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2017.
02/QĐ-HĐQT-SVC	24/02/2017	Quyết định về việc chuyển nhượng cổ phần của Savico tại Công ty cổ phần Đầu tư Savico.
03/QĐ-HĐQT-SVC	24/02/2017	Quyết định về việc thay đổi người đại diện vốn của Savico tại Công ty cổ phần đầu tư Savico.
04/QĐ-HĐQT-SVC	16/03/2017	Quyết định về việc tăng vốn điều lệ của Công ty cổ phần đầu tư Savico.
05/QĐ-HĐQT-SVC	16/03/2017	Quyết định về việc thông qua kế hoạch tiền lương năm 2017.
06/QĐ-HĐQT-SVC	16/03/2017	Quyết định về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động tại các đơn vị thành viên.
07/QĐ-HĐQT-SVC	12/04/2017	Quyết định về việc phê duyệt thiết kế dự toán, kế hoạch đấu thầu thi công công trình văn phòng làm việc Savico tại 277-279 Lý Tự Trọng, Q. 1.
07A/QĐ-HĐQT-SVC	24/04/2017	Quyết định về việc thay đổi người đại diện vốn của Savico tại Công ty cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao.
08/QĐ-HĐQT-SVC	15/05/2017	Quyết định về việc thay đổi người đại diện vốn của Savico tại Công ty liên doanh Toyota Giải Phóng.
09/QĐ-HĐQT-SVC	15/05/2017	Quyết định về việc sắp xếp cơ cấu tổ chức văn phòng Savico.
10/QĐ-HĐQT-SVC	15/05/2017	Quyết định về việc tăng Vốn điều lệ Công ty cổ phần OtoS.
11/QĐ-HĐQT-SVC	26/05/2017	Quyết định về việc thay đổi người đại diện vốn của Savico tại Công ty cổ phần OtoS.
12/QĐ-HĐQT-SVC	31/05/2017	Quyết định về việc thay đổi người đại diện vốn của Savico tại Công ty cổ phần TESC.
13/QĐ-HĐQT-SVC	14/06/2017	Quyết định về việc cho thuê dài hạn quyền sử dụng đất tại Dự án Nam Cẩm Lệ, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.
14/QĐ-HĐQT-SVC	01/07/2017	Quyết định về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính của Savico được sửa đổi lần thứ 1.
15/QĐ-HĐQT-SVC	10/07/2017	Quyết định về việc phê duyệt chương trình và kế hoạch chi phí tổ chức Lễ kỷ niệm 35 năm thành lập Savico.
16/QĐ-HĐQT-SVC	13/07/2017	Quyết định về việc thay đổi người đại diện vốn tại Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Sài Gòn.
17/QĐ-HĐQT-SVC	20/07/2017	Quyết định về việc chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017.
18/QĐ-HĐQT-SVC	28/07/2017	Quyết định về việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Công Thương - CN 10.
19/QĐ-HĐQT-SVC	28/07/2017	Quyết định về việc thôi giữ nhiệm vụ tham gia quản lý tại Công ty TNHH ComfortDelgro Savico Taxi.
20/QĐ-HĐQT-SVC	17/08/2017	Quyết định về việc thay đổi người đại diện phần vốn của Savico tại Công ty cổ phần Đầu tư Savico.
21/QĐ-HĐQT-SVC	24/08/2017	Quyết định về việc kế hoạch chi trả cổ tức 2016.
22/QĐ-HĐQT-SVC	01/09/2017	Quyết định về việc thông qua giao dịch, hợp đồng.
23/QĐ-HĐQT-SVC	20/10/2017	Quyết định về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán và kế hoạch đấu thầu các gói thầu hạng mục công trình bờ kè thuộc dự án khu Dân cư Hiệp Bình Phước - Tam Bình.
24/QĐ-HĐQT-SVC	23/10/2017	Quyết định về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty cổ phần Savico Đà Nẵng.

25/QĐ-HĐQT-SVC	27/10/2017	Quyết định về việc sắp xếp nhân sự đại diện vốn của Savico tại Công ty cổ phần Ô tô Nam Sông Hậu.
26/QĐ-HĐQT-SVC	27/10/2017	Quyết định về việc cơ cấu lại vốn góp tại Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt.
27/QĐ-HĐQT-SVC	22/12/2017	Quyết định về việc mua cổ phần chào bán và cổ phần phát hành thêm tương ứng của cổ đông tại Công ty cổ phần Dịch vụ ô tô Thành phố mới Bình Dương.
28/QĐ-HĐQT-SVC	28/12/2017	Quyết định về việc thay đổi người đại diện phần vốn của Savico tại Công ty cổ phần ô tô Sao Tây Nam.
29/QĐ-HĐQT-SVC	28/12/2017	Quyết định về việc phê duyệt phương án đầu tư xây dựng kho tạm tại Kho 403 Trần Xuân Soạn, Phường Tân Kiểng, Quận 7, TP. HCM.

• Đào tạo về quản trị Công ty:

Công ty luôn tạo điều kiện và có các chính sách để các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác tham gia các chương trình đào tạo chuyên môn, kỹ năng quản trị và quản lý. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và thành viên Ban Tổng giám đốc đều có các chứng chỉ quản trị và quản lý Công ty. Trong năm 2017, các thành viên Ban Kiểm soát đã tham gia các chương trình đào tạo lãnh đạo theo tình huống, quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ chuẩn COSO; Thư ký Công ty và một số chuyên viên trong Ban Quan hệ cổ đông đã tham gia chương trình đào tạo thẻ điểm quản trị ASEAN, tập huấn tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 và các quy định mới về quản trị Công ty.

Hoạt động của Ban kiểm soát 2017

Thông tin về thành viên Ban kiểm soát và số lần tham dự họp trong năm 2017:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Ghi chú
1.	Bà Nguyễn Như Ánh	Trưởng ban	01/4/2016	6/6	100%	
2.	Ông Nguyễn Thái Hòa	Thành viên	24/4/2015	6/6	100%	
3.	Bà Phan Phương Nga	Thành viên	31/3/2017	5/5	100%	Tham dự họp kể từ khi được bầu bổ sung

• Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017, Ban kiểm soát hoạt động với 02 nhân sự Bà Nguyễn Như Ánh (Trưởng ban) và ông Nguyễn Thái Hòa (Thành viên). Tuy nhiên, Ban Kiểm soát cũng được bổ sung 01 nhân sự là Bà Phan Phương Nga thông qua họp đồng thuê chuyên gia hỗ trợ công việc cho Ban Kiểm soát.

• Tại ĐHĐCĐ thường niên 2017 được tổ chức ngày 31/03/2017, ĐHĐCĐ đã bầu bổ sung Bà Phan Phương Nga vào Ban Kiểm soát. Như vậy, kể từ sau ĐHĐCĐ thường niên 2017, Ban Kiểm soát Savico hoạt động với 03 thành viên.

• Nhiệm vụ của mỗi thành viên được quy định chung trong Biên bản cuộc họp của Ban Kiểm soát tại ngày 31/03/2017. Ngoài ra, tại các kỳ họp trong năm của Ban Kiểm soát, mỗi thành viên đều được giao các nhiệm vụ cụ thể phụ thuộc vào số lượng và nội dung các Nghị quyết,

quyết định, thông báo của Hội đồng quản trị cũng như đặc điểm của các vấn đề phát sinh tại Savico ở từng kỳ.

Hoạt động của Ban kiểm soát:

Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2017 bao gồm:

- Tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ, các hội nghị sơ kết hàng quý
- Ban Kiểm soát đã tổ chức 6 lần họp để lập kế hoạch, thực hiện công tác kiểm soát và thông qua nội dung kết quả kiểm soát hoạt động của Savico giai đoạn năm 2016, 06 tháng đầu năm 2017 và 09 tháng đầu năm 2017.

Các nội dung công tác kiểm soát chủ yếu mà Ban Kiểm soát đã thực hiện gồm:

- Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện



Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 đối với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

- Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong năm 2017 theo các quy định của pháp luật và của Công ty.
- Xem xét tính đầy đủ, hợp pháp của các Báo cáo tài chính quý, năm đã được Công ty kiểm toán KPMG soát xét/kiểm toán.
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.
- Kiểm soát tính tuân thủ của Công ty về công bố thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật; về việc tuân thủ chế độ kế toán; tuân thủ các quy định trong Điều lệ Công ty và trong Quy chế tài chính đã ban hành.
- Tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty trong năm.

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận chức năng tại Văn phòng Công ty đã phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi để giúp Ban Kiểm soát thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát. Mọi yêu cầu về cung cấp tài liệu để Ban Kiểm soát thực hiện công tác kiểm soát đều được các bộ phận có liên quan nghiêm túc thực hiện.

Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị & Ban tổng giám đốc

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị

• Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã tổ chức 05 phiên họp trực tiếp, 52 lần lấy ý kiến thành viên bằng văn bản và ban hành 29 quyết định, 61 thông báo, 04 cáo báo (Cổ đông, UBCKNN) và 07 tờ trình ĐHĐCĐ liên quan đến hoạt động thương mại dịch vụ, bất động sản, tài chính, nhân sự và hoạt động khác.

• Theo Ban Kiểm soát, việc tổ chức họp và ban hành các văn bản của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Các quyết định/thông báo của Hội đồng quản trị được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản đều có sự giám sát, kiểm phiếu từ đại diện Ban Kiểm soát.

• Hội đồng quản trị thực hiện giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hội đồng quản trị đã phối hợp tốt cùng với Ban Tổng Giám đốc chỉ đạo, điều hành toàn diện mọi hoạt động của Công ty để thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2017 theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ;

- Hội đồng quản trị thực hiện các công tác khác theo chức năng và thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Kết quả giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc

- Ban Tổng Giám đốc đã nghiêm túc thực hiện và báo cáo đầy đủ, kịp thời tình hình thực hiện các Quyết định và các ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị tại các cuộc họp.
- Ban Tổng giám đốc đã có nhiều nỗ lực điều hành và tổ chức hoạt động kinh doanh của Công ty nhằm đạt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2017 đã được ĐHĐCĐ thông qua: (1) tìm kiếm giải pháp ứng phó với những khó khăn của ngành xe ô tô trong năm 2017 – chú trọng phát triển mảng kinh doanh phụ tùng, phụ kiện; phát triển dịch vụ sửa chữa, bảo trì; tìm kiếm, phân tích và triển khai thực hiện các dự án phát triển hệ thống đại lý nhằm tăng cường sức mạnh hệ thống; (2) tái cơ cấu hoạt động đầu

- tư tài chính; đồng thời (3) thực hiện tiết giảm chi phí;
- Ban Tổng giám đốc cũng đã tổ chức điều hành hoạt động của Công ty theo các nội dung quy định trong các quy chế, trong đó quy chế tài chính được tuân thủ thực hiện nhằm đảm bảo an toàn tài chính trong quá trình hoạt động; tổ chức công tác kế toán tài chính tuân thủ các yêu cầu, quy định của chế độ kế toán và các quy định có liên quan. Đặc biệt, các lưu ý của Ban kiểm soát về việc tăng cường thêm nữa việc kiểm soát bằng các công cụ biểu mẫu, chứng từ trong hoạt động kinh doanh kho bãi cũng như về việc chấp hành chế độ báo cáo định kỳ của Người đại diện vốn đã được Tổng Giám đốc chỉ đạo các bộ phận liên quan nghiêm túc thực hiện.

Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc được trình bày ở các nội dung dưới đây:

Kết quả thực hiện các nội dung trong Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2017:

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2017 đã được ĐHĐCĐ phê duyệt:

Các chỉ tiêu kinh doanh theo báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Thực hiện	So sánh giữa 2017 và 2016	
		2017	2017	2016	KH 2017 (%)	TH 2016 (%)
1	Doanh thu bán hàng và dịch vụ	14.500.000	13.794.725	13.661.872	95,1%	101,0%
3	Lợi nhuận trước thuế	250.000	173.987	212.154	69,6%	82,0%
4	EBIT		264.902	279.016		94,9%
5	EBITDA		336.459	334.985		100,4%
6	Lợi nhuận sau thuế	200.000	139.056	173.820	69,5%	80,0%
7	Thu nhập cổ đông Công ty mẹ	130.000	81.633	122.993	62,8%	66,4%
8	LNTT BC riêng	85.000	57.406	75.101	67,5%	76,4%

Các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận và thu nhập của cổ đông Công ty mẹ đều thấp hơn kế hoạch đề ra.

- Doanh thu hợp nhất toàn hệ thống Savico trong năm 2017 đạt 13.794 tỷ đồng, tăng nhẹ 1% so với 2016 nhưng chỉ hoàn thành 95% kế hoạch đề ra.
- Lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế giảm lần lượt 18% và 20% so với năm 2016 và chỉ đạt 69,6% và 69,5% so với kế hoạch đề ra, mặc dù chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế, lãi vay và khấu hao (EBITDA) có sự tăng nhẹ so với năm 2016.
- Chỉ tiêu thu nhập cổ đông Công ty mẹ năm 2017 là 81,6 tỷ đồng, bằng 66,4% so với năm 2016 và chỉ bằng 62,8% kế hoạch đề ra.

Kết quả kinh doanh 2017 của hệ thống Savico bị tác động bởi các

yếu tố chủ yếu sau:

- Lợi nhuận trước thuế năm 2017 trên báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ giảm 19,3% so với cùng kỳ và chỉ hoàn thành 62,3% kế hoạch đề ra. Mặc dù hoạt động thu cổ tức từ các doanh nghiệp trong hệ thống trong năm 2017 được đảm bảo (tổng thu từ hệ thống đạt 33,56 tỷ đồng, tăng 28,7% so với 2016) nhưng việc hoàn tất thủ tục pháp lý đối với toàn bộ dự án 104 Phố Quang để chuyển nhượng cho đối tác gặp nhiều khó khăn là nguyên nhân chính khiến cho doanh thu và lợi nhuận của Công ty mẹ không đạt kế hoạch.
- Lợi nhuận của phần lớn các đại lý xe ô tô trong hệ thống Savico không đạt kế hoạch và giảm mạnh so với 2016. Về nguyên nhân, Ban kiểm soát nhất trí với nội dung đánh giá về những khó khăn nội tại từ thị trường ô tô năm 2017 (các nguyên nhân chủ quan, khách quan) đã được

Ban điều hành nêu trong Báo cáo Tổng Giám đốc năm 2017 trình ĐHĐCĐ. Ngoài ra, việc 06 đại lý mới được khai trương và đi vào hoạt động cũng đã khiến cho chi phí khấu hao tài sản cố định tăng mạnh đồng thời nhu cầu vốn vay tăng cao khiến cho chi phí lãi vay gia tăng.

- Thu nhập cổ đông Công ty mẹ năm 2017 giảm mạnh với tỷ lệ giảm cao hơn tỷ lệ giảm của lợi nhuận sau thuế. Năm 2017, mặc dù có những khó khăn chung của thị trường nhưng trong hệ thống Savico vẫn có một số Công ty đạt lợi nhuận gia tăng như Savico Hà Nội (tăng 5,7%), Savico Đà Nẵng (tăng 15,3%) và một số Công ty mới thành lập thuộc hệ thống đã bắt đầu có hiệu quả, bù hết lỗ sau một thời gian hoạt động như Ô tô Vĩnh Thịnh, Ô tô thành phố mới Bình Dương, Ô tô Bắc Âu (mặc dù một số Công ty như Ô tô Tây Bắc Sài Gòn, Ô tô Nam Sông Hậu, OtoS vẫn tiếp tục gặp khó khăn). Tuy nhiên, mức gia tăng lợi nhuận của các Công ty vừa nêu không đủ bù đắp mức giảm sút lợi nhuận rất lớn của các Công ty như Sài Gòn Ford, Toyota Giải Phóng, Toyota Cần Thơ (lần lượt giảm 39,4%, 29%, 18,9%) vì đây là các Công ty có lợi nhuận chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu lợi nhuận hợp nhất năm 2017 của Savico.

Một số thành công và hạn chế trong hoạt động của Savico ở năm 2017

- Hoạt động kinh doanh thương mại: sản lượng tiêu thụ

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản:

Chỉ tiêu	Đvt	Công ty mẹ		Hợp nhất	
		31/12/2016	31/12/2017	31/12/2016	31/12/2017
Hệ số thanh toán hiện hành	lần	0,83	0,42	1,08	0,91
Tỷ lệ nợ vay/ vốn chủ sở hữu	%	5,4%	4,1%	112,4%	96,2%
Tỷ lệ nợ phải trả/ tổng tài sản	%	49,0%	78,4%	64,9%	64,7%
Hệ số thanh toán lãi vay	lần	27,15	21,91	4,17	2,91
ROE	%	9,7%	7,6%	15,6%	11,4%
ROA	%	6,1%	4,6%	5,7%	4,0%
Thu nhập/cổ phần	đ/CP			4.138	3.183

Tại ngày 31/12/2017, các tỷ số hiệu quả sử dụng vốn ROE, hiệu quả sử dụng tài sản ROA và hệ số thanh toán lãi vay đều giảm so với cuối năm 2016 do kết quả hoạt động kinh doanh không đạt mức kế hoạch được giao và giảm so với năm 2016, đồng thời chi phí lãi vay gia tăng do nhu cầu vốn vay tăng cao để khai trương và đưa các đại lý vào hoạt động. Tuy vậy, doanh nghiệp vẫn đảm bảo khả năng thanh toán lãi vay (2,91 lần) từ lợi nhuận được tạo ra từ hoạt động kinh doanh và tỷ số hiệu quả sử dụng vốn ở mức khá tốt (11,4%).

Kết quả kinh doanh nêu trên cho thấy Savico hoàn toàn có thể thực hiện kế hoạch cổ tức năm 2017 là 12% được nêu trong Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2017.

ô tô của hệ thống Savico ước đạt 27.067 xe, tăng 2,77% (tương đương tăng 730 xe) so với năm 2016. Mức tăng trưởng này là rất tốt so với mức giảm 8% của VAMA và mức giảm 10% của toàn thị trường. Về thị phần, năm 2017 toàn hệ thống Savico chiếm 9,9% toàn thị trường, tăng 1,1 điểm phần trăm so với năm 2016 nhờ việc tập trung mở rộng mạng lưới và đẩy mạnh công tác bán hàng. Đây chính là điểm sáng trong hoạt động kinh doanh xe ô tô của Savico ở năm 2017.

- Hoạt động phát triển hệ thống đại lý: 06/08 đại lý được khai trương và đưa vào hoạt động chính thức; 02/08 đại lý có tiến độ triển khai chậm tiến độ.
- Hoạt động bất động sản: Kế hoạch khởi công xây dựng dự án 66-68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa của Công ty Savico Invest vào đầu Quý 3/2017 đã không thực hiện được theo đúng kế hoạch đề ra do chậm được cấp phép xây dựng. Mặc dù vậy, dự án đã có giấy phép xây dựng vào đầu tháng 2/2018 và đang tiến hành đầu tư xây dựng.
- Hoạt động tài chính: Đã ký kết hợp đồng hợp tác chiến lược với Vietcombank trong tháng 12/2017. Hoạt động này đã giúp cho các doanh nghiệp trong hệ thống dễ dàng tiếp cận được nguồn vốn vay với chi phí thấp.

Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2016

Trích lập các quỹ

Công ty đã thực hiện việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi; quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, Cán bộ đại diện vốn và chia cổ tức cho cổ đông từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2016 đúng với Nghị quyết số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/03/2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017. Cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Nghị quyết ĐHĐCĐ	Thực hiện	Thực hiện so với Nghị quyết
1	Trích quỹ phúc lợi - khen thưởng (5%)	đồng	3.279.913.934	3.279.913.934	100%
2	Trích quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị và BKS (5%)	đồng	3.279.913.934	3.279.913.934	100%
3	Trích quỹ thưởng Hội đồng quản trị-BKS-BĐH-CB Đại diện vốn (15% phần vượt kế hoạch Thu nhập cổ đông Công ty mẹ)	đồng	3.448.927.871	3.448.927.871	100%
4	Chia cổ tức cho cổ đông (12% mệnh giá)	đồng	29.970.608.400	29.970.608.400	100%

Chi trả cổ tức 2016:

Hội đồng quản trị đã ban hành Quyết định số 21/2017/QĐ-HĐQT ngày 24/08/2017 về việc chi trả cổ tức 2016. Theo đó, tỷ lệ chi trả cổ tức là 12% mệnh giá; thời gian thực hiện chi trả vào ngày 27/09/2017.

Thẩm tra BCTC riêng và BCTC hợp nhất:

Ban kiểm soát đã tiến hành thẩm tra BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2017. Theo ý kiến của BKS, BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2017 đã được kiểm toán của Công ty đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình kinh doanh 2017 về tình hình tài chính tại ngày 31.12.2017.

Kết quả thực hiện công bố thông tin của Công ty

Hoạt động công bố thông tin của Công ty được thực hiện đầy đủ, theo đúng quy định của cơ quan quản lý đối với Công ty niêm yết quy mô lớn

KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT:

- Tiếp tục theo dõi và đánh giá diễn biến thị trường ô tô để có giải pháp thích hợp đối với ngành hàng quan trọng này.
- Sớm hoàn tất thủ tục pháp lý đối với dự án 104 Phố Quang và hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ dự án cho đối tác. Cần tiếp tục duy trì khối thu ổn định đối với hoạt động kinh doanh bất động sản; đồng thời đẩy nhanh tiến độ các dự án đã có kế hoạch phát triển.
- Trong việc phát triển, mở rộng mạng lưới hoạt động toàn hệ thống, Công ty cần tiếp tục chú ý đến vấn đề về nhân sự, cũng như công tác đào tạo, bồi dưỡng nhân sự nhằm chuẩn bị nguồn nhân lực có chất lượng tốt nhất đối với hoạt động các đơn vị thành lập mới.

4. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

Năm 2017, Công ty đã thực hiện việc trích lập quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đúng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017. Việc duy trì và sử dụng quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được thực hiện trên cơ sở ngày càng hợp lý và hiệu quả hơn. Tổng lương, thù lao và công tác phí cho các cán bộ quản lý chủ chốt như sau:

	2017 VND	2016 VND
Thành viên Hội đồng quản trị	2.184.000.000	2.061.138.000
Thành viên Ban Giám đốc	438.680.000	542.862.000
Thành viên Ban Kiểm soát	613.200.000	502.500.000
	3.235.880.000	3.106.500.000

- Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không có.
- Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có.

- Giao dịch với các bên có liên quan, người nội bộ:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	2017 VND	2016 VND
Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	Công ty con	Cổ tức	1.341.480.000	1.788.640.000
		Cho Công ty con vay	4.000.000.000	3.000.000.000
		Doanh thu tài chính khác	21.777.778	16.333.333
		Thu nhập khác	106.883.455	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô (SAIGON FORD)	Công ty con	Tiền thuê tính cho công ty con	4.279.317.750	4.936.958.254
		Thu nhập khác	1.123.966.120	813.904.721
		Cổ tức	5.371.560.000	4.996.800.000
		Góp vốn	-	11.451.000.000
Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	Công ty con	Tiền thuê tính cho Công ty con	-	52.053.333.304
		Cổ tức	12.833.849.738	-
		Thu nhập khác	73.229.353	-
Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	Công ty con	Doanh thu tài chính khác	-	4.553.125.000
		Thu nhập khác	66.683.899	-
Công ty Liên doanh Toyota Giải Phóng (TGP)	Công ty con	Cổ tức	-	12.549.478.721
		Thu nhập khác	61.229.500	-
Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng	Công ty con	Góp vốn	6.930.000.000	-
		Cổ tức	-	2.609.755.143
		Cho Công ty con vay	-	5.000.000.000
		Thu nhập tài chính khác	114.166.667	63.333.333
		Thu nhập khác	133.789.336	-
		Cho Công ty con vay	1.077.878.732	1.225.064.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà	Công ty con	Thu nhập tài chính khác	-	12.916.944
		Cổ tức	1.350.000.000	1.012.500.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn (YAMAHA Cần Thơ)	Công ty con	Cho Công ty con vay	3.000.000.000	1.200.000.000
		Thu nhập tài chính khác	14.496.000	51.733.334
		Thu nhập khác	41.636.364	-
		Góp vốn	2.064.260.000	2.658.800.000
Công ty Cổ phần OtoS	Công ty con	Thu nhập khác	82.521.267	-
		Góp vốn	-	700.000.000
Công ty Cổ phần Ô tô Tây Bắc Sài Gòn	Công ty con	Cho Công ty con vay	17.500.000.000	10.000.000.000
		Thu nhập tài chính khác	-	201.250.000
		Thu nhập khác	28.236.364	-
		Thu nhập khác	138.242.091	-
Công ty Cổ phần Ô tô Vĩnh Thịnh	Công ty con	Thu nhập khác	138.242.091	-
Công ty Cổ phần Ô tô Nam Sông Hậu	Công ty con	Góp vốn	-	10.500.000.000
		Thu nhập khác	66.655.636	-

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	2017 VND	2016 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Savico	Công ty liên kết	Góp vốn	16.600.000.000	119.400.000.000
		Cho Công ty liên kết vay	10.000.000.000	-
		Mua dịch vụ	1.188.927.266	-
		Thu nhập tài chính khác	92.083.333	-
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	Công ty liên kết	Góp vốn	12.307.350.000	-
		Cổ tức	4.114.170.000	3.085.627.500
Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam	Công ty liên kết	Góp vốn	6.570.000.000	-
		Cho Công ty liên kết vay	-	3.000.000.000
		Thu nhập tài chính khác	40.833.333	-
Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	Công ty liên kết	Góp vốn	4.925.119.945	-
		Cổ tức	11.900.691.000	-
		Cho Công ty liên kết vay	15.000.000.000	-
		Thu nhập tài chính khác	84.583.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương	Công ty liên kết	Góp vốn	5.500.000.000	-
		Cổ tức	453.750.000	-
Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu	Công ty liên kết	Góp vốn	-	30.200.000.000
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Bến Thành	Cổ đông	Chuyển nhượng đầu tư	-	12.000.000.000

Trong năm 2017, Công ty có thực hiện và đã công bố thông tin theo quy định đối với giao dịch, hợp đồng chuyển nhượng cổ phần của Savico tại CTCP Ô tô Nam Sông Hậu với người nội bộ của Công ty là ông Lương Quang Hiến (thành viên Hội đồng quản trị) và bà Lê Thị Thanh Vân.

Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Công ty tuân thủ nghiêm và đầy đủ các quy định của pháp luật về quản trị Công ty đối với Công ty niêm yết quy mô lớn. Trong năm 2017, Công ty thực hiện đầy đủ, kịp thời các nội dung công bố thông tin định kỳ, bất thường theo đúng quy định.

Hội đồng quản trị Công ty, Ban Tổng giám đốc Công ty luôn đề cao yêu cầu về tính minh bạch trong hoạt động quản trị Công ty thông qua việc học tập, tham khảo và nghiên cứu áp dụng các thông lệ quốc tế tốt về quản trị Công ty trong hoạt động quản trị, điều hành, công bố thông tin.

Trong các cuộc họp thường kỳ hàng quý của Hội đồng quản trị, các thành viên hội đồng thường xuyên rà soát và nhận được sự phối hợp của Ban kiểm soát trong việc rà soát các chốt kiểm soát trọng yếu của Công ty và các hệ thống quy chế, quy trình kiểm soát rủi ro.

Toàn bộ các thành viên Hội đồng quản trị - trong đó có

Tổng giám đốc và đại diện của Ban Kiểm soát, đại diện của Công ty Kiểm toán KPMG (đơn vị đang thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính giữa kỳ và hàng năm cho Savico) đều tham gia vào cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty.

Trước các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Công ty luôn thực hiện việc công bố thông tin, gửi thư mời trước cho cổ đông và đăng tải thông tin về tài liệu họp trên website của Công ty theo đúng quy định về công bố thông tin để đồng đảo cổ đông, nhà đầu tư có thể xem trước.

Thư mời họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông cũng được đính kèm tên, địa chỉ, email và số điện thoại liên lạc của thành viên Ban quản hệ cổ đông để cổ đông có thể liên lạc trực tiếp để được hỗ trợ, hướng dẫn hoặc đề xuất, góp ý về nội dung, chương trình đại hội.

Nội dung họp Đại hội đồng cổ đông hàng năm đều có phần thảo luận để cổ đông có thể đặt câu hỏi, nêu ý kiến của mình.

Tất cả các câu hỏi trước và trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong phạm vi thẩm quyền của cổ đông đều được Ban quản hệ cổ đông, thư ký đại hội ghi nhận và được Chủ tọa đoàn trực tiếp hoặc yêu cầu các thành viên có liên quan trả lời, giải đáp tại cuộc họp; những nội dung chưa đủ thời gian

trả lời sẽ được trả lời cho cổ đông bằng văn bản.

- Tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, mỗi cổ đông có quyền biểu quyết căn cứ vào số cổ phần mà họ sở hữu và mỗi cổ phần phổ thông mà cổ đông sở hữu có một phiếu biểu quyết như nhau; cổ đông đã tham gia thảo luận và biểu quyết qua hình thức biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện ủy quyền; cổ đông có quyền đề cử, ứng cử hay gộp số phiếu biểu quyết lại với nhau để đủ điều kiện để cử ứng viên vào Ban kiểm soát tại khi Ban kiểm soát khuyết thành viên.
- Cổ đông đã tiếp cận, nắm bắt đầy đủ các thông tin do Công ty thông báo, công bố công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật và tự nguyện đối với các thông tin có thể ảnh hưởng đến Công ty tại trang web của Công ty một cách nhanh chóng, đầy đủ, kịp thời và dễ dàng, thuận tiện cho việc thực hiện các quyền của mình.
- Cổ đông đã được chi trả cổ tức bằng tiền mặt đầy đủ và đúng hạn, tỷ lệ là 12%/mệnh giá với tổng giá trị là 29,79 tỷ đồng trong tháng 10.2017 đúng như quy định tại nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- Công ty tổ chức một số buổi trao đổi, làm việc với các cổ đông lớn để chủ động thông tin tình hình kinh doanh của Công ty và nhận ý kiến đánh giá và góp ý tháo gỡ khó khăn, tăng cường hiệu quả cho hoạt động kinh doanh, đầu tư của Công ty. Tài liệu gặp cổ đông lớn (nếu có) sẽ được cập nhật lên website của Công ty để tất cả cổ đông, nhà đầu tư có thể tiếp cận.
- Trong các lần họp Hội đồng quản trị định kỳ hay đột xuất hay xin ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn

bản, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc đều được mời tham dự để trao đổi, bàn bạc cũng như đóng góp ý kiến cho các vấn đề có liên quan và đã có các lưu ý, giải pháp hữu ích, kịp thời cho công tác quản trị, điều hành của Công ty.

- Các tài liệu, biên bản họp, nghị quyết, thông báo và cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông hay Hội đồng quản trị đều được thực hiện đúng theo quy định pháp luật, điều lệ, quy chế, quy định khác của Công ty và dưới sự giám sát của Ban kiểm soát.
- Giao dịch giữa Công ty với các bên có liên quan được thực hiện trên cơ sở hợp pháp, trung thực, tránh xung đột về quyền lợi và được công bố đầy đủ trong báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và công bố theo quy định của pháp luật.
- Trong năm 2017, khi Nghị định 71/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 1/8/2017, Công ty có một thành viên Hội đồng quản trị không còn là thành viên độc lập nên cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị chưa đảm bảo quy định 1/3 số lượng thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập. Hội đồng quản trị sẽ báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên 2018 và trình phương án để Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 quyết định chọn phương án thực hiện nhằm đảm bảo đúng quy định số lượng thành viên độc lập chiếm 1/3 số lượng thành viên Hội đồng quản trị Công ty.

Thông tin liên hệ của Công ty, của người được ủy quyền công bố thông tin và Ban quản hệ cổ đông của Công ty cũng được công khai trên website của Công ty để cổ đông có thể liên hệ dễ dàng.

TẬP TRUNG VÀ MẠNH MẼ



Tập trung vào lĩnh vực dịch vụ thương mại, xúc tiến những dự án trọng điểm, đẩy mạnh phát triển hệ thống đại lý ô tô

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp
Sài Gòn**

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết
thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thông tin về Công ty**

Quyết định số	3448/QĐ-UB 3449/QĐ-UB	ngày 9 tháng 7 năm 2004 ngày 9 tháng 7 năm 2004
	Các quyết định này do Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.	
Giấy phép Kinh doanh	4103002955	ngày 15 tháng 12 năm 2004
	Giấy phép kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là bởi giấy phép kinh doanh số 0301154821 ngày 26 tháng 1 năm 2015. Giấy phép kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.	
Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Bình Minh Ông Mai Việt Hà Bà Nguyễn Việt Hòa Ông Đoàn Văn Quang Ông Nguyễn Công Bình Ông Nguyễn Đức Trọng Ông Lương Quang Hiền	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông Mai Việt Hà Ông Đoàn Văn Quang Bà Nguyễn Thu Nga Ông Nguyễn Công Bình	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc
Ban Kiểm soát	Bà Nguyễn Như Ánh Ông Nguyễn Thái Hòa Bà Phan Phương Nga Ông Trần Huy Dũng	Trưởng ban Thành viên Thành viên (từ ngày 31 tháng 3 năm 2017) Thành viên (đến ngày 31 tháng 3 năm 2017)
Trụ sở đăng ký	68 Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 57 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng này.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Mai Việt Hà
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán trước hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 20 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 57.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của đơn vị kiểm toán

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 17-01-330



Auvarin Phor
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2252-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2018

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		218.668.950.758	232.106.401.111
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	49.715.957.806	82.842.795.400
Tiền	111		13.698.624.473	12.842.795.400
Các khoản tương đương tiền	112		36.017.333.333	70.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6(a)	31.672.861.312	36.692.393.312
Chứng khoán kinh doanh	121		50.842.861.312	51.867.861.312
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(19.170.000.000)	(15.175.468.000)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		42.401.060.175	37.626.782.380
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	13.815.420.637	14.479.113.508
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		499.583.500	442.795.900
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	14.000.000.000	8.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	9(a)	14.086.056.038	14.704.872.972
Hàng tồn kho	140	10	92.708.707.771	71.473.523.211
Hàng tồn kho	141		92.708.707.771	93.449.097.872
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(21.975.574.661)
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.170.363.694	3.470.906.808
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		9.023.259	-
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.161.340.435	3.470.906.808

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		1.047.566.995.519	791.791.695.082
Các khoản phải thu dài hạn	210		143.276.418.915	118.872.852.815
Phải thu dài hạn khác	216	9(b)	143.276.418.915	118.872.852.815
Tài sản cố định	220		2.430.618.030	3.319.887.455
Tài sản cố định hữu hình	221	11	2.296.774.497	3.104.906.478
Nguyên giá	222		9.982.586.488	10.473.747.521
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.685.811.991)	(7.368.841.043)
Tài sản cố định vô hình	227	12	133.843.533	214.980.977
Nguyên giá	228		836.870.000	785.870.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(703.026.467)	(570.889.023)
Bất động sản đầu tư	230	13	125.229.716.599	55.162.471.725
Nguyên giá	231		164.521.792.920	90.766.309.368
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(39.292.076.321)	(35.603.837.643)
Tài sản dở dang dài hạn	240		263.526.949.254	37.548.224.793
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	263.526.949.254	37.548.224.793
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6(b)	510.668.084.082	574.036.182.542
Đầu tư vào công ty con	251		341.327.031.814	472.732.771.814
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		192.251.178.945	117.548.709.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(22.910.126.677)	(16.245.298.272)
Tài sản dài hạn khác	260		2.435.208.639	2.852.075.752
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	33(a)	2.435.208.639	2.852.075.752
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.266.235.946.277	1.023.898.096.193

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		556.649.920.835	336.672.669.346
Nợ ngắn hạn	310		516.038.455.417	280.055.430.012
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	324.093.650	2.286.479.017
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	17.147.958.448	16.150.978.603
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	5.992.222.416	23.060.548.459
Phải trả người lao động	314		6.290.279.314	11.897.044.002
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	16.996.190.905	10.320.632.946
Phải trả ngắn hạn khác	319	19(a)	432.160.646.871	163.593.123.722
Vay ngắn hạn	320	20	29.000.000.000	36.907.195.770
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	8.127.063.813	15.839.427.493
Nợ dài hạn	330		40.611.465.418	56.617.239.334
Phải trả dài hạn khác	337	19(b)	40.611.465.418	56.617.239.334
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		709.586.025.442	687.225.426.847
Vốn chủ sở hữu	410	22	709.586.025.442	687.225.426.847
Vốn cổ phần	411	23	249.955.730.000	249.955.730.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		317.064.858.303	317.064.858.303
Cổ phiếu quỹ	415	23	(690.474.358)	(690.474.358)
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	24.938.303.806	24.938.303.806
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		118.317.607.691	95.957.009.096
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.266.235.946.277	1.023.898.096.193

Ngày 20 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Ngô Văn Danh
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Mai Việt Hà
 Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	154.196.983.367	238.314.692.275
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	(74.127.499.128)	(148.585.665.489)
Lợi nhuận gộp (20 = 01 + 11)	20		80.069.484.239	89.729.026.786
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	37.867.103.714	36.835.924.388
Chi phí tài chính	22	30	(22.690.271.718)	(13.711.838.587)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		(3.628.791.313)	(2.872.351.126)
Chi phí bán hàng	25		(2.459.828.995)	(2.498.505.011)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	(36.134.028.544)	(34.170.433.551)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 + 22 + 25 + 26)	30		56.652.458.696	76.184.174.025
Thu nhập khác	31		759.773.591	364.329.817
Chi phí khác	32		(5.846.008)	(1.447.752.940)
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 + 32)	40		753.927.583	(1.083.423.123)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		57.406.386.279	75.100.750.902
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33(b)	(4.031.224.651)	(10.450.557.983)
(Chi phí)/lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	33(b)	(416.867.113)	948.085.753
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 + 51 + 52)	60		52.958.294.515	65.598.278.672

Ngày 20 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Ngô Văn Danh
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Mai Việt Hà
 Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		57.406.386.279	75.100.750.902
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		4.668.108.103	7.000.463.333
Các khoản dự phòng	03		(11.316.214.256)	8.750.715.564
Lỗ do thanh lý đầu tư vào công ty con và công ty liên kết	05		8.400.000.000	132.626.104
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		(100.000.000)	-
Lỗ do xóa sổ xây dựng cơ bản dở dang	05		-	813.904.721
Lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư	05		-	1.012.959.933
Thu nhập cổ tức và lãi tiền gửi	05		(37.832.103.714)	(35.583.623.744)
Chi phí lãi vay	06		3.628.791.313	2.872.351.126
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		24.854.967.725	60.100.147.939
Biến động các khoản phải thu	09		(24.222.631.847)	(76.847.556.568)
Biến động hàng tồn kho	10		58.283.728.524	62.970.156.650
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		224.701.945.918	17.561.404.381
Biến động chi phí trả trước	12		(9.023.259)	-
Biến động chứng khoán kinh doanh	13		1.025.000.000	3.138.625.600
			284.633.987.061	66.922.778.002
Tiền lãi vay đã trả	14		(3.633.440.975)	(3.681.108.756)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(9.089.549.940)	(11.859.877.327)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(5.941.205.485)	(5.854.376.445)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		265.969.790.661	45.527.415.474

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

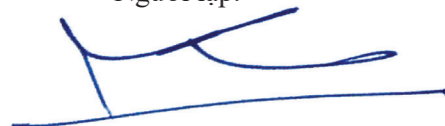
	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(313.612.662.884)	(30.226.830.536)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		100.000.000	-
Tiền chi cho vay	23		(50.577.878.732)	(23.425.064.000)
Tiền thu hồi cho vay	24		34.577.878.732	87.700.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(44.296.729.945)	(56.792.296.677)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào công ty con	26		74.600.000.000	12.000.000.000
Tiền thu cổ tức và lãi tiền gửi	27		37.988.212.324	38.330.562.356
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(261.221.180.505)	27.586.371.143

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ đi vay	33		30.689.432.822	39.644.966.900
Tiền trả nợ gốc vay	34		(38.596.628.592)	(54.161.569.441)
Tiền trả cổ tức	36		(29.968.251.980)	(35.388.381.090)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(37.875.447.750)	(49.904.983.631)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(33.126.837.594)	23.208.802.986
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		82.842.795.400	59.633.992.414
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	5	49.715.957.806	82.842.795.400

Ngày 20 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Ngô Văn Danh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Mai Việt Hà
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
và các công ty con

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
 ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thông tin về Công ty

Quyết định số	3448/QĐ-UB 3449/QĐ-UB	ngày 9 tháng 7 năm 2004 ngày 9 tháng 7 năm 2004
	Các quyết định này do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.	
Giấy phép Kinh doanh	4103002955	ngày 15 tháng 12 năm 2004
	Giấy phép kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là giấy phép kinh doanh số 0301154821 ngày 26 tháng 1 năm 2015. Giấy phép kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.	
Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Bình Minh Ông Mai Việt Hà Bà Nguyễn Việt Hòa Ông Đoàn Văn Quang Ông Nguyễn Công Bình Ông Nguyễn Đức Trọng Ông Lương Quang Hiền	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông Mai Việt Hà Ông Đoàn Văn Quang Bà Nguyễn Thu Nga Ông Nguyễn Công Bình	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc
Ban Kiểm soát	Bà Nguyễn Như Ánh Ông Nguyễn Thái Hòa Bà Phan Phương Nga Ông Trần Huy Dũng	Trưởng Ban Thành viên Thành viên (từ ngày 31 tháng 3 năm 2017) Thành viên (đến ngày 31 tháng 3 năm 2017)
Trụ sở đăng ký	68 Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam	
Đơn vị kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”) và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 65 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Mai Việt Hà
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”) và các công ty con (“được gọi chung là Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 20 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 65.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của đơn vị kiểm toán

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 17-01-330/HN



Auvarin Phor
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Kiểm toán số 2252-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2018

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.624.916.635.283	1.736.418.709.247
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	222.746.938.508	231.191.439.679
Tiền	111		177.619.605.175	154.176.575.255
Các khoản tương đương tiền	112		45.127.333.333	77.014.864.424
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		40.224.913.855	48.444.445.855
Chứng khoán kinh doanh	121	6(a)	50.844.913.855	51.869.913.855
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6(a)	(19.170.000.000)	(15.175.468.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(b)	8.550.000.000	11.750.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		599.221.889.186	545.397.552.956
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	442.964.578.992	398.763.820.419
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		69.392.710.498	73.008.332.043
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	3.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	87.519.799.696	71.418.964.131
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(655.200.000)	(793.563.637)
Hàng tồn kho	140	9	719.577.703.847	845.503.520.873
Hàng tồn kho	141		721.918.012.039	870.589.928.463
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.340.308.192)	(25.086.407.590)
Tài sản ngắn hạn khác	150		43.145.189.887	65.881.749.884
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14(a)	11.679.648.079	18.470.655.349
Thuê giá trị gia tăng được khấu trừ	152		30.667.250.737	46.497.201.276
Thuê phải thu Nhà nước	153	16(b)	798.291.071	913.893.259

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		1.992.120.506.699	1.601.399.267.878
Các khoản phải thu dài hạn	210		166.556.058.346	137.654.838.220
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	170.706.058.346	141.804.838.220
Dự phòng phải thu khó đòi	219		(4.150.000.000)	(4.150.000.000)
Tài sản cố định	220		394.434.367.478	248.463.382.989
Tài sản cố định hữu hình	221	10	315.443.140.263	220.610.926.831
Nguyên giá	222		483.714.814.057	350.850.311.584
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(168.271.673.794)	(130.239.384.753)
Tài sản cố định vô hình	227	11	78.991.227.215	27.852.456.158
Nguyên giá	228		87.329.292.256	34.342.442.441
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.338.065.041)	(6.489.986.283)
Bất động sản đầu tư	230	12	711.548.558.061	656.960.899.324
Nguyên giá	231		883.410.133.098	805.606.585.211
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(171.861.575.037)	(148.645.685.887)
Tài sản dở dang dài hạn	240		383.146.360.661	334.830.529.720
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	383.146.360.661	334.830.529.720
Đầu tư tài chính dài hạn	250		314.004.776.667	204.259.591.217
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	6(c)	305.315.512.667	191.844.327.217
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6(c)	8.689.264.000	12.415.264.000
Tài sản dài hạn khác	260		22.430.385.486	19.230.026.408
Chi phí trả trước dài hạn	261	14(b)	19.845.795.757	16.054.171.416
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	36(a)	2.584.589.729	3.175.854.992
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.617.037.141.982	3.337.817.977.125

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN			
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300	2.339.689.615.983	2.165.332.684.786
Nợ ngắn hạn	310	1.790.696.348.139	1.604.378.313.823
Phải trả người bán ngắn hạn	311 15	207.578.160.576	183.206.146.897
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	117.747.178.292	124.334.860.408
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313 16(a)	31.021.208.093	40.930.607.637
Phải trả người lao động	314	58.474.046.547	65.124.231.200
Chi phí phải trả ngắn hạn	315 17	46.957.684.139	44.026.701.271
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318 18(a)	9.807.732.225	6.807.126.251
Phải trả ngắn hạn khác	319 19(a)	449.369.812.625	159.644.926.422
Vay ngắn hạn	320 20(a)	855.817.418.887	957.951.034.891
Dự phòng ngắn hạn	321	-	184.554.545
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322 21	13.923.106.755	22.168.124.301
Nợ dài hạn	330	548.993.267.844	560.954.370.963
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336 18(b)	83.845.600.000	90.316.000.000
Phải trả dài hạn khác	337 19(b)	92.192.896.656	111.020.646.268
Vay dài hạn	338 20(b)	372.954.771.188	359.617.724.695
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400	1.277.347.525.999	1.172.485.292.339
Vốn chủ sở hữu	410	1.277.347.525.999	1.172.485.292.339
Vốn cổ phần	411 23	249.955.730.000	249.955.730.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	317.064.858.303	317.064.858.303
Vốn khác	414	14.850.000.000	2.550.000.000
Cổ phiếu quỹ	415 23	(690.474.358)	(690.474.358)
Quỹ đầu tư và phát triển	418 25	47.539.169.112	46.657.038.976
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	297.796.407.469	261.454.985.027
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	350.831.835.473	295.493.154.391
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	3.617.037.141.982	3.337.817.977.125

Ngày 20 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Ngô Văn Danh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Mai Việt Hà
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01 27	13.794.724.864.291	13.661.872.246.945
Các khoản giảm trừ doanh thu	02 27	(13.418.108.557)	(12.749.646.528)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 + 02)	10 27	13.781.306.755.734	13.649.122.600.417
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11 28	(13.060.916.977.057)	(12.936.368.205.494)
Lợi nhuận gộp (20 = 10 + 11)	20	720.389.778.677	712.754.394.923
Doanh thu hoạt động tài chính	21 29	21.270.975.508	15.593.139.225
Chi phí tài chính	22 30	(107.874.217.499)	(70.892.623.612)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	(90.915.434.287)	(66.862.508.991)
Phần lãi trong công ty liên kết	24 6(c)	14.315.723.152	19.693.440.554
Chi phí bán hàng	25 31	(415.117.754.690)	(326.615.666.168)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26 32	(242.352.462.253)	(210.203.789.026)
(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 + 22 + 24 + 25 + 26)	30	(9.367.957.105)	140.328.895.896
Thu nhập khác	31 33	186.202.902.608	75.031.951.241
Chi phí khác	32 34	(2.848.330.374)	(3.206.877.113)
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 + 32)	40	183.354.572.234	71.825.074.128
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	173.986.615.129	212.153.970.024
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51 36(b)	(34.353.137.775)	(38.918.998.047)
(Chi phí)/lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52 36(b)	(577.850.556)	584.830.523
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 + 51 + 52)	60	139.055.626.798	173.819.802.500

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014//TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 + 51 + 52)	60		139.055.626.798	173.819.802.500
Phân bổ cho:				
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		81.633.249.712	122.992.852.474
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		57.422.377.086	50.826.950.026
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	3.183	4.138

Ngày 20 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Ngô Văn Danh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Mai Việt Hà
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014//TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		173.986.615.129	212.153.970.024
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		71.556.453.025	55.968.378.088
Các khoản dự phòng	03		(18.751.567.398)	(1.462.781.515)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		(1.694.002.773)	(2.048.087.583)
Lỗ do thanh lý một phần đầu tư vào công ty con	05		8.385.122.777	-
Lỗ từ thanh lý đầu tư vào công ty liên kết	05		-	70.072.710
Tài sản cố định hữu hình xóa sổ	05		-	314.463.860
Xây dựng cơ bản dở dang xóa sổ	05		-	813.904.721
Thu nhập cổ tức và lãi tiền gửi	05		(7.789.660.449)	(6.222.080.795)
Thu nhập từ các công ty liên kết	05		(14.315.723.152)	(19.693.440.554)
Chi phí lãi vay	06		90.915.434.287	66.862.508.991
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		302.292.671.446	306.756.907.947
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(31.513.617.449)	(245.127.697.823)
Biến động hàng tồn kho	10		206.215.254.847	(197.030.058.546)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		251.830.132.885	15.738.288.877
Biến động chi phí trả trước	12		2.999.382.929	(13.207.990.573)
Biến động chứng khoán kinh doanh	13		1.025.000.000	3.138.625.600
			732.848.824.658	(129.731.924.518)
Tiền lãi vay đã trả	14		(90.702.877.746)	(66.624.597.933)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(40.155.148.919)	(38.657.546.841)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(12.734.264.532)	(13.313.434.733)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		589.256.533.461	(248.327.504.025)

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(484.978.979.817)	(190.408.073.937)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	22		32.717.320.527	15.660.656.820
Tiền thu từ thanh lý đầu tư vào một công ty con, đã trừ đi số dư tiền thanh lý	22		53.382.313.983	-
Tiền chi cho vay	23		(25.000.000.000)	(3.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay	23		18.000.000.000	-
Tiền chi đầu tư vào các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	23		(8.550.000.000)	(11.750.000.000)
Tiền thu từ đầu tư vào các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	23		11.750.000.000	-
Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	25		(67.381.469.945)	(30.850.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		19.159.434.749	10.576.213.295
Tiền thuần chi cho tài sản dài hạn khác			(28.901.220.126)	(6.732.693.160)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(479.802.600.629)	(216.503.896.982)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ đi vay	33		8.479.051.742.167	7.315.788.290.677
Tiền trả nợ gốc vay	34		(8.567.848.311.678)	(6.788.307.549.350)
Tiền thu từ vốn phát hành bởi các công ty con cho lợi ích cổ đông không kiểm soát			30.128.740.000	22.392.800.000
Tiền trả cổ tức cho cổ đông của Công ty	36		(29.968.251.980)	(35.388.381.090)
Tiền trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát của các công ty con	36		(29.262.352.512)	(30.251.713.651)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(117.898.434.003)	484.233.446.586

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(8.444.501.171)	19.402.045.579
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		231.191.439.679	211.789.394.100
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	5	222.746.938.508	231.191.439.679

Ngày 20 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Ngô Văn Danh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Mai Việt Hà
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 3448/QĐ-UB do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 7 năm 2004 và được điều chỉnh theo Quyết định số 3449/QĐ-UB cấp cùng ngày.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tập đoàn là:

- Dịch vụ và thương mại: kinh doanh, phân phối, sửa chữa và bảo trì xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng; kinh doanh trang sức, vật liệu xây dựng; cung cấp dịch vụ bar và khách sạn;
- Bất động sản: kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất; cho thuê nhà kho, văn phòng, trung tâm thương mại; đầu tư, phát triển các dự án bất động sản theo định hướng kinh doanh cao ốc văn phòng, căn hộ, các khu biệt thự và khu nghỉ dưỡng cao cấp; và
- Dịch vụ tài chính: đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và vào cổ phiếu của các đơn vị khác hoạt động trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ, bất động sản và cơ sở hạ tầng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn có 2.629 nhân viên (ngày 1 tháng 1 năm 2017: 2.309 nhân viên).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn có 13 công ty con và 12 công ty liên kết (ngày 1 tháng 1 năm 2017: 14 công ty con và 8 công ty liên kết) như sau:

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Công ty con	Tên	Hoạt động chính	Địa chỉ	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày 31/12/2017	1/1/2017
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô (SAIGON FORD)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	61A Cao Thắng, Phường 3, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	52,05%	52,05%
2	Công ty Liên doanh Toyota Giải Phóng (TGP)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	807 Giải Phóng, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	51%	51%
3	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn (YAMAHA Cần Thơ)	Kinh doanh xe gắn máy mang nhãn hiệu YAMAHA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	164 – 166C, Đường 3/2, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	88,12%	88,12%
4	Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	Kinh doanh xe ô tô và xe gắn máy mang nhãn hiệu SUZUKI, HONDA và YAMAHA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	510 Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Phước, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	59,62%	59,62%
5	Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	Điều hành trung tâm thương mại, dịch vụ khách sạn; xây dựng dân sự, dự án công nghiệp; đại lý thương mại và ủy thác; hoạt động xuất nhập khẩu; kinh doanh phương tiện vận tải và bảo trì xe ô tô; cho thuê máy; dịch vụ vận chuyển và đậu xe.	7-9 Nguyễn Văn Linh, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	70%	70%
6	Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	K2-0, Võ Nguyên Giáp, Khu vực Thanh Thuận, Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	51%	51%

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Số	Tên	Hoạt động chính	Địa chỉ	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày 31/12/2017	1/1/2017
7	Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng	Kinh doanh bất động sản; cho thuê văn phòng và nhà xưởng; tư vấn, môi giới bất động sản; kinh doanh xe ô tô, xe có động cơ khác và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và sửa chữa; cung cấp dịch vụ vận chuyển.	66 Võ Văn Tần, Phường Chính Gián, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	70%	70%
8	Công ty Cổ phần OtoS (otos.vn) (a)	Cung cấp dịch vụ thương mại điện tử; dịch vụ quảng cáo; kinh doanh xe ô tô và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và sửa chữa; cung cấp phần mềm và các dịch vụ liên quan đến công nghệ thông tin.	68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	80,33%	77,07%
9	Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà	Kinh doanh bất động sản; cung cấp dịch vụ khách sạn và du lịch; điều hành dịch vụ nhà hàng, cung cấp thực phẩm và thức uống; cung cấp dịch vụ vận tải và xây dựng dân sự.	Bãi Trẹm, Hoàng Sa, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	98%	98%
10	Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn Cửu Long	Kinh doanh ô tô mang nhãn hiệu GM và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và vận tải.	274, Đường 30/4, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	84,17%	84,17%
11	Công ty Cổ phần Ô tô Tây Bắc Sài Gòn	Kinh doanh xe ô tô tải nhãn hiệu FUSO và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa và vận tải.	43/7A Ấp Xuân Thới Đông 2, Xã Xuân Thới Đông, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	80%	80%
12	Công ty Cổ phần Ô tô Vĩnh Thịnh	Kinh doanh xe ô tô tải nhãn hiệu HINO và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa và vận tải.	5/5 Khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam	90%	90%

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Số	Tên	Hoạt động chính	Địa chỉ	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày 31/12/2017	1/1/2017
13	Công ty Cổ phần Ô tô Nam Sông Hậu	Kinh doanh xe ô tô nhãn hiệu HONDA và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa và vận tải.	Lô E1-1, Đường Võ Nguyên Giáp, Khu vực Thạnh Lợi, Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	51%	93%
14	Công ty Cổ phần Đầu tư Savico (b)	Kinh doanh bất động sản; dịch vụ tư vấn đầu tư, môi giới, đấu giá; cung cấp dịch vụ nghiên cứu thị trường, khảo sát ý kiến công chúng; tư vấn kiến trúc và các công nghệ liên quan; cung cấp dịch vụ thiết kế chuyên biệt và xây dựng; mua bán ô tô và phụ tùng; cung cấp dịch vụ bảo trì và sửa chữa; cung cấp dịch vụ giáo dục mầm non.	68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	-	99,50%

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Công ty liên kết				Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày 31/12/2017	1/1/2017
Số	Tên	Hoạt động chính	Địa chỉ	31/12/2017	1/1/2017
1	Công ty Liên doanh ComfortDelgro Savico Taxi	Cung cấp dịch vụ vận chuyển và dịch vụ bảo trì.	384A Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	40,03%	40,03%
2	Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	507 Xa lộ Hà Nội, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	30,03%	35,16%
3	Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	C13, đường Hùng Vương, Khu Liên Hợp, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	35,41%	35,41%
4	Công ty Cổ phần Dana (DANA FORD)	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	56 Điện Biên Phủ, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	28,19%	28,19%
5	Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam	Kinh doanh xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa và vận tải.	91 Cách Mạng Tháng Tám, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	43,80%	43,80%
6	Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì, đại lý bảo hiểm phi nhân thọ.	188 Lê Trọng Tấn, Phường Tây Thanh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	35%	20%

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Công ty liên kết				Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày 31/12/2017	1/1/2017
Số	Tên	Hoạt động chính	Địa chỉ	31/12/2017	1/1/2017
7	Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu VOLVO và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	340A Nguyễn Văn Linh, Phường Bình Thủy, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	32%	32%
8	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Nam Sài Gòn	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu GM và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì	1489 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	15,62%	15,62%
9	Công ty Cổ phần Đầu tư Savico (b)	Kinh doanh bất động sản; dịch vụ tư vấn đầu tư, môi giới, đấu giá; cung cấp dịch vụ nghiên cứu thị trường, khảo sát ý kiến công chúng; tư vấn kiến trúc và các công nghệ liên quan; cung cấp dịch vụ thiết kế chuyên biệt và xây dựng; mua bán ô tô và phụ tùng; cung cấp dịch vụ bảo trì và sửa chữa; cung cấp dịch vụ giáo dục mầm non.	66-68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	40,00%	-
10	Công ty TNHH Ô tô Bắc Âu Hà Nội	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu VOLVO và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	9 Nguyễn Văn Linh, Phường Gia Thủy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	17,50%	-
11	Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Bình Thuận	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Lô 4/3, Đường số 4, Khu Công nghiệp Phan Thiết 1, Xã Phong Năm, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận	26,03%	-

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Số	Tên	Hoạt động chính	Địa chỉ	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày 31/12/2017	1/1/2017
12	Công ty Cổ phần Ô tô Bến Thành Tây Ninh	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Quốc lộ 22B, Ấp Hiệp Trường, Xã Hiệp Tân, Huyện Hòa Thành, Tỉnh Tây Ninh	26,03%	-

- (a) Trong năm, Công ty đã mua thêm 3,26% cổ phần của một công ty con – Công ty Cổ phần OtoS với giá 2.064 triệu VND và tăng tỷ lệ lợi ích kinh tế từ 77,07% lên 80,33%.
- (b) Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng 60% cổ phần trong Công ty Cổ phần Đầu tư Savico cho Công ty Cổ phần Đầu tư Nguyễn Nguyễn Group, một bên thứ ba và không còn nắm giữ quyền kiểm soát, nhưng vẫn có ảnh hưởng đáng kể đối với khoản đầu tư này. Khoản đầu tư được phân loại lại sang đầu tư vào công ty liên kết kể từ thời điểm chuyển nhượng.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ kế toán được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Các công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014//TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính hợp nhất, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Các công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ khi các khoản lỗ đó nằm trong phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả thay cho các công ty liên kết.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND lần lượt được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyên khoản và tỷ giá bán chuyên khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014//TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tập đoàn nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tập đoàn khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị bằng với số thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh đối với bất động sản, xe ô tô, xe máy và binh quân gia quyền đối với các khoản mục hàng tồn kho khác và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014//TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ tại thời điểm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	6 – 42 năm
▪ máy móc và thiết bị	4 – 8 năm
▪ thiết bị văn phòng	2 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 6 năm
▪ khác	3 – 5 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 20 đến 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 4 năm.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014//TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(i) Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định không được khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ quyền sử dụng đất	18 – 50 năm
▪ nhà cửa	5 – 36 năm

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Các dự án đang được xây dựng và phát triển cho mục đích sử dụng hỗn hợp trong tương lai như tài sản cố định, bất động sản đầu tư và tài sản để bán (hàng tồn kho) được phân loại là xây dựng cơ bản dở dang và được thể hiện theo nguyên giá, cho đến khi việc xây dựng hoặc phát triển được hoàn thành hoặc nguyên giá được xác định một cách đáng tin cậy cho các tài sản này, tại thời điểm đó chúng được phân loại và sau đó được ghi nhận là tài sản cố định, bất động sản đầu tư hoặc hàng tồn kho, như được trình bày trong các chính sách kế toán ở các thuyết minh tương ứng.

Tất cả các chi phí trực tiếp liên quan đến việc mua và phát triển một dự án, chi phí phát sinh từ quyền sử dụng đất đi thuê, và tất cả chi phí vốn sau đó cho việc phát triển đủ điều kiện là chi phí mua được vốn hóa.

Chi phí vay được vốn hóa nếu liên quan trực tiếp đến việc mua, xây dựng hay sản xuất một tài sản đủ điều kiện vốn hóa. Việc vốn hóa chi phí vay bắt đầu khi các hoạt động cần thiết trong việc chuẩn bị tài sản đang được tiến hành và các chi phí cho việc đầu tư xây dựng và chi phí vay bắt đầu phát sinh. Việc vốn hóa chi phí vay sẽ chấm dứt khi tài sản hầu như đã trong trạng thái sẵn sàng sử dụng. Việc vốn hóa bị tạm ngưng khi việc xây dựng hay sản xuất tài sản đủ điều kiện vốn hóa bị tạm ngưng. Tỷ lệ vốn hóa được tính bằng cách tham chiếu đến lãi suất thực tế phải trả trên các khoản vay cho mục đích phát triển, hoặc phần của chi phí phát triển được tài trợ bởi khoản vay chung, được phân bổ dựa trên lãi suất trung bình.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014//TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 8 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Khác

Chi phí trả trước khác chủ yếu bao gồm chi phí sửa chữa và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ 2 đến 3 năm.

(l) Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có một nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể được ước tính một cách tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các dòng tiền dự tính phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh được sự đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể gắn liền với khoản nợ phải trả đó.

(n) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận là khoản giảm trừ thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014//TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó để phát hành lại, giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(o) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập mỗi năm từ lợi nhuận chưa phân phối theo tỷ lệ do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

Theo Thông tư 200, quỹ dự phòng tài chính không còn được sử dụng. Số dư còn lại của quỹ này được chuyển vào quỹ đầu tư và phát triển. Việc sử dụng các quỹ dự phòng nêu trên phải được sự phê duyệt của các cổ đông.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, dựa trên các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Doanh thu

(i) Doanh thu kinh doanh bất động sản

Doanh thu chuyển nhượng nền đất và bán nhà theo mẫu thiết kế sẵn không theo yêu cầu riêng của từng khách hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu. Việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích được xác định tại thời điểm muộn hơn giữa thời điểm bán hoặc thời điểm hoàn thành bất động sản.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014//TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(iii) Cung cấp dịch vụ

Dịch vụ được cung cấp chủ yếu bao gồm sửa chữa và bảo trì xe ô tô và xe máy.

Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản ưu đãi cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(r) Doanh thu tài chính

(i) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(ii) Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán

Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn những rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu được chuyển sang cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu được chuyển khi hoàn thành giao dịch (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc khi hoàn thành thỏa thuận chuyển giao của tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(iii) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(s) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản ưu đãi đi thuê đã nhận được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014//TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(t) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng sẽ được vốn hoá và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(u) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(v) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Bộ phận chính yếu của Tập đoàn là bộ phận kinh doanh. Tập đoàn hoạt động tại Việt Nam, là một khu vực địa lý duy nhất.

(w) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Báo cáo bộ phận

Cho năm:

	Dịch vụ thương mại		Dịch vụ bất động sản		Dịch vụ tài chính		Tổng cộng	
	2017	2016	2017	2016	2017	2016	2017	2016
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu bộ phận	13.598.271.887.416	13.363.152.493.173	183.034.868.318	285.970.107.244	-	-	13.781.306.755.734	13.649.122.600.417
Thu nhập khác của bộ phận	195.023.642.390	90.780.093.410	884.664.367	1.532.206.370	3.660.929.300	4.280.641.515	199.569.236.057	96.592.941.295
Giá vốn trực tiếp của bộ phận	(12.995.607.600.797)	(12.788.583.492.430)	(65.309.376.260)	(147.784.713.064)	-	-	(13.060.916.977.057)	(12.936.368.205.494)
Chi phí khác trực tiếp của bộ phận	(689.106.343.658)	(542.243.293.893)	(73.650.399.404)	(65.615.933.120)	(1.430.073.930)	(3.449.741.102)	(764.186.816.991)	(611.308.968.115)
Lợi nhuận của bộ phận kinh doanh trong năm	108.581.585.351	123.105.800.260	44.959.757.021	74.101.667.430	2.230.855.370	830.900.413	155.772.197.743	198.038.368.103
Doanh thu không phân bổ							22.220.365.211	17.322.479.034
Chi phí không phân bổ							(4.005.947.825)	(3.206.877.113)
Thuế thu nhập							(34.930.988.331)	(38.334.167.524)
							139.055.626.798	173.819.802.500

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Dịch vụ thương mại		Dịch vụ bất động sản		Dịch vụ tài chính		Tổng cộng	
	31/12/2017	1/1/2017	31/12/2017	1/1/2017	31/12/2017	1/1/2017	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản								
Tài sản ngắn hạn	1.408.178.287.282	1.506.838.189.096	184.573.839.659	192.676.252.067	31.729.941.877	36.904.268.084	1.624.482.068.818	1.736.418.709.247
Tài sản dài hạn	582.596.738.921	582.309.965.300	1.405.754.308.024	1.014.176.819.355	1.184.870.025	1.736.628.231	1.989.535.916.970	1.598.223.412.886
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	2.584.589.729	3.175.854.992
	1.990.775.026.203	2.089.148.154.396	1.590.328.147.683	1.206.853.071.422	32.914.811.902	38.640.896.315	3.616.602.575.517	3.337.817.977.125
Nợ phải trả								
Nợ ngắn hạn	1.252.639.776.793	1.328.672.318.245	536.341.023.774	263.671.040.201	1.280.981.107	12.034.955.377	1.790.261.781.674	1.604.378.313.823
Nợ dài hạn	101.169.212.863	93.525.903.675	447.393.472.653	466.203.282.246	430.582.328	1.225.185.042	548.993.267.844	560.954.370.963
	1.353.808.989.656	1.422.198.221.920	983.734.496.427	729.874.322.447	1.711.563.435	13.260.140.419	2.339.255.049.518	2.165.332.684.786

Cho năm:

	Dịch vụ thương mại		Dịch vụ bất động sản		Dịch vụ tài chính		Tổng cộng	
	2017	2016	2017	2016	2017	2016	2017	2016
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Khấu hao và phân bổ	48.340.563.875	23.432.913.917	23.215.889.150	23.432.913.917	-	-	71.556.453.025	55.968.378.088
Các khoản dự phòng	(770.524.737)	(2.680.507.240)	(21.975.574.661)	(2.680.507.240)	3.994.532.000	(78.778.319)	(18.751.567.398)	(1.462.781.515)
Chi tiêu vốn	106.396.937.313	125.632.131.916	422.337.526.056	125.632.131.916	-	-	528.734.463.369	190.408.073.937

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tiền mặt	28.498.281.539	15.424.708.233
Tiền gửi ngân hàng	149.121.323.636	138.751.867.022
Các khoản tương đương tiền	45.127.333.333	77.014.864.424
	222.746.938.508	231.191.439.679

Trong các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có 9.415 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2017: 4.258 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2017	1/1/2017		
	Số lượng	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn vào:				
Cổ phiếu niêm yết				
• Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Bến Thành	9	162.572	162.572	-
• Công ty Cổ phần Việt Thái	650.760	8.042.676.000	8.042.676.000	(1.014.468.000)
• Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên	3	22.740	22.740	-
• Công ty Cổ phần TASCO	-	-	-	(121.000.000)
Cổ phiếu chưa niêm yết				
• Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Thái Bình Dương	500.000	14.000.000.000	14.000.000.000	(9.000.000.000)
• Công ty Cổ phần Bến Thành Non Nước	900.000	9.000.000.000	9.000.000.000	-
• Công ty Bảo hiểm Toàn Cầu	180.000	6.300.000.000	6.300.000.000	(5.040.000.000)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Tổng hợp Điện Lực Thành phố Hồ Chí Minh	1.350.000	13.500.000.000	13.500.000.000	(5.130.000.000)
• Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	812	2.052.543	2.052.543	-
		50.844.913.855	51.869.913.855	(15.175.468.000)
			(19.170.000.000)	(15.175.468.000)

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(*) Tại ngày báo cáo tài chính, không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

Biến động của dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	15.175.468.000	15.845.846.319
Tăng dự phòng trong năm	5.130.000.000	1.524.948.000
Dự phòng sử dụng trong năm	-	(591.600.000)
Hoàn nhập	(1.135.468.000)	(1.603.726.319)
Số dư cuối năm	19.170.000.000	15.175.468.000

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Ký quỹ ngắn hạn	8.550.000.000	8.550.000.000	11.750.000.000	11.750.000.000

Trong kỳ quỹ ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có 6.500 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2017: Không) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đầu tư vốn vào:
Các công ty con

- Công ty Liên doanh ComfortDelgro Savico Taxi
- Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC) (a)
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương (b)
- Công ty Cổ phần Dana (DANA FORD)
- Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam (c)
- Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt (d)
- Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Nam Sài Gòn
- Công ty Cổ phần Đầu tư Savico (e)
- Công ty TNHH Ô tô Bắc Âu Hà Nội (f)
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Bình Thuận (g)
- Công ty Cổ phần Ô tô Bến Thành Tây Ninh (h)

	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
	40,03%	40,03%	34.860.332.594	(*)	-
	35,16%	35,16%	72.435.469.630	(*)	-
	35,41%	35,41%	25.527.962.512	(*)	-
	28,19%	28,19%	16.429.828.085	(*)	-
	43,80%	43,80%	21.436.333.643	(*)	-
	35%	35%	15.834.973.826	(*)	-
	39,81%	39,81%	28.192.701.551	(*)	-
	15,62%	15,62%	3.885.529.321	(*)	-
	40%	40%	63.929.820.396	(*)	-
	17,50%	17,50%	5.266.668.731	(*)	-
	26,03%	26,03%	10.045.138.517	(*)	-
	26,03%	26,03%	7.470.753.861	(*)	-
			305.315.512.667		

Các khoản đầu tư khác

- Các khoản đầu tư dài hạn khác

			8.689.264.000	(*)	
			314.004.776.667		

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Ngày 1 tháng 1 năm 2017	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi số VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Đầu tư vốn vào:					
Các công ty liên kết					
• Công ty Liên doanh ComfortDelgro Savico Taxi	40,03%	40,03%	34.766.236.353	(*)	-
• Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	35,16%	35,16%	61.082.122.037	(*)	-
• Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương	27,50%	27,50%	14.917.853.871	(*)	-
• Công ty Cổ phần Dana (DANA FORD)	28,19%	28,19%	12.741.640.310	(*)	-
• Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam	43,80%	43,80%	13.457.567.475	(*)	-
• Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	51%	51%	33.739.344.765	(*)	-
• Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu	39,81%	39,81%	17.512.179.606	(*)	-
• Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Nam Sài Gòn	15,62%	15,62%	3.627.382.800	(*)	-
			191.844.327.217		
Các khoản đầu tư khác					
• Các khoản đầu tư dài hạn khác			12.415.264.000	(*)	-
			204.259.591.217		-

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Tại ngày lập báo cáo tài chính, không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.
- (a) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn đã mua thêm cổ phần với mệnh giá 12.307 triệu VND của Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC). Tại ngày báo cáo, Tập đoàn đã thanh toán đủ cho cổ phần đã mua.
- (b) Tại ngày 26 tháng 11 năm 2017, Tập đoàn đã mua thêm cổ phần với mệnh giá 5.500 triệu VND của Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương. Tại ngày báo cáo, Tập đoàn đã thanh toán đủ cho cổ phần đã mua.
- (c) Tại ngày 18 tháng 4 năm 2017, Tập đoàn đã mua thêm cổ phần với mệnh giá 6.570 triệu VND của Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam. Tại ngày báo cáo, Tập đoàn đã thanh toán đủ cho cổ phần đã mua.
- (d) Tại ngày 30 tháng 10 năm 2017, Tập đoàn đã chuyển nhượng 31% cổ phần trong Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt cho Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Nguyễn Bình theo mệnh giá và mua thêm 15% cổ phần của Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt với giá 4.925 triệu VND và tăng tỷ lệ lợi ích kinh tế từ 20% lên 35%.
- (e) Tại ngày 1 tháng 3 năm 2017, Tập đoàn đã chuyển nhượng 60% cổ phần trong Công ty Cổ phần Đầu tư Savico tương đương 72.000 triệu VND cho Công ty Cổ phần Đầu tư Nguyễn Nguyễn Group, một bên thứ ba với giá 63.600 triệu VND và không còn nắm quyền kiểm soát khoản đầu tư này. Lỗ do thanh lý khoản đầu tư 8.385 triệu VND được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.
- Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, Tập đoàn đã mua thêm cổ phần với mệnh giá 16.600 triệu VND của Công ty Cổ phần Đầu tư Savico. Tại ngày báo cáo, Tập đoàn đã thanh toán đủ cho cổ phần đã mua.
- (f) Tại ngày 5 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn đã mua 25% vốn trong Công ty TNHH Ô tô Bắc Âu Hà Nội. Tại ngày báo cáo, Tập đoàn đã thanh toán đủ cho cổ phần đã mua.
- (g) Tại ngày 27 tháng 2 năm 2017, Tập đoàn đã mua thêm 50% cổ phần trong Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Bình Thuận. Tại ngày báo cáo, Tập đoàn đã thanh toán đủ cho cổ phần đã mua.
- (h) Tại ngày 21 tháng 3 năm 2017, Tập đoàn đã mua thêm 50% cổ phần trong Công ty Cổ phần Ô tô Bến Thành Tây Ninh. Tại ngày báo cáo, Tập đoàn đã thanh toán đủ cho cổ phần đã mua.

Biến động đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	191.844.327.217	152.825.091.873
Đầu tư mới	68.402.469.945	20.750.000.000
Chuyển từ đầu tư vào công ty con về các khoản đầu tư dài hạn khác	60.400.000.000	3.000.000.000
Phần lãi thuần trong các công ty liên kết (sau thuế thu nhập doanh nghiệp)	14.315.723.152	19.693.440.554
Cổ tức từ các công ty liên kết	(11.047.007.647)	(4.354.132.500)
Thanh lý một phần của công ty liên kết	(18.600.000.000)	-
Giải thể các công ty liên kết	-	(70.072.710)
	305.315.512.667	191.844.327.217

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Thông tin trích lược từ bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty liên kết như sau:

	Tổng tài sản tại ngày 31/12/2017 VND	Tổng nợ phải trả tại ngày 31/12/2017 VND	Tổng vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2017 VND	Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế 2017 VND
Công ty Liên doanh ComfortDelgro Savico Taxi	92.606.460.284	5.520.942.938	87.085.517.346	235.064.305
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	482.681.351.597	247.931.698.423	234.749.653.174	16.313.238.600
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương	90.547.690.235	56.083.780.086	34.463.910.149	4.416.432.199
Công ty Cổ phần Dana (DANA FORD)	72.261.760.225	32.339.117.135	39.922.643.090	14.402.194.362
Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam	67.216.509.232	17.624.063.937	49.592.445.295	3.468.350.996
Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	213.655.108.515	153.633.488.139	60.021.620.376	21.618.133
Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu	194.109.835.745	133.557.619.073	60.552.216.672	5.962.544.045
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Nam Sài Gòn	71.246.309.415	58.294.545.014	12.951.764.401	1.000.593.205
Công ty Cổ phần Đầu tư Savico	166.214.492.012	6.393.470.400	159.821.021.612	(164.026.405)
Công ty TNHH Ô tô Bắc Âu Hà Nội	70.225.878.633	50.164.981.873	20.060.896.760	287.441.803
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Bình Thuận	60.188.618.278	40.118.341.243	20.070.277.035	90.277.035
Công ty Cổ phần Ô tô Bến Thành Tây Ninh	24.107.499.276	9.165.991.555	14.941.507.721	(58.492.279)

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Tổng tài sản tại ngày 1/1/2017 VND	Tổng nợ phải trả tại ngày 1/1/2017 VND	Tổng vốn chủ sở hữu tại ngày 1/1/2017 VND	Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế 2016 VND
Công ty Liên doanh ComfortDelgro Savico Taxi	94.307.507.319	7.457.054.278	86.850.453.041	3.289.018.453
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	386.671.696.197	212.659.557.052	174.012.139.145	34.910.625.321
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương	108.126.340.960	76.428.863.010	31.697.477.950	3.637.913.333
Công ty Cổ phần Dana (DANA FORD)	68.660.921.930	37.896.624.611	30.764.297.319	12.174.662.431
Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam	126.000.242.828	94.876.158.648	31.124.084.180	5.140.525.341
Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	212.891.374.170	129.556.683.927	83.334.690.243	8.364.354.364
Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu	117.550.433.796	62.960.895.169	54.589.538.627	(5.410.461.373)
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Nam Sài Gòn	52.354.565.053	40.273.316.741	12.081.248.312	81.248.312

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu khách hàng

Phải thu khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Các khách hàng liên quan đến doanh thu bán hàng hóa	421.818.347.701	373.126.393.523
Các khách hàng liên quan đến doanh thu cho thuê	4.057.261.443	7.531.096.621
Các khách hàng liên quan đến doanh thu chuyển nhượng bất động sản	11.392.744.882	13.226.866.859
Các khách hàng khác	5.696.224.966	4.879.463.416
	442.964.578.992	398.763.820.419

8. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Đặt cọc cho kinh doanh xe ô tô đã qua sử dụng hộ khách hàng	15.678.169.967	24.704.421.967
Tạm ứng cho người lao động	23.299.322.087	19.840.658.502
Đặt cọc ngắn hạn	3.703.090.000	6.394.789.570
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	44.839.217.642	20.479.094.092
	87.519.799.696	71.418.964.131

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Phải thu từ các hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	106.431.941.568	113.406.731.568
Đặt cọc dài hạn	52.395.615.531	15.094.801.021
Các khoản phải thu dài hạn khác	11.878.501.247	13.303.305.631
	170.706.058.346	141.804.838.220

(*) Các khoản phải thu này liên quan đến một thỏa thuận hợp tác kinh doanh về đầu tư bất động sản với các đối tác khác.

Không có biến động dự phòng nợ dài hạn khó đòi trong năm.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Hàng tồn kho

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng giảm giá VND
Hàng mua đang đi trên đường	1.707.995.686	-	8.738.144.365	-
Vật liệu và phụ tùng thay thế	9.263.015.115	-	8.358.691.735	(2.420.239.855)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	100.735.006.129	-	98.413.666.982	(21.975.574.661)
Thành phẩm	3.199.863.453	-	766.459.655	-
Hàng hóa (xe ô tô và xe máy)	606.554.957.529	(2.340.308.192)	754.067.412.038	(690.593.074)
Hàng gửi đi bán	457.174.127	-	245.553.688	-
	721.918.012.039	(2.340.308.192)	870.589.928.463	(25.086.407.590)

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang phản ánh các dự án bất động sản nhà ở.

Biến động trong năm của khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	25.086.407.590	24.567.431.419
Tăng dự phòng trong năm	1.551.889.252	1.051.497.482
Hoàn nhập	(24.297.988.650)	(532.521.311)
	2.340.308.192	25.086.407.590

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 355.069 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2017: 240.794 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	212.746.421.844	54.903.183.667	10.930.751.188	62.117.871.782	10.152.083.103	350.850.311.584
Tăng trong năm	6.698.377.919	8.583.381.347	2.603.737.722	35.835.524.185	34.160.000	53.755.181.173
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang Thanh lý	96.614.742.557 (240.580.567)	17.761.119.036 (540.505.472)	972.681.973 (4.968.556.454)	3.244.291.564 (33.733.871.337)	-	118.592.835.130 (39.483.513.830)
Số dư cuối năm	315.818.961.753	80.707.178.578	9.538.614.429	67.463.816.194	10.186.243.103	483.714.814.057
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	71.157.061.815	32.392.224.566	6.864.479.425	13.749.760.811	6.075.858.136	130.239.384.753
Khấu hao trong năm	24.066.591.852 (34.486.498)	9.489.338.091 (487.283.247)	1.576.088.209 (957.389.417)	10.472.022.136 (6.981.036.914)	888.444.829	46.492.485.117 (8.460.196.076)
Số dư cuối năm	95.189.167.169	41.394.279.410	7.483.178.217	17.240.746.033	6.964.302.965	168.271.673.794
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	141.589.360.029	22.510.959.101	4.066.271.763	48.368.110.971	4.076.224.967	220.610.926.831
Số dư cuối năm	220.629.794.584	39.413.699.168	2.055.436.212	50.223.070.161	3.121.140.138	315.443.140.263

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 29.241 triệu VND được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 (ngày 1 tháng 1 năm 2017: 35.849 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 90.996 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2017: 41.434 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định VND	Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	20.697.299.091	10.932.464.000	2.712.679.350	34.342.442.441
Tăng trong năm	-	51.211.524.140	1.430.232.000	52.641.756.140
Chuyển sang xây dựng cơ bản dở dang	-	-	345.093.675	345.093.675
Số dư cuối năm	20.697.299.091	62.143.988.140	4.488.005.025	87.329.292.256
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	4.178.190.742	2.311.795.541	6.489.986.283
Khấu hao trong năm	-	235.392.840	1.612.685.918	1.848.078.758
Số dư cuối năm	-	4.413.583.582	3.924.481.459	8.338.065.041
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	20.697.299.091	6.754.273.258	400.883.809	27.852.456.158
Số dư cuối năm	20.697.299.091	57.730.404.558	563.523.566	78.991.227.215

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 1.915 triệu VND được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 (ngày 1 tháng 1 năm 2017: 1.815 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ là 20.697 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2017: 20.697 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	68.707.047.550	736.899.537.661	805.606.585.211
Tăng trong năm	-	77.803.547.887	77.803.547.887
Số dư cuối năm	68.707.047.550	814.703.085.548	883.410.133.098
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	10.570.473.702	138.075.212.185	148.645.685.887
Khấu hao trong năm	-	23.215.889.150	23.215.889.150
Số dư cuối năm	10.570.473.702	161.291.101.335	171.861.575.037
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	58.136.573.848	598.824.325.476	656.960.899.324
Số dư cuối năm	58.136.573.848	653.411.984.213	711.548.558.061

Trong bất động sản đầu tư cho thuê có các tài sản với nguyên giá 8.748 triệu VND được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 (ngày 1 tháng 1 năm 2017: 8.748 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 bất động sản đầu tư cho thuê với giá trị ghi sổ là 526.286 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2017: 539.959 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê không được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư cho thuê của Tập đoàn và không có thị trường hoạt động cho loại bất động sản đầu tư này.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	334.830.529.720	171.438.939.997
Tăng trong năm	344.533.978.169	125.632.131.916
Chuyển sang hàng tồn kho	(57.543.338.423)	(56.793.573.710)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(118.592.835.130)	(11.215.484.522)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(345.093.675)	-
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	855.158.177
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	-	48.420.707.683
Chuyển từ bất động sản đầu tư	-	57.306.554.900
Xóa sổ	-	(813.904.721)
Giảm do thanh lý một phần khoản đầu tư vào một công ty con (Thuyết minh 5)	(119.736.880.000)	-
Số dư cuối năm	383.146.360.661	334.830.529.720

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Dự án Mecure Sơn Trà, Đà Nẵng	84.351.999.406	84.351.999.406
Dự án 104 Phố Quang	263.154.634.444	37.264.371.710
Xây dựng cửa hàng trung bày Savico Hà Nội	18.611.153.039	-
Xây dựng cửa hàng trung bày của Chi nhánh Toyota Nam Định thuộc Công ty Liên doanh Toyota Giải phóng, một công ty con	15.580.216.010	-
Nâng cấp cửa hàng trung bày của Công ty TNHH Toyota Cần Thơ, một công ty con	676.615.951	16.835.211.045
Dự án Hồ Tràm, Xuyên Mộc	243.853.083	243.853.083
Dự án Auto Mall	155.027.000	16.156.292.671
Xây dựng cửa hàng trung bày Hyundai Sông Hàn	90.272.728	-
Dự án 66 – 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa	-	119.404.383.323
Xây dựng cửa hàng trung bày của Công ty Cổ phần Ô tô Nam Sông Hậu, một công ty con	-	45.690.790.037
Xây dựng cửa hàng trung bày của Công ty Cổ phần Ô tô Tây Bắc Sài Gòn, một công ty con	-	9.671.858.522
Xây dựng cửa hàng trung bày của Công ty Cổ phần Ô tô Bình Định, một công ty con	-	3.422.326.923
Xây dựng cửa hàng trung bày Volvo	-	1.739.843.000
Các công trình khác	282.589.000	49.600.000
	383.146.360.661	334.830.529.720

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014//TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Chi phí thuê văn phòng và thuê nhà	827.806.770	6.684.832.123
Công cụ và dụng cụ	2.901.392.174	3.604.902.340
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	7.950.449.135	8.180.920.886
	11.679.648.079	18.470.655.349

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Công cụ và dụng cụ	10.242.179.982	4.985.807.415
Chi phí đất trả trước	2.108.990.485	3.311.434.317
Chi phí nâng cấp	1.187.170.471	1.734.948.016
Các chi phí trả trước dài hạn khác	6.307.454.819	6.021.981.668
	19.845.795.757	16.054.171.416

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014//TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Các khoản phải trả người bán

Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Ô tô Hyundai Thành Công Việt Nam	34.450.439.189	34.450.439.189	71.055.270.000	71.055.270.000
Các nhà cung cấp có liên quan đến nhãn hiệu Ford	10.769.868.725	10.769.868.725	16.083.917.377	16.083.917.377
Các nhà cung cấp có liên quan đến nhãn hiệu Toyota	10.957.339.007	10.957.339.007	7.301.678.645	7.301.678.645
Công ty Liên doanh TNHH Hino Motors Việt Nam	52.784.432.553	52.784.432.553	23.375.799.766	23.375.799.766
Tổng công ty Máy Động lực và Máy Nông nghiệp Việt Nam - CTCP	39.926.097.872	39.926.097.872	2.785.458.704	2.785.458.704
Các nhà cung cấp khác	58.689.983.230	58.689.983.230	62.604.022.405	62.604.022.405
	207.578.160.576	207.578.160.576	183.206.146.897	183.206.146.897

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phải nộp trong năm VND	Cán trừ/ Phân loại lại VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2017 VND
Thuế					
Thuế giá trị gia tăng	18.010.207.655	1.519.598.515.019	(1.221.925.454.623)	(299.545.152.160)	16.138.115.891
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.438.002.792	34.353.137.775	(210.617.065)	(40.155.148.919)	11.425.374.583
Thuế thu nhập cá nhân	3.768.337.781	16.682.569.659	95.014.877	(17.427.529.354)	3.118.392.963
Các khoản phải nộp khác					
Thuê đất	54.948.413	289.827.076.870	-	(289.882.025.283)	-
Các khoản phải nộp khác	1.659.110.996	9.235.944.587	-	(10.555.730.927)	339.324.656
	<u>40.930.607.637</u>	<u>1.869.697.243.910</u>	<u>(1.222.041.056.811)</u>	<u>(656.770.084.326)</u>	<u>31.021.208.093</u>

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2017 VND	Cán trừ/ Phân loại lại VND	31/12/2017 VND
Thuế			
Thuế thu nhập doanh nghiệp	911.104.505	(210.617.065)	700.487.440
Thuế thu nhập cá nhân	2.788.754	95.014.877	97.803.631
	<u>913.893.259</u>	<u>(115.602.188)</u>	<u>798.291.071</u>

17. Chi phí phải trả

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Lãi vay	1.060.408.211	847.851.670
Phí thuê	326.454.546	768.000.000
Lương và các chi phí có liên quan	8.951.134.473	5.520.419.349
Phí dịch vụ chuyên môn	9.391.282.377	9.831.409.581
Chi phí hoạt động phải trả	6.832.410.408	6.934.482.850
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	20.395.994.124	20.124.537.821
	<u>46.957.684.139</u>	<u>44.026.701.271</u>

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Doanh thu chưa thực hiện

(a) Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Dịch vụ bảo hành và chăm sóc khách hàng	2.669.058.100	34.640.000
Doanh thu cho thuê các tòa nhà nhận trước	-	67.252.462
Phần doanh thu chưa thực hiện dài hạn sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng	6.857.364.729	6.698.834.547
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn khác	281.309.396	6.399.242
	<u>9.807.732.225</u>	<u>6.807.126.251</u>

(b) Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Doanh thu cho thuê tòa nhà nhận trước	90.702.964.729	97.014.834.547
Phần doanh thu sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng	(6.857.364.729)	(6.698.834.547)
Phần doanh thu sẽ được thực hiện sau 12 tháng	83.845.600.000	90.316.000.000

19. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Cổ tức phải trả	1.362.239.925	1.359.883.505
Góp vốn theo tiến độ nhận được từ các khách hàng của Dự án Dân cư Tam Bình	36.686.014.014	48.784.436.509
Phải trả đối tác của một dự án bất động sản (*)	338.409.629.546	86.080.042.873
Phải trả một bên thứ ba liên quan đến tiền thuê đất chi hộ cho Công ty	43.755.483.552	-
Phải trả khách hàng	3.613.219.302	3.186.211.761
Phí bảo hiểm thu hộ các đại lý bảo hiểm	1.459.504.445	3.976.194.008
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	24.083.721.842	16.258.157.766
	<u>449.369.812.626</u>	<u>159.644.926.422</u>

(*) Khoản này thể hiện phải trả khoản trả trước từ một đối tác theo Thỏa thuận Hợp tác ký ngày 10 tháng 7 năm 2014 cho Dự án 104 Phố Quang.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Nhận đặt cọc dài hạn	67.953.382.822	65.823.106.392
Chia lợi nhuận từ công ty liên kết cho một bên thứ ba	-	4.865.984.384
Các khoản phải trả dài hạn khác (*)	24.239.513.834	40.331.555.492
	<hr/>	<hr/>
Khoản phải trả sau 12 tháng	92.192.896.656	111.020.646.268

(*) Các khoản phải trả dài hạn khác, không chịu lãi, thể hiện số tiền nhận được từ các đối tác của các hợp đồng hợp tác kinh doanh tham gia vào các dự án bất động sản của Tập đoàn như sau:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Dự án Bình An	24.239.513.834	24.239.513.834
Chi phí thuê đất phải trả cho chủ đất	-	16.092.041.658
	<hr/>	<hr/>
	24.239.513.834	40.331.555.492

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2017		31/12/2017	
	Giá trị ghi số VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị ghi số VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	932.797.817.691	932.797.817.691	830.803.284.329	830.803.284.329
Vay dài hạn đến hạn trả	25.153.217.200	25.153.217.200	25.014.134.558	25.014.134.558
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	957.951.034.891	957.951.034.891	855.817.418.887	855.817.418.887
		8.442.736.899.615	(8.544.870.515.619)	
		<hr/>	<hr/>	
		8.442.736.899.615	(8.544.870.515.619)	855.817.418.887

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank)	VND	5% - 8,30%	350.571.411.328	174.970.896.352
▪ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank)	VND	5% - 8,50%	211.047.850.904	45.792.690.000
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)	VND	5% - 7%	94.222.007.053	295.278.290.257
▪ Ngân hàng TNHH HSBC (Việt Nam)	VND	4,60% - 5,50%	91.869.420.900	89.645.324.800
▪ Ngân hàng TNHH ANZ Việt Nam	VND	4,50% - 4,80%	46.119.997.200	32.165.721.250
▪ Ngân hàng TMCP Quân đội (MB Bank)	VND	6,80% - 8,60%	13.467.336.261	70.047.963.500
▪ Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam (BIDV)	VND	6,80%	10.429.238.354	2.870.005.000
▪ Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank)	VND	6%	8.231.959.829	-
▪ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	VND	7,20%	3.544.062.500	19.293.089.273
▪ Vay từ một cá nhân	VND	5,80% - 8,50%	1.300.000.000	1.300.000.000
▪ Ngân hàng Mizuho	VND	2,70% - 5,40%	-	15.000.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	VND	8,50%	-	19.264.105.259
▪ Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation (SMBC)	VND	2,60% - 5,60%	-	48.000.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank)	VND	7,20%	-	6.207.300.000
▪ Ngân hàng The Bank of Tokyo Mitsubishi UFJ. Ltd.	VND	1,75% - 3,75%	-	89.500.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB)	VND	5,50% - 6%	-	18.462.432.000
▪ Ngân hàng TMCP Phương Đông Việt Nam (OCB)	VND	8,50%	-	5.000.000.000
			830.803.284.329	932.797.817.691

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Trong vay ngắn hạn có 174.011 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2017: 225.454 triệu VND) vay không đảm bảo và 656.792 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2017: 707.344 triệu VND) được đảm bảo bằng các tài sản sau:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Các khoản tương đương tiền	9.414.870.000	4.257.690.000
Hàng tồn kho	382.141.735.049	213.229.659.734
Các khoản đầu tư ngắn hạn	6.500.000.000	-
Tài sản cố định hữu hình	8.424.427.947	10.157.093.049
	406.481.032.996	227.644.442.783

(b) Vay dài hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Vay dài hạn	397.968.905.746	384.770.941.895
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(25.014.134.558)	(25.153.217.200)
	372.954.771.188	359.617.724.695

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)	VND	10%	2020	293.985.585.900	297.300.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)	VND	8%	2029	40.000.000.000	-
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank)	VND	8%	2025	20.400.000.000	23.642.848.800
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietcombank)	VND	7,10%	2022	14.325.811.468	19.325.811.468
▪ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (Pvcombank)	VND	9,50% - 12%	2024	11.565.010.993	12.590.635.783
▪ Ngân hàng TMCP Phương Đông Việt Nam (OCB)	VND	10% - 10,40%	2025	8.900.000.000	10.100.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank)	VND	9%	2019	6.200.000.000	-
▪ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank)	VND	7,20% - 7,60%	2019	1.054.967.893	2.000.576.293
▪ Ngân hàng TMCP Quân đội (MB Bank)	VND	9,50%	2018	867.514.158	2.971.250.539
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank)	VND	8,50% - 10,50%	2021	670.015.334	871.027.334
▪ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank)	VND	10% - 10,50%	2022	-	13.018.791.678
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)	VND	11%	2019	-	2.500.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)	VND	8%	2020	-	450.000.000
				397.968.905.746	384.770.941.895

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Trong vay dài hạn có 8.900 triệu VND vay không đảm bảo (ngày 1 tháng 1 năm 2017: 10.550 triệu VND) và 389.069 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2017: 374.221 triệu VND) đảm bảo bằng các tài sản sau:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Hàng tồn kho	-	27.564.760.190
Tài sản cố định hữu hình	82.572.007.348	31.277.368.199
Tài sản cố định vô hình	20.697.299.091	20.697.299.091
Bất động sản đầu tư	526.286.191.862	539.958.957.655
Xây dựng cơ bản dở dang	-	32.991.503.716
	629.555.498.301	652.489.888.851

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	22.168.124.301	15.839.027.240
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối trong năm (Thuyết minh 22)	3.700.978.148	16.008.880.890
Hoàn nhập vào lợi nhuận chưa phân phối trong năm (Thuyết minh 22)	(3.000.000.000)	-
Sử dụng trong năm	(8.945.995.694)	(9.679.783.829)
Số dư cuối năm	13.923.106.755	22.168.124.301

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	249.955.730.000	317.064.858.303	-	(690.474.358)	43.550.163.077	198.727.250.046	252.525.118.016	1.061.132.645.084
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	122.992.852.474	50.826.950.026	173.819.802.500
Góp vốn từ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	3.106.875.899	(3.106.875.899)	22.392.800.000	22.392.800.000
Trích quỹ	-	-	-	-	-	(16.008.880.890)	-	(16.008.880.890)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 21)	-	-	-	-	-	(34.965.709.800)	(30.251.713.651)	(65.217.423.451)
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	-	(3.633.650.904)	-	(3.633.650.904)
Trích quỹ phí Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	2.550.000.000	-	-	(2.550.000.000)	-	-
Cổ phiếu cổ tức được nhận từ một công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	249.955.730.000	317.064.858.303	2.550.000.000	(690.474.358)	46.657.038.976	261.454.985.027	295.493.154.391	1.172.485.292.339
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	81.633.249.712	57.422.377.086	139.055.626.798
Góp vốn từ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	30.128.740.000	30.128.740.000
Trích quỹ	-	-	-	-	1.870.782.882	(1.870.782.882)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 21)	-	-	-	-	-	(2.049.094.694)	(1.651.883.454)	(3.700.978.148)
Hoàn nhập vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 21)	-	-	-	-	-	3.000.000.000	-	3.000.000.000
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	-	(29.970.608.400)	(29.262.352.512)	(59.232.960.912)
Trích quỹ phí Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	(3.089.994.040)	(698.274.798)	(3.788.268.838)
Cổ phiếu cổ tức được nhận từ một công ty con	-	-	12.300.000.000	-	(988.652.746)	(11.311.347.254)	-	-
Giảm do thanh lý một phần khoản đầu tư vào một công ty con (Thuyết minh 5)	-	-	-	-	-	-	(599.925.240)	(599.925.240)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	249.955.730.000	317.064.858.303	14.850.000.000	(690.474.358)	47.539.169.112	297.796.407.469	350.831.835.473	1.277.347.525.999

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Cổ phiếu phổ thông được phép lưu hành	24.995.573	249.955.730.000	24.995.573	249.955.730.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành	24.995.573	249.955.730.000	24.995.573	249.955.730.000
Cổ phiếu quỹ	(20.066)	(690.474.358)	(20.066)	(690.474.358)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	24.975.507	249.265.255.642	24.975.507	249.265.255.642

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông được xếp ngang hàng khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu mà Công ty mua lại, mọi quyền lợi đều bị treo cho đến khi số cổ phiếu đó được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

24. Cổ tức

Đại hội Cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 31 tháng 3 năm 2017 đã quyết định chia cổ tức của năm 2016 là 29.971 triệu VND (2016: 34.966 triệu VND), bằng 12% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm chia cổ tức.

25. Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản tiền đã sử dụng được chuyển sang Vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Trong vòng một năm	68.304.685.125	55.451.537.221
Từ hai đến năm năm	279.568.218.919	168.454.792.433
Trên năm năm	197.293.850.095	250.098.583.482
	545.166.754.139	474.004.913.136

(b) Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba	216.346.324.401	195.199.287.268

27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2017 VND	2016 VND
Tổng doanh thu		
▪ Chuyển nhượng bất động sản	16.340.873.687	120.048.476.587
▪ Bán hàng hóa	12.702.430.569.632	12.660.921.393.799
▪ Cung cấp dịch vụ	910.629.033.908	715.488.858.533
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	165.324.387.064	165.413.518.026
	13.794.724.864.291	13.661.872.246.945
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu	(13.418.108.557)	(12.749.646.528)
Doanh thu thuần	13.781.306.755.734	13.649.122.600.417

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Giá vốn hàng bán

	2017 VND	2016 VND
Giá trị còn lại của bất động sản đã chuyển nhượng	9.705.017.756	102.847.216.723
Hàng hóa đã bán	12.461.214.310.341	12.410.468.193.440
Dịch vụ đã cung cấp	555.539.249.896	363.009.487.554
Chi phí của dịch vụ cho thuê bất động sản đầu tư (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	57.204.498.462 (22.746.099.398)	59.524.331.606 518.976.171
	13.060.916.977.057	12.936.368.205.494

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	2017 VND	2016 VND
Thu nhập lãi tiền gửi	3.833.731.149	3.068.516.495
Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán	35.000.000	1.252.300.644
Cổ tức	3.955.929.300	3.153.564.300
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	711.323	688.009.469
Các doanh thu tài chính khác	13.445.603.736	7.430.748.317
	21.270.975.508	15.593.139.225

30. Chi phí tài chính

	2017 VND	2016 VND
Chi phí lãi vay	90.915.434.287	66.862.508.991
Lỗ do thanh lý một phần khoản đầu tư vào một công ty con	8.385.122.777	-
Lỗ từ kinh doanh chứng khoán	-	1.888.650.244
Lỗ từ xóa sổ khoản đầu tư vào công ty liên kết	-	70.072.710
Chi phí kinh doanh chứng khoán	2.120.000	51.531.412
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.352.400	15.964.137
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư kinh doanh chứng khoán	3.994.532.000	(78.778.319)
Các chi phí tài chính khác	4.575.656.035	2.082.674.437
	107.874.217.499	70.892.623.612

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014//TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Chi phí bán hàng

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân công và nhân viên	196.515.118.670	170.828.641.809
Chi phí dịch vụ mua ngoài	82.804.219.761	69.832.732.161
Khấu hao và phân bổ	12.354.760.403	14.617.967.143
Công cụ và dụng cụ	22.709.174.148	18.949.585.800
Chi phí hỗ trợ và hoa hồng cho nhà phân phối	25.135.449.251	29.015.586.886
Các chi phí bán hàng khác	75.599.032.457	23.371.152.369
	415.117.754.690	326.615.666.168

32. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân công và nhân viên	108.046.674.768	97.927.166.623
Chi phí dịch vụ mua ngoài	56.881.146.008	52.836.231.854
Chi phí khấu hao	14.367.120.609	7.915.669.468
Các chi phí quản lý doanh nghiệp khác	63.057.520.868	51.524.721.081
	242.352.462.253	210.203.789.026

33. Thu nhập khác

	2017 VND	2016 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	1.694.002.773	2.048.087.583
Khấu trừ các khoản phải trả cho nhà cung cấp	126.965.249.954	36.860.704.421
Hoa hồng nhận được từ các bên khác	38.213.006.884	22.713.837.638
Bồi thường từ một bên do hủy hợp đồng	396.605.869	309.000.000
Các thu nhập khác	18.934.037.128	13.100.321.599
	186.202.902.608	75.031.951.241

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014//TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. Chi phí khác

	2017 VND	2016 VND
Lỗ từ xóa sổ tài sản cố định	-	314.463.860
Lỗ từ xóa sổ xây dựng cơ bản dở dang	-	813.904.721
Bồi thường đã trả cho một khách hàng do hủy hợp đồng	369.120.000	630.652.210
Phạt thuế do nộp chậm	662.585.057	982.111.528
Các chi phí khác	1.816.625.317	465.744.794
	2.848.330.374	3.206.877.113

35. Chi phí thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	2017 VND	2016 VND
Chi phí mua bất động sản để chuyển nhượng	9.705.017.756	102.847.216.723
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	12.734.292.664.568	12.454.697.647.419
Chi phí nhân công và nhân viên	416.988.804.987	365.962.775.579
Chi phí khấu hao và phân bổ	71.556.453.025	55.968.378.088
Chi phí dịch vụ mua ngoài	260.003.119.736	209.455.141.273
Các chi phí khác	225.841.133.928	284.256.501.606
	246.728.663.990	256.809.520.679

36. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong bảng cân đối kế toán

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Chi phí phải trả	2.584.589.729	2.227.769.239
Giá trị thuế của các khoản lỗ mang sang	-	948.085.753
	2.584.589.729	3.175.854.992

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014//TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2017 VND	2016 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	33.459.518.503	37.831.746.134
Dự phòng thiếu trong những năm trước	893.619.272	1.087.251.913
	34.353.137.775	38.918.998.047
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập chênh lệch tạm thời	(370.235.197)	363.255.230
Lợi ích lỗ tính thuế đã sử dụng/(được ghi nhận)	948.085.753	(948.085.753)
	577.850.556	(584.830.523)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	34.930.988.331	38.334.167.524

(c) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận trước thuế	173.986.615.129	212.153.970.024
Thuế theo thuế suất thuế thu nhập áp dụng cho Công ty	34.797.323.026	42.430.794.005
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.296.958.299	182.579.881
Thu nhập không chịu thuế	(1.523.056.169)	(5.062.398.412)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	1.254.788.040	2.041.960.592
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận trên khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá trị của các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết	(1.788.644.137)	(2.346.020.455)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	893.619.272	1.087.251.913
	34.930.988.331	38.334.167.524

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được một số công ty con ghi nhận trên lỗ tính thuế vì các công ty con này không chắc chắn có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng lợi ích của các khoản lỗ tính thuế này.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014//TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Các thuế suất áp dụng

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty và hầu hết các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

37. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào Quỹ khen thưởng và phúc lợi và Quỹ phí Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông có số dư như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận thuần trong năm thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn trong năm	81.633.249.712	122.992.852.474
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.049.094.694)	(16.008.880.890)
Hoàn nhập vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	3.000.000.000	-
Trích quỹ phí Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	(3.089.994.040)	(3.633.650.904)
	79.494.160.978	103.350.320.680

(ii) Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông

	2017 Số lượng cổ phiếu	2016 Số lượng cổ phiếu
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	24.975.507	24.975.507

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014//TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Xác định các bên liên quan

Tập đoàn kiểm soát các mối quan hệ với các công ty con và có mối quan hệ liên quan hệ với các công ty liên kết và các cán bộ quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các cán bộ quản lý chủ chốt

Tổng số tiền thù lao và trợ cấp kinh doanh cho cán bộ quản lý chủ chốt như sau:

	2017 VND	2016 VND
Ban Quản trị	2.184.000.000	2.061.138.000
Ban Giám đốc	438.680.000	542.862.000
Ban Kiểm soát	613.200.000	502.500.000
	3.235.880.000	3.106.500.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan khác trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	2017 VND	2016 VND
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	Công ty liên kết	Góp vốn	12.307.350.000	-
		Mua xe ô tô	3.170.909.089	39.436.363.620
		Mua tài sản cố định	5.346.478.180	-
		Cổ tức	4.114.170.000	3.085.627.500
Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam	Công ty liên kết	Góp vốn	6.570.000.000	-
		Cho vay công ty liên kết	-	3.000.000.000
		Doanh thu hoạt động tài chính khác	40.833.333	-
Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	Công ty liên kết	Góp vốn	4.925.119.945	-
		Bán xe ô tô	31.759.830.942	30.482.014.995
		Mua xe ô tô	29.786.267.735	55.762.372.730
		Cổ tức	11.900.691.000	-
		Cho vay công ty liên kết	15.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Savico	Công ty liên kết	Góp vốn	16.600.000.000	-
		Cho vay công ty liên kết	10.000.000.000	-
		Mua dịch vụ	1.188.927.266	-
		Doanh thu hoạt động tài chính khác	92.083.333	-

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014//TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	2017 VND	2016 VND
Công ty TNHH Ô tô Bắc Âu Hà Nội	Công ty liên kết	Góp vốn	5.000.000.000	-
		Cung cấp dịch vụ	2.547.601.405	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương	Công ty liên kết	Góp vốn	5.500.000.000	-
		Cổ tức	453.750.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Bình Thuận	Công ty liên kết	Góp vốn	10.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Ô tô Bến Thành Tây Ninh	Công ty liên kết	Góp vốn	7.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Dana (DANA FORD)	Công ty liên kết	Bán xe ô tô	3.461.567.301	1.729.595.800
		Mua xe ô tô	-	1.463.636.363
		Cổ tức	1.812.150.000	1.268.505.000
		Thu nhập khác	82.233.668	-
Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu	Công ty liên kết	Góp vốn	-	30.200.000.000
Tập đoàn Bến Thành	Cổ đồng	Thanh lý các khoản đầu tư	-	12.000.000.000

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)


Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014//TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

39. Giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	2017 VND	2016 VND
Cần trừ phải thu ngắn hạn của khách hàng với phải trả dài hạn khác liên quan đến chuyển nhượng bất động sản	-	81.002.654.520
Bất động sản đầu tư đã mua nhưng chưa thanh toán	43.755.483.552	-
Cần trừ phải thu từ thanh lý đầu tư vào công ty liên kết với phải trả ngắn hạn khác	18.600.000.000	-
Cần trừ phải thu từ thanh lý một phần đầu tư vào công ty con với tạm ứng từ khách hàng	10.000.000.000	-
Cần trừ các khoản đầu tư vào công ty liên kết được mua lại với phải thu về cho vay ngắn hạn	9.800.000.000	-
Cần trừ khoản đầu tư vào các công ty liên kết được mua lại bằng các khoản phải thu ngắn hạn khác	800.000.000	-
Cần trừ các khoản phải thu khách hàng với khoản phải thu về cho vay ngắn hạn	200.000.000	-

Ngày 20 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Ngô Văn Danh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Mai Việt Hà
Tổng Giám đốc





SAVICO

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
TỔNG HỢP SÀI GÒN

68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84-8) 3821 3913
Fax: (84-8) 3821 3553 / 3821 5992

Email: savico@savico.com.vn
www.savico.com.vn